

THỜI KHÓA BIỂU CHÍNH THỨC HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2021_2022

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV ĐK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
1	3DC001 DC	3	Toán cao cấp(221)_01/CDTDHCK47_A1	37	33	LT	Nguyễn Thị Thu Nhung	14/02-05/06/22	16	1,2,3	A2.509											Ghép: CDTDHCK47A 1 +	CDCQ 47
2	3DC001 DC	3	Toán cao cấp(221)_03/CDDCNCK47_A1	43	41	LT	Nguyễn Thị Thu Nhung	14/02-05/06/22	16											7,8,9	A2.509	CDDCNCK47A 1	CDCQ 47
1	2DC011 DC	2	Hóa học đại cương 1 (+ Thí nghiệm)(221)_01	43	36	LT	Phan Thị Hoa Nam	14/02-05/06/22	16							1,2	A2.401					DHKCKCK16A 1	DHCQ 16
2	2DC011 DC	2	Hóa học đại cương 1 (+ Thí nghiệm)(221)_01_1E3	48	42	LT	Phan Thị Hoa Nam	20/12-23/01/22	5			7,8	A2.101									DHCTMCK15A 1	DHCQ 15
							Phan Thị Hoa Nam	14/02-01/05/22	11			7,8	A2.101										DHCQ 15
3	2DC011 DC	2	Hóa học đại cương 1 (+ Thí nghiệm)(221)_02	44	45	LT	Nguyễn Thị XuânHội	20/12-23/01/22	5	1,2	A2.101											DHCTMCK15A 2	DHCQ 15
							Nguyễn Thị XuânHội	14/02-01/05/22	11	1,2	A2.101												DHCQ 15
4	2DC011 DC	2	Hóa học đại cương 1 (+ Thí nghiệm)(221)_03	44	46	LT	Bùi Thị Hằng	20/12-23/01/22	5							3,4	A2.106					DHCTMCK15A 3	DHCQ 15
							Bùi Thị Hằng	14/02-01/05/22	11							3,4	A2.106						DHCQ 15
5	3DC012 DC	2	Phép biến đổi Laplace và phương pháp tính(221)_01	56	44	LT	Trần Hải Yến	20/12-23/01/22	5							1,2	A2.104					DHDDTCK15A 1	DHCQ 15
							Trần Hải Yến	14/02-24/04/22	10							1,2	A2.104						DHCQ 15
6	3DC012 DC	2	Phép biến đổi Laplace và phương pháp tính(221)_02	57	52	LT	Trần Hải Yến	20/12-23/01/22	5							3,4	A2.105					DHDDTCK15A 2	DHCQ 15
							Trần Hải Yến	14/02-24/04/22	10							3,4	A2.105						DHCQ 15
7	3DC012 DC	2	Phép biến đổi Laplace và phương pháp tính(221)_03	54	52	LT	Trần Hải Yến	20/12-23/01/22	5	7,8	A2.104											DHDDTCK15A 3	DHCQ 15
							Trần Hải Yến	14/02-24/04/22	10	7,8	A2.104												DHCQ 15
8	3DC012 DC	2	Phép biến đổi Laplace và phương pháp tính(221)_04	44	44	LT	Trần Hải Yến	20/12-23/01/22	5									7,8	A2.105			DHTDHCK15A 1	DHCQ 15
							Trần Hải Yến	14/02-24/04/22	10									7,8	A2.105				DHCQ 15
9	3DC012 DC	2	Phép biến đổi Laplace và phương pháp tính(221)_05	55	52	LT	Trần Hải Yến	20/12-23/01/22	5									1,2	A2.209			DHTDHCK15A 2	DHCQ 15
							Trần Hải Yến	14/02-24/04/22	10									1,2	A2.209				DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
10	3DC012 DC	2	Phép biến đổi Laplace và phương pháp tính(221)_06	50	27	LT	Trần Hải Yến	20/12-23/01/22	5					7,8	A2.212							DHTDHCK15A 3	DHCQ 15
							Trần Hải Yến	14/02-24/04/22	10					7,8	A2.212								DHCQ 15
11	3DC005 DC	2	Toán cao cấp 2(221)_01/DHCTMCK16A2	62	43	LT	Nguyễn Thị Thu Nhung	14/02-05/06/22	16			3,4	A3.510									DHCTMCK16A 2	DHCQ 16
12	3DC005 DC	2	Toán cao cấp 2(221)_02/DHCTMCK16A1	62	51	LT	Nguyễn Thị Thu Nhung	14/02-05/06/22	16			9,10	A3.510									DHCTMCK16A 1	DHCQ 16
13	3DC005 DC	2	Toán cao cấp 2(221)_03/DHDDTCK16A1	53	51	LT	Ngô ThịHuyền	14/02-05/06/22	16							1,2	A3.511					DHDDTCK16A 1	DHCQ 16
14	3DC005 DC	2	Toán cao cấp 2(221)_04/DHDDTCK16A2	55	38	LT	Nguyễn Thị Thu Nhung	14/02-05/06/22	16							9,10	A3.511					DHDDTCK16A 2	DHCQ 16
15	3DC005 DC	2	Toán cao cấp 2(221)_05/DHDDTCK16A3	54	51	LT	Ngô ThịHuyền	14/02-05/06/22	16			3,4	A3.511									DHDDTCK16A 3	DHCQ 16
16	3DC005 DC	2	Toán cao cấp 2(221)_06/DHDDTCK16A4	54	25	LT	Ngô ThịHuyền	14/02-05/06/22	16							7,8	A3.409					DHDDTCK16A 4	DHCQ 16
17	3DC005 DC	2	Toán cao cấp 2(221)_07/DHTDHCK16A1	58	58	LT	Trần Hải Yến	14/02-05/06/22	16			3,4	A3.507									DHTDHCK16A 1	DHCQ 16
18	3DC005 DC	2	Toán cao cấp 2(221)_08/DHTDHCK16A2	50	46	LT	Nguyễn Thị Thu Nhung	14/02-05/06/22	16							7,8	A3.407					DHTDHCK16A 2	DHCQ 16
19	3DC005 DC	2	Toán cao cấp 2(221)_09/DHTDHCK16A3	50	47	LT	Ngô ThịHuyền	14/02-05/06/22	16			1,2	A3.407									DHTDHCK16A 3	DHCQ 16
20	3DC005 DC	2	Toán cao cấp 2(221)_10/DHTDHCK16A4	50	21	LT	Ngô ThịHuyền	14/02-05/06/22	16					9,10	A3.407							DHTDHCK16A 4	DHCQ 16
21	3DC005 DC	2	Toán cao cấp 2(221)_11/DHDTVCK16A1	38	38	LT	Nguyễn Thị Thu Nhung	14/02-05/06/22	16			1,2	A3.410									Ghép: DHDTVCK16A 1 + DHKTMCK16 A1	DHCQ 16
22	3DC008 DC	2	Vật lý chuyên ngành điện(221)_01/DHDDTCK16 A1	53	51	LT	Bùi Danh Hào	14/02-05/06/22	16									1,2	A2.312			DHDDTCK16A 1	DHCQ 16
23	3DC008 DC	2	Vật lý chuyên ngành điện(221)_02/DHDDTCK16 A2	55	37	LT	Bùi Danh Hào	14/02-05/06/22	16									7,8	A3.511			DHDDTCK16A 2	DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
24	3DC008 DC	2	Vật lý chuyên ngành điện(221)_03/DHDDTCK16 A3	54	55	LT	Bùi Danh Hào	14/02-05/06/22	16							3,4	A3.508					DHDDTCK16A3	DHCQ16
25	3DC008 DC	2	Vật lý chuyên ngành điện(221)_04/DHDDTCK16 A4	54	25	LT	Lê Thị Ngọc Linh	14/02-05/06/22	16			9,10	A3.511									DHDDTCK16A4	DHCQ16
26	3DC008 DC	2	Vật lý chuyên ngành điện(221)_05/DHTDHCK16 A1	58	58	LT	Lê Thị Ngọc Linh	14/02-05/06/22	16	1,2	A3.507											DHTDHCK16A1	DHCQ16
27	3DC008 DC	2	Vật lý chuyên ngành điện(221)_06/DHTDHCK16 A2	50	48	LT	Lê Thị Ngọc Linh	14/02-05/06/22	16			7,8	A3.407									DHTDHCK16A2	DHCQ16
28	3DC008 DC	2	Vật lý chuyên ngành điện(221)_07/DHTDHCK16 A3	50	47	LT	Bùi Danh Hào	14/02-05/06/22	16			3,4	A3.407									DHTDHCK16A3	DHCQ16
29	3DC008 DC	2	Vật lý chuyên ngành điện(221)_08/DHTDHCK16 A4	50	20	LT	Lê Thị Ngọc Linh	14/02-05/06/22	16					7,8	A3.407							DHTDHCK16A4	DHCQ16
30	3DC007 DC	2	Vật lý đại cương (cơ khí, ô tô)(221)_01	55	44	LT	Bùi Danh Hào	14/02-05/06/22	16	9,10	A3.408											DHOTOCK16A1	DHCQ16
31	3DC007 DC	2	Vật lý đại cương (cơ khí, ô tô)(221)_01/DHCTMCK16 A2	52	35	LT	Bùi Danh Hào	14/02-05/06/22	16					1,2	A2.312							Ghép: DHCTMCK16A2 + DHKCKCK16A1	DHCQ16
32	3DC007 DC	2	Vật lý đại cương (cơ khí, ô tô)(221)_02	53	48	LT	Nguyễn Thị Tổ Oanh	14/02-05/06/22	16			1,2	A3.408									DHOTOCK16A10	DHCQ16
33	3DC007 DC	2	Vật lý đại cương (cơ khí, ô tô)(221)_03	55	46	LT	Lê Thị Ngọc Linh	14/02-05/06/22	16	3,4	A3.409											DHOTOCK16A2	DHCQ16
34	3DC007 DC	2	Vật lý đại cương (cơ khí, ô tô)(221)_04	55	34	LT	Lê Thị Ngọc Linh	14/02-05/06/22	16								7,8	A3.409				DHOTOCK16A3	DHCQ16
35	3DC007 DC	2	Vật lý đại cương (cơ khí, ô tô)(221)_05	55	50	LT	Bùi Danh Hào	14/02-05/06/22	16							1,2	A3.409					DHOTOCK16A4	DHCQ16
36	3DC007 DC	2	Vật lý đại cương (cơ khí, ô tô)(221)_06	55	51	LT	Lê Thị Ngọc Linh	14/02-05/06/22	16							7,8	A3.410					DHOTOCK16A5	DHCQ16
37	3DC007 DC	2	Vật lý đại cương (cơ khí, ô tô)(221)_07	56	44	LT	Bùi Danh Hào	14/02-05/06/22	16					3,4	A3.410							DHOTOCK16A6	DHCQ16
38	3DC007 DC	2	Vật lý đại cương (cơ khí, ô tô)(221)_08	55	39	LT	Lê Thị Ngọc Linh	14/02-05/06/22	16								9,10	A3.508				DHOTOCK16A7	DHCQ16
39	3DC007 DC	2	Vật lý đại cương (cơ khí, ô tô)(221)_09	55	54	LT	Lê Thị Ngọc Linh	14/02-05/06/22	16								3,4	A3.508				DHOTOCK16A8	DHCQ16
40	3DC007 DC	2	Vật lý đại cương (cơ khí, ô tô)(221)_10	55	40	LT	Bùi Danh Hào	14/02-05/06/22	16			7,8	A3.509									DHOTOCK16A9	DHCQ16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
41	3DC006 DC	2	Vật lý đại cương (điện, điện từ)(221)_01/DHDTVCK16A1	38	43	LT	Hoàng Thị Thanh Vân	14/02-05/06/22	16			3,4	A3.409									Ghép: DHDTVCK16A1 + DHKTMCK16A1	DHCQ 16
42	2DC007 DC	2	Xác suất thống kê(221)_01/DHCTTCK15A1	47	45	LT	Lê ThịHuệ	20/12-23/01/22	5									7,8	A2.103			DHCTTCK15A1	DHCQ 15
							Lê ThịHuệ	14/02-24/04/22	10									7,8	A2.103				DHCQ 15
43	2DC007 DC	2	Xác suất thống kê(221)_02/DHCTTCK15A2	47	43	LT	Lê ThịHuệ	20/12-23/01/22	5	1,2	A2.103											DHCTTCK15A2	DHCQ 15
							Lê ThịHuệ	14/02-24/04/22	10	1,2	A2.103												DHCQ 15
44	2DC007 DC	2	Xác suất thống kê(221)_03	55	53	LT	Lê Hồng Sơn	14/02-05/06/22	16					9,10	A3.408							DHOTOCK16A1	DHCQ 16
45	2DC007 DC	2	Xác suất thống kê(221)_04	53	42	LT	Lê Hồng Sơn	14/02-05/06/22	16					1,2	A3.408							DHOTOCK16A10	DHCQ 16
46	2DC007 DC	2	Xác suất thống kê(221)_05	55	46	LT	Lê Hồng Sơn	14/02-05/06/22	16	1,2	A3.409											DHOTOCK16A2	DHCQ 16
47	2DC007 DC	2	Xác suất thống kê(221)_06	55	37	LT	Lê Hồng Sơn	14/02-05/06/22	16									9,10	A3.408			DHOTOCK16A3	DHCQ 16
48	2DC007 DC	2	Xác suất thống kê(221)_07	55	55	LT	Lê ThịHuệ	14/02-05/06/22	16	3,4	A3.410											DHOTOCK16A4	DHCQ 16
49	2DC007 DC	2	Xác suất thống kê(221)_08	55	51	LT	Lê Hồng Sơn	14/02-05/06/22	16			7,8	A3.410									DHOTOCK16A5	DHCQ 16
50	2DC007 DC	2	Xác suất thống kê(221)_09	56	44	LT	Lê Hồng Sơn	14/02-05/06/22	16			1,2	A3.411									DHOTOCK16A6	DHCQ 16
51	2DC007 DC	2	Xác suất thống kê(221)_10	55	52	LT	Lê ThịHuệ	14/02-05/06/22	16	7,8	A3.508											DHOTOCK16A7	DHCQ 16
52	2DC007 DC	2	Xác suất thống kê(221)_11	55	55	LT	Lê Hồng Sơn	14/02-05/06/22	16									1,2	A3.508			DHOTOCK16A8	DHCQ 16
53	2DC007 DC	2	Xác suất thống kê(221)_12	55	40	LT	Lê ThịHuệ	14/02-05/06/22	16			9,10	A3.509									DHOTOCK16A9	DHCQ 16
54	2DC007 DC	2	Xác suất thống kê(221)_13/DHDTVCK16A1	64	41	LT	Ngô Tất Hoat	14/02-05/06/22	16	1,2	A2.411											Ghép: DHDTVCK16A1 + DHKTMCK16A1 + DHQTKCK16A1 + DHKTOCK16A1	DHCQ 16
55	2DC007 DC	2	Xác suất thống kê(221)_14	43	37	LT	Lê ThịHuệ	14/02-05/06/22	16									1,2	A3.411			DHKCKCK16A1	DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
1	4NN001 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 1(221)_01/CDCTMCK47A1	36	34	LT	Đinh Thị Thu	14/02-05/06/22	16					3,4,5	A2.207 (TA1)							Ghép: CDCTMCK47A1	CDCQ 47
2	4NN001 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 1(221)_04/CDOTOCK47A1	50	44	LT	Đinh Thị Thu	14/02-05/06/22	16								9,10,11	A2.404				CDOTOCK47A1	CDCQ 47
3	4NN001 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 1(221)_05/CDOTOCK47A2	50	39	LT	Phạm Thị Hải Yến	14/02-05/06/22	16									1,2,3	A2.504			CDOTOCK47A2	CDCQ 47
4	4NN001 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 1(221)_06/CDTDHCK47A1	37	31	LT	Phạm Thị Hải Yến	14/02-05/06/22	16							1,2,3	A2.509					Ghép: CDTDHCK47A1	CDCQ 47
5	4NN001 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 1(221)_08/CDDCNCK47A1	43	37	LT	Hồ Thị Thanh Vân	14/02-05/06/22	16					7,8,9	A2.509							CDDCNCK47A1	CDCQ 47
6	4NN001 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 1(221)_09/CDMDKCK47A1	50	47	LT	Nguyễn Thị Lệ Hằng	14/02-05/06/22	16									7,8,9	A2.309			CDMDKCK47A1	CDCQ 47
1	3NN007 DC	2	Tiếng Anh chuyên ngành Điện, điện tử(221)_01	40	33	LT	Trần Khắc Hoàn	03/01-23/01/22	3					1,2	A2.503							DHDDTCK14(DCN)	DHCQ 14
							Trần Khắc Hoàn	14/02-15/05/22	13					1,2	A2.503								DHCQ 14
2	3NN007 DC	2	Tiếng Anh chuyên ngành Điện, điện tử(221)_02	38	28	LT	Trần Khắc Hoàn	03/01-23/01/22	3			9,10	A2.207 (TA1)									DHDDTCK14(DCN)2	DHCQ 14
							Trần Khắc Hoàn	14/02-15/05/22	13			9,10	A2.207 (TA1)										DHCQ 14
3	3NN007 DC	2	Tiếng Anh chuyên ngành Điện, điện tử(221)_03/DHDDTCK14(HTD)	40	23	LT	Trần Khắc Hoàn	03/01-23/01/22	3									1,2	A2.212			DHDDTCK14(HTD)	DHCQ 14
							Trần Khắc Hoàn	14/02-15/05/22	13									1,2	A2.212				DHCQ 14
4	3NN007 DC	2	Tiếng Anh chuyên ngành Điện, điện tử(221)_04	40	34	LT	Trần Khắc Hoàn	03/01-23/01/22	3							9,10	A2.212					DHTDHCK14A2	DHCQ 14
							Trần Khắc Hoàn	14/02-15/05/22	13							9,10	A2.212						DHCQ 14
5	3NN007 DC	2	Tiếng Anh chuyên ngành Điện, điện tử(221)_05	38	28	LT	Phạm Thị Hải Yến	03/01-23/01/22	3					1,2	A2.412							DHTDHCK14A1	DHCQ 14
							Phạm Thị Hải Yến	14/02-15/05/22	13					1,2	A2.412								DHCQ 14
6	3NN003 DC	2	Tiếng Anh chuyên ngành Tin học(221)_01/DHCTTCK14A1	50	21	LT	Đoàn Thị Bích Diễm	03/01-23/01/22	3							1,2	A2.208 (TA2)					DHCTTCK14A1	DHCQ 14
							Đoàn Thị Bích Diễm	14/02-15/05/22	13							1,2	A2.208 (TA2)						DHCQ 14
7	3NN001 DC	2	Tiếng Anh cơ bản 1(221)_01/DHCTTCK15A1	47	47	LT	Phạm Thị Hải Yến	20/12-23/01/22	5			9,10	A2.103									DHCTTCK15A1	DHCQ 15
							Phạm Thị Hải Yến	14/02-24/04/22	10			9,10	A2.103										DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
8	3NN001 DC	2	Tiếng Anh cơ bản 1(221)_02/DHCTTCK15A2	47	37	LT	Đinh Thị Thu	20/12-23/01/22	5							3,4	A2.103					DHCTTCK15A2	DHCQ 15
							Đinh Thị Thu	14/02-24/04/22	10							3,4	A2.103						DHCQ 15
9	3NN001 DC	2	Tiếng Anh cơ bản 1(221)_03	40	41	LT	Hồ Thị Thanh Vân	20/12-23/01/22	5	1,2	A2.104											DHDDTCK15A1	DHCQ 15
							Hồ Thị Thanh Vân	14/02-01/05/22	11	1,2	A2.104												DHCQ 15
10	3NN001 DC	2	Tiếng Anh cơ bản 1(221)_04	50	48	LT	Lê Thị Thúy	20/12-23/01/22	5							1,2	A2.105					DHDDTCK15A2	DHCQ 15
							Lê Thị Thúy	14/02-01/05/22	11							1,2	A2.105						DHCQ 15
11	3NN001 DC	2	Tiếng Anh cơ bản 1(221)_05	40	29	LT	Hồ Thị Thanh Vân	20/12-23/01/22	5									7,8	A2.104			DHDDTCK15A3	DHCQ 15
							Hồ Thị Thanh Vân	14/02-01/05/22	11									7,8	A2.104				DHCQ 15
12	3NN001 DC	2	Tiếng Anh cơ bản 1(221)_06	44	49	LT	Lê Thị Thúy	20/12-23/01/22	5									9,10	A2.105			DHTDHCK15A1	DHCQ 15
							Lê Thị Thúy	14/02-01/05/22	11									9,10	A2.105				DHCQ 15
13	3NN001 DC	2	Tiếng Anh cơ bản 1(221)_07	42	42	LT	Hồ Thị Thanh Vân	20/12-23/01/22	5	3,4	A2.104											DHTDHCK15A2	DHCQ 15
							Hồ Thị Thanh Vân	14/02-01/05/22	11	3,4	A2.104												DHCQ 15
14	3NN001 DC	2	Tiếng Anh cơ bản 1(221)_08	46	28	LT	Lê Thị Thúy	20/12-23/01/22	5									7,8	A2.212			DHTDHCK15A3	DHCQ 15
							Lê Thị Thúy	14/02-01/05/22	11									7,8	A2.212				DHCQ 15
15	3NN001 DC	2	Tiếng Anh cơ bản 1(221)_09/DHDTVCK15A1	40	47	LT	Lê Thị Thúy	20/12-23/01/22	5			9,10	A2.408 (TA6)									Ghép: DHDTVCK15A1 + DHKTMCK15A1	DHCQ 15
							Lê Thị Thúy	14/02-01/05/22	11			9,10	A2.408 (TA6)										DHCQ 15
16	3NN001 DC	2	Tiếng Anh cơ bản 1(221)_10/DHKTOCK15A1	40	42	LT	Lê Thị Thúy	20/12-23/01/22	5					3,4	A2.208 (TA2)							Ghép: DHKTOCK15A1 + DHQTKCK15A1	DHCQ 15
							Lê Thị Thúy	14/02-01/05/22	11					3,4	A2.208 (TA2)								DHCQ 15
17	3NN002 DC	2	Tiếng Anh cơ bản 2(221)_01	53	50	LT	Đoàn Thị Bích Diễm	03/01-23/01/22	3			1,2	A2.403									DHCTMCK14A1	DHCQ 14
							Đoàn Thị Bích Diễm	14/02-15/05/22	13			1,2	A2.403										DHCQ 14

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
18	3NN002 DC	2	Tiếng Anh cơ bản 2(221)_02	50	30	LT	Đoàn Thị Bích Diễm	03/01-23/01/22	3	8,9	A2.103											DHCTMCK14A 2	DHCQ 14
							Đoàn Thị Bích Diễm	14/02-15/05/22	13	8,9	A2.103												DHCQ 14
19	3NN002 DC	2	Tiếng Anh cơ bản 2(221)_03	46	38	LT	Đoàn Thị Bích Diễm	03/01-23/01/22	3					9,10	A2.403							DHCCKCK14A 1	DHCQ 14
							Đoàn Thị Bích Diễm	14/02-15/05/22	13					9,10	A2.403								DHCQ 14
20	3NN002 DC	2	Tiếng Anh cơ bản 2(221)_04	50	49	LT	Đoàn Thị Bích Diễm	03/01-23/01/22	3					7,8	A2.204							DHOTOCK14A 2	DHCQ 14
							Đoàn Thị Bích Diễm	14/02-15/05/22	13					7,8	A2.204								DHCQ 14
21	3NN002 DC	2	Tiếng Anh cơ bản 2(221)_05/DHOTOCK14A1	50	48	LT	Đoàn Thị Bích Diễm	03/01-23/01/22	3							9,10	A2.204					DHOTOCK14A 1	DHCQ 14
							Đoàn Thị Bích Diễm	14/02-15/05/22	13							9,10	A2.204						DHCQ 14
22	3NN002 DC	2	Tiếng Anh cơ bản 2(221)_06/DHOTOCK14A3	50	35	LT	Đoàn Thị Bích Diễm	03/01-23/01/22	3			3,4	A2.103									DHOTOCK14A 3	DHCQ 14
							Đoàn Thị Bích Diễm	14/02-15/05/22	13			3,4	A2.103										DHCQ 14
23	3NN002 DC	2	Tiếng Anh cơ bản 2(221)_07/DHOTOCK14A4	50	38	LT	Đoàn Thị Bích Diễm	03/01-23/01/22	3	1,2	A2.309											DHOTOCK14A 4	DHCQ 14
							Đoàn Thị Bích Diễm	14/02-15/05/22	13	1,2	A2.309												DHCQ 14
24	3NN002 DC	2	Tiếng Anh cơ bản 2(221)_08/DHOTOCK14A5	50	28	LT	Nguyễn Thị Lan Phương	03/01-23/01/22	3			3,4	A2.204									DHOTOCK14A 5	DHCQ 14
							Nguyễn Thị Lan Phương	14/02-15/05/22	13			3,4	A2.204										DHCQ 14
25	3NN009 DC	3	Tiếng anh cơ bản A1(221)_01/DHCTTCK16A1	50	48	LT	Nguyễn Thị Lan Phương	14/02-05/06/22	16									1,2,3	A3.507			DHCTTCK16A 1	DHCQ 16
26	3NN009 DC	3	Tiếng anh cơ bản A1(221)_02/DHCTTCK16A2	50	35	LT	Nguyễn Thị Lan Phương	14/02-05/06/22	16	7,8,9	A3.507											DHCTTCK16A 2	DHCQ 16
27	3NN009 DC	3	Tiếng anh cơ bản A1(221)_03/DHDDTCK16A1	50	49	LT	Nguyễn Thị Lan Phương	14/02-05/06/22	16					1,2,3	A3.511							DHDDTCK16A 1	DHCQ 16
28	3NN009 DC	3	Tiếng anh cơ bản A1(221)_04/DHDDTCK16A2	50	37	LT	Lê Thị Thúy	14/02-05/06/22	16	7,8,9	A3.511											DHDDTCK16A 2	DHCQ 16
29	3NN009 DC	3	Tiếng anh cơ bản A1(221)_05/DHDDTCK16A3	50	48	LT	Lê Minh Sao	14/02-05/06/22	16	1,2,3	A3.407											DHDDTCK16A 3	DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
30	3NN009 DC	3	Tiếng anh cơ bản A1(221)_06/DHDDTCK16 A4	50	26	LT	Trần Khắc Hoàn	14/02-05/06/22	16	7,8,9	A3.510											DHDDTCK16A4	DHCQ 16
31	3NN009 DC	3	Tiếng anh cơ bản A1(221)_07/DHTDHCK16 A1	50	50	LT	Nguyễn Thị Lan Phương	14/02-05/06/22	16							1,2,3	A3.507					DHTDHCK16A1	DHCQ 16
32	3NN009 DC	3	Tiếng anh cơ bản A1(221)_08/DHTDHCK16 A2	50	46	LT	Nguyễn Thị Lệ Hằng	14/02-05/06/22	16	8,9,10	A3.407											DHTDHCK16A2	DHCQ 16
33	3NN009 DC	3	Tiếng anh cơ bản A1(221)_09/DHTDHCK16 A3	50	47	LT	Nguyễn Thị Lệ Hằng	14/02-05/06/22	16					1,2,3	A3.407							DHTDHCK16A3	DHCQ 16
34	3NN009 DC	3	Tiếng anh cơ bản A1(221)_10/DHTDHCK16 A4	50	27	LT	Lê Minh Sao	14/02-05/06/22	16	7,8,9	A2.308 (TA3)											DHTDHCK16A4	DHCQ 16
35	3NN009 DC	3	Tiếng anh cơ bản A1(221)_11/DHDTVCK16 A1	50	48	LT	Nguyễn Thị Lan Phương	14/02-05/06/22	16											1,2,3	A3.408	Ghép: DHDTVCK16A1 + DHKTMCK16A1	DHCQ 16
36	3NN010 DC	3	Tiếng anh cơ bản A2(221)_01/DHKCKCK15 A1	45	31	LT	Bùi Thị Xuân Linh	20/12-23/01/22	5			1,2,3	A2.309									DHKCKCK15A1	DHCQ 15
							Bùi Thị Xuân Linh	14/02-01/05/22	11			1,2,3	A2.309										DHCQ 15
37	3NN010 DC	3	Tiếng anh cơ bản A2(221)_01_195	48	36	LT	Lê Minh Sao	20/12-23/01/22	5									9,10,11	A2.101			DHCTMCK15A1	DHCQ 15
							Lê Minh Sao	14/02-01/05/22	11									9,10,11	A2.101				DHCQ 15
38	3NN010 DC	3	Tiếng anh cơ bản A2(221)_02	44	40	LT	Đinh Thị Thu	20/12-23/01/22	5	3,4,5	A2.101											DHCTMCK15A2	DHCQ 15
							Đinh Thị Thu	14/02-01/05/22	11	3,4,5	A2.101												DHCQ 15
39	3NN010 DC	3	Tiếng anh cơ bản A2(221)_03	44	45	LT	Lê Minh Sao	20/12-23/01/22	5					3,4,5	A2.106							DHCTMCK15A3	DHCQ 15
							Lê Minh Sao	14/02-01/05/22	11					3,4,5	A2.106								DHCQ 15
40	3NN010 DC	3	Tiếng anh cơ bản A2(221)_04/DHKCKCK15 A2	35	35	LT	Đinh Thị Thu	20/12-23/01/22	5			7,8,9	A2.403									DHKCKCK15A2	DHCQ 15
							Đinh Thị Thu	14/02-01/05/22	11			7,8,9	A2.403										DHCQ 15
41	3NN010 DC	3	Tiếng anh cơ bản A2(221)_05	48	43	LT	Phạm Thị Hải Yến	20/12-23/01/22	5							7,8,9	A2.108					DHOTOCK15A1	DHCQ 15
							Phạm Thị Hải Yến	14/02-01/05/22	11							7,8,9	A2.108						DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
42	3NN010 DC	3	Tiếng anh cơ bản A2(221)_06	48	46	LT	Phạm Thị Hải Yến	20/12-23/01/22	5	7,8,9	A2.208 (TA2)											DHOTOCK15A 2	DHCQ 15
							Phạm Thị Hải Yến	14/02-01/05/22	11	7,8,9	A2.208 (TA2)												DHCQ 15
43	3NN010 DC	3	Tiếng anh cơ bản A2(221)_07	48	28	LT	Lê Minh Sao	20/12-23/01/22	5									1,2,3	A2.108			DHOTOCK15A 3	DHCQ 15
							Lê Minh Sao	14/02-01/05/22	11									1,2,3	A2.108				DHCQ 15
44	3NN010 DC	3	Tiếng anh cơ bản A2(221)_08	48	47	LT	Hồ Thị Thanh Vân	20/12-23/01/22	5							1,2,3	A2.209					DHOTOCK15A 4	DHCQ 15
							Hồ Thị Thanh Vân	14/02-01/05/22	11							1,2,3	A2.209						DHCQ 15
45	3NN010 DC	3	Tiếng anh cơ bản A2(221)_09	48	33	LT	Hồ Thị Thanh Vân	20/12-23/01/22	5			1,2,3	A2.308 (TA3)									DHOTOCK15A 5	DHCQ 15
							Hồ Thị Thanh Vân	14/02-01/05/22	11			1,2,3	A2.308 (TA3)										DHCQ 15
46	3NN010 DC	3	Tiếng anh cơ bản A2(221)_10	48	48	LT	Đinh Thị Thu	20/12-23/01/22	5					9,10,11	A2.208 (TA2)							DHOTOCK15A 6	DHCQ 15
							Đinh Thị Thu	14/02-01/05/22	11					9,10,11	A2.208 (TA2)								DHCQ 15
47	3NN010 DC	3	Tiếng anh cơ bản A2(221)_11	48	26	LT	Bùi Thị Xuân Linh	20/12-23/01/22	5	3,4,5	A2.307 (TA4)											DHOTOCK15A 7	DHCQ 15
							Bùi Thị Xuân Linh	14/02-01/05/22	11	3,4,5	A2.307 (TA4)												DHCQ 15
48	3NN010 DC	3	Tiếng anh cơ bản A2(221)_12	48	31	LT	Bùi Thị Xuân Linh	20/12-23/01/22	5									7,8,9	A2.211			DHOTOCK15A 8	DHCQ 15
							Bùi Thị Xuân Linh	14/02-01/05/22	11									7,8,9	A2.211				DHCQ 15
1	3ML005 DC	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học(221)_01/DHCTTCK16 A1	52	46	LT	Phạm Thị Bích Ngọc	14/02-05/06/22	16							1,2	A2.312					DHCTTCK16A 1	DHCQ 16
2	3ML005 DC	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học(221)_02/DHCTTCK16 A2	54	53	LT	Phạm Thị Bích Ngọc	14/02-05/06/22	16							7,8	A2.105					DHCTTCK16A 2	DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
3	3ML005 DC	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học(221)_03/DHDTVCK16A1	64	43	LT	Phạm Thị Bích Ngọc	14/02-05/06/22	16	3,4	A2.103											Ghép: DHDTVCK16A1 + DHKTMCK16A1 + DHQTKCK16A1 + DHKTOCK16A1	DHCQ 16
4	3ML008 DC	2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin(221)_01/DHCTMCK16A2	58	52	LT	Nguyễn CôngAn	14/02-05/06/22	16					3,4	A2.312							Ghép: DHCTMCK16A2 + DHKCKCK16A1	DHCQ 16
5	3ML008 DC	2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin(221)_02/DHCTMCK16A1	62	50	LT	Vũ Thị Kim Thanh	14/02-05/06/22	16								7,8	A3.510				DHCTMCK16A1	DHCQ 16
6	3ML008 DC	2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin(221)_03/DHDDTCK16A1	53	51	LT	Nguyễn CôngAn	14/02-05/06/22	16								3,4	A2.312				DHDDTCK16A1	DHCQ 16
7	3ML008 DC	2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin(221)_04/DHDDTCK16A2	55	38	LT	Lưu Thị Thu Hiền	14/02-05/06/22	16	10,11	A3.511											DHDDTCK16A2	DHCQ 16
8	3ML008 DC	2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin(221)_05/DHDDTCK16A3	54	53	LT	Vũ Thị Kim Thanh	14/02-05/06/22	16							1,2	A3.508					DHDDTCK16A3	DHCQ 16
9	3ML008 DC	2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin(221)_06/DHDDTCK16A4	54	32	LT	Vũ Thị Kim Thanh	14/02-05/06/22	16			7,8	A3.511									DHDDTCK16A4	DHCQ 16
10	3ML008 DC	2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin(221)_07	55	47	LT	Lưu Thị Thu Hiền	14/02-05/06/22	16	7,8	A3.408											DHOTOCK16A1	DHCQ 16
11	3ML008 DC	2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin(221)_08	53	49	LT	Lưu Thị Thu Hiền	14/02-05/06/22	16	1,2	A3.408											DHOTOCK16A10	DHCQ 16
12	3ML008 DC	2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin(221)_09	55	49	LT	Vũ Thị Kim Thanh	14/02-05/06/22	16			1,2	A3.409									DHOTOCK16A2	DHCQ 16
13	3ML008 DC	2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin(221)_10	55	27	LT	Nguyễn CôngAn	14/02-05/06/22	16			9,10	A2.312									DHOTOCK16A3	DHCQ 16
14	3ML008 DC	2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin(221)_11	55	45	LT	Nguyễn CôngAn	14/02-05/06/22	16			3,4	A2.312									DHOTOCK16A4	DHCQ 16
15	3ML008 DC	2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin(221)_12	55	50	LT	Nguyễn CôngAn	14/02-05/06/22	16								9,10	A2.312				DHOTOCK16A5	DHCQ 16
16	3ML008 DC	2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin(221)_13	56	47	LT	Vũ Thị Kim Thanh	14/02-05/06/22	16								1,2	A3.409				DHOTOCK16A6	DHCQ 16
17	3ML008 DC	2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin(221)_14	55	51	LT	Vũ Thị Kim Thanh	14/02-05/06/22	16							7,8	A3.508					DHOTOCK16A7	DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
18	3ML008 DC	2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin(221)_15	55	53	LT	Nguyễn CôngAn	14/02-05/06/22	16							3,4	A2.312					DHOTOCK16A8	DHCQ16
19	3ML008 DC	2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin(221)_16	55	41	LT	Vũ Thị Kim Thanh	14/02-05/06/22	16											7,8	A3.509	DHOTOCK16A9	DHCQ16
20	3ML008 DC	2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin(221)_17/DHTDHCK16A1	58	58	LT	Vũ Thị Kim Thanh	14/02-05/06/22	16					1,2	A3.507							DHTDHCK16A1	DHCQ16
21	3ML008 DC	2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin(221)_18/DHTDHCK16A2	50	46	LT	Nguyễn CôngAn	14/02-05/06/22	16					9,10	A2.312							DHTDHCK16A2	DHCQ16
22	3ML008 DC	2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin(221)_19/DHTDHCK16A3	50	49	LT	Nguyễn CôngAn	14/02-05/06/22	16	3,4	A2.312											DHTDHCK16A3	DHCQ16
23	3ML008 DC	2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin(221)_20/DHTDHCK16A4	50	29	LT	Nguyễn CôngAn	14/02-05/06/22	16							9,10	A2.312					DHTDHCK16A4	DHCQ16
24	2ML005 DC	2	Kinh tế học đại cương(221)_01/DHDTVCK15A1	40	38	LT	Vũ Thị Kim Thanh	20/12-23/01/22	5					7,8	A2.306							Chép: DHDTVCK15A1 + DHKTMCK15A1	DHCQ15
							Vũ Thị Kim Thanh	14/02-01/05/22	11					7,8	A2.306								DHCQ15
25	3ML006 DC	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam(221)_01/DHCTTCK15A1	47	41	LT	Nguyễn Thị AnhĐào	20/12-23/01/22	5			7,8	A2.103									DHCTTCK15A1	DHCQ15
							Nguyễn Thị AnhĐào	14/02-24/04/22	10			7,8	A2.103										DHCQ15
26	3ML006 DC	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam(221)_01_179	48	37	LT	Nguyễn Thị AnhĐào	20/12-23/01/22	5			9,10	A2.101									DHCTMCK15A1	DHCQ15
							Nguyễn Thị AnhĐào	14/02-01/05/22	11			9,10	A2.101										DHCQ15
27	3ML006 DC	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam(221)_02	44	48	LT	Nguyễn Thị AnhĐào	20/12-23/01/22	5					3,4	A2.101							DHCTMCK15A2	DHCQ15
							Nguyễn Thị AnhĐào	14/02-01/05/22	11					3,4	A2.101								DHCQ15
28	3ML006 DC	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam(221)_03	44	53	LT	Nguyễn Thị AnhĐào	20/12-23/01/22	5					1,2	A2.106							DHCTMCK15A3	DHCQ15
							Nguyễn Thị AnhĐào	14/02-01/05/22	11					1,2	A2.106								DHCQ15
29	3ML006 DC	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam(221)_04/DHCTTCK15A2	47	37	LT	Nguyễn Thị AnhĐào	20/12-23/01/22	5			1,2	A2.103									DHCTTCK15A2	DHCQ15
							Nguyễn Thị AnhĐào	14/02-24/04/22	10			1,2	A2.103										DHCQ15
30	3ML006 DC	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam(221)_05	44	43	LT	Nguyễn Thị AnhĐào	20/12-23/01/22	5							9,10	A2.105					DHTDHCK15A1	DHCQ15
							Nguyễn Thị AnhĐào	14/02-01/05/22	11							9,10	A2.105						DHCQ15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
31	3ML006 DC	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam(221)_06	42	45	LT	Nguyễn Thị AnhĐào	20/12-23/01/22	5			3,4	A2.209									DHTDHCK15A 2	DHCQ 15
							Nguyễn Thị AnhĐào	14/02-01/05/22	11			3,4	A2.209										DHCQ 15
32	3ML006 DC	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam(221)_07	46	22	LT	Nguyễn Thị AnhĐào	20/12-23/01/22	5							7,8	A2.212					DHTDHCK15A 3	DHCQ 15
							Nguyễn Thị AnhĐào	14/02-01/05/22	11							7,8	A2.212						DHCQ 15
33	3ML006 DC	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam(221)_08/DHDTVCK1 5A1	40	42	LT	Mai Thị Thanh Châu	20/12-23/01/22	5					9,10	A2.306							Ghép: DHDTVCK15A 1 + DHKTMCK15	DHCQ 15
							Mai Thị Thanh Châu	14/02-01/05/22	11					9,10	A2.306								DHCQ 15
34	3ML006 DC	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam(221)_09/DHKTOCK1 5A1	40	22	LT	Mai Thị Thanh Châu	20/12-23/01/22	5							3,4	A2.405					Ghép: DHKTOCK15A 1 + DHQTKCK15A 1	DHCQ 15
							Mai Thị Thanh Châu	14/02-01/05/22	11							3,4	A2.405						DHCQ 15
35	3ML006 DC	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam(221)_10/DHKCKCK1 5A1	50	36	LT	Nguyễn Thị AnhĐào	20/12-23/01/22	5	1,2	A2.310											DHKCKCK15A 1	DHCQ 15
							Nguyễn Thị AnhĐào	14/02-01/05/22	11	1,2	A2.310												DHCQ 15
36	3ML006 DC	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam(221)_11/DHKCKCK1 5A2	50	34	LT	Mai Thị Thanh Châu	20/12-23/01/22	5							9,10	A2.403					DHKCKCK15A 2	DHCQ 15
							Mai Thị Thanh Châu	14/02-01/05/22	11							9,10	A2.403						DHCQ 15
37	2ML004 DC	2	Pháp luật đại cương(221)_01/DHCTMCK 16A2	58	47	LT	Đinh Nga Phụng	14/02-05/06/22	16							3,4	A3.510					Ghép: DHCTMCK16A 2 + DHKCKCK16A 1	DHCQ 16
38	2ML004 DC	2	Pháp luật đại cương(221)_02/DHCTMCK 16A1	62	48	LT	Đinh Nga Phụng	14/02-05/06/22	16					7,8	A3.510							DHCTMCK16A 1	DHCQ 16
39	2ML004 DC	2	Pháp luật đại cương(221)_03/DHDDTCK 16A1	53	53	LT	Đinh Nga Phụng	14/02-05/06/22	16	3,4	A3.511											DHDDTCK16A 1	DHCQ 16
40	2ML004 DC	2	Pháp luật đại cương(221)_04/DHDDTCK 16A2	55	40	LT	Lê Việt Hà	14/02-05/06/22	16					9,10	A3.511							DHDDTCK16A 2	DHCQ 16
41	2ML004 DC	2	Pháp luật đại cương(221)_05/DHDDTCK 16A3	54	52	LT	Đinh Nga Phụng	14/02-05/06/22	16									1,2	A3.511			DHDDTCK16A 3	DHCQ 16
42	2ML004 DC	2	Pháp luật đại cương(221)_06/DHDDTCK 16A4	54	27	LT	Lê Việt Hà	14/02-05/06/22	16									7,8	A3.410			DHDDTCK16A 4	DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
43	2ML004 DC	2	Pháp luật đại cương(221)_07/DHTDHCK 16A1	58	60	LT	Đinh Nga Phụng	14/02-05/06/22	16			1,2	A3.507									DHTDHCK16A1	DHCQ 16
44	2ML004 DC	2	Pháp luật đại cương(221)_08/DHTDHCK 16A2	50	48	LT	Lê Việt Hà	14/02-05/06/22	16					7,8	A2.312							DHTDHCK16A2	DHCQ 16
45	2ML004 DC	2	Pháp luật đại cương(221)_09/DHTDHCK 16A3	50	47	LT	Đinh Nga Phụng	14/02-05/06/22	16	1,2	A2.312											DHTDHCK16A3	DHCQ 16
46	2ML004 DC	2	Pháp luật đại cương(221)_10/DHTDHCK 16A4	50	22	LT	Lê Việt Hà	14/02-05/06/22	16									9,10	A3.407			DHTDHCK16A4	DHCQ 16
47	3ML007 DC	3	Triết học Mác - Lênin(221)_01	55	46	LT	Lưu Thị Thu Hiền	14/02-05/06/22	16			9,10,11	A3.408									DHOTOCK16A1	DHCQ 16
48	3ML007 DC	3	Triết học Mác - Lênin(221)_02	53	43	LT	Lê Thị Ngọc Hà	14/02-05/06/22	16	3,4,5	A3.408											DHOTOCK16A10	DHCQ 16
49	3ML007 DC	3	Triết học Mác - Lênin(221)_03	55	54	LT	Lưu Thị Thu Hiền	14/02-05/06/22	16					1,2,3	A3.409							DHOTOCK16A2	DHCQ 16
50	3ML007 DC	3	Triết học Mác - Lênin(221)_04	55	35	LT	Lê Thị Ngọc Hà	14/02-05/06/22	16	7,8,9	A3.409											DHOTOCK16A3	DHCQ 16
51	3ML007 DC	3	Triết học Mác - Lênin(221)_05	55	49	LT	Lê Thị Ngọc Hà	14/02-05/06/22	16									3,4,5	A3.409			DHOTOCK16A4	DHCQ 16
52	3ML007 DC	3	Triết học Mác - Lênin(221)_06	55	49	LT	Lưu Thị Thu Hiền	14/02-05/06/22	16					7,8,9	A3.410							DHOTOCK16A5	DHCQ 16
53	3ML007 DC	3	Triết học Mác - Lênin(221)_07	56	51	LT	Lê Thị Ngọc Hà	14/02-05/06/22	16							3,4,5	A3.410					DHOTOCK16A6	DHCQ 16
54	3ML007 DC	3	Triết học Mác - Lênin(221)_08	55	42	LT	Lê Thị Ngọc Hà	14/02-05/06/22	16							9,10,11	A3.508					DHOTOCK16A7	DHCQ 16
55	3ML007 DC	3	Triết học Mác - Lênin(221)_09	55	50	LT	Lưu Thị Thu Hiền	14/02-05/06/22	16			3,4,5	A3.508									DHOTOCK16A8	DHCQ 16
56	3ML007 DC	3	Triết học Mác - Lênin(221)_10	55	37	LT	Lê Thị Ngọc Hà	14/02-05/06/22	16									7,8,9	A3.509			DHOTOCK16A9	DHCQ 16
57	2ML002 DC	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh(221)_01	53	55	LT	Mai Thị Thanh Châu	20/12-23/01/22	5			1,2	A2.104									DHDDTCK15A1	DHCQ 15
							Mai Thị Thanh Châu	14/02-01/05/22	11			1,2	A2.104										DHCQ 15
58	2ML002 DC	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh(221)_02	53	53	LT	Phạm Thị Bích Ngọc	20/12-23/01/22	5									1,2	A2.105			DHDDTCK15A2	DHCQ 15
							Phạm Thị Bích Ngọc	14/02-01/05/22	11									1,2	A2.105				DHCQ 15
59	2ML002 DC	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh(221)_03	50	57	LT	Phạm Thị Bích Ngọc	20/12-23/01/22	5			7,8	A2.104									DHDDTCK15A3	DHCQ 15
							Phạm Thị Bích Ngọc	14/02-01/05/22	11			7,8	A2.104										DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
60	2ML002 DC	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh(221)_04	48	57	LT	Phạm Thị Bích Ngọc	20/12-23/01/22	5	9,10	A2.108											DHOTOCK15A 1	DHCQ 15
							Phạm Thị Bích Ngọc	14/02-01/05/22	11	9,10	A2.108												DHCQ 15
61	2ML002 DC	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh(221)_05	48	61	LT	Mai Thị Thanh Châu	20/12-23/01/22	5	10,11	A2.101											DHOTOCK15A 2	DHCQ 15
							Mai Thị Thanh Châu	14/02-01/05/22	11	10,11	A2.101												DHCQ 15
62	2ML002 DC	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh(221)_06	48	32	LT	Mai Thị Thanh Châu	20/12-23/01/22	5							1,2	A2.108					DHOTOCK15A 3	DHCQ 15
							Mai Thị Thanh Châu	14/02-01/05/22	11							1,2	A2.108						DHCQ 15
63	2ML002 DC	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh(221)_07	48	51	LT	Phạm Thị Bích Ngọc	20/12-23/01/22	5									3,4	A2.103			DHOTOCK15A 4	DHCQ 15
							Phạm Thị Bích Ngọc	14/02-01/05/22	11									3,4	A2.103				DHCQ 15
64	2ML002 DC	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh(221)_08	48	30	LT	Mai Thị Thanh Châu	20/12-23/01/22	5					2,3	A2.204							DHOTOCK15A 5	DHCQ 15
							Mai Thị Thanh Châu	14/02-01/05/22	11					2,3	A2.204								DHCQ 15
65	2ML002 DC	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh(221)_09	48	59	LT	Mai Thị Thanh Châu	20/12-23/01/22	5							7,8	A2.209					DHOTOCK15A 6	DHCQ 15
							Mai Thị Thanh Châu	14/02-01/05/22	11							7,8	A2.209						DHCQ 15
66	2ML002 DC	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh(221)_10	48	49	LT	Mai Thị Thanh Châu	20/12-23/01/22	5	1,2	A2.204											DHOTOCK15A 7	DHCQ 15
							Mai Thị Thanh Châu	14/02-01/05/22	11	1,2	A2.204												DHCQ 15
67	2ML002 DC	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh(221)_11	48	47	LT	Phạm Thị Bích Ngọc	20/12-23/01/22	5			9,10	A2.211									DHOTOCK15A 8	DHCQ 15
							Phạm Thị Bích Ngọc	14/02-01/05/22	11			9,10	A2.211										DHCQ 15
1	3SP521 DC	2	Nhập môn logic học(221)_01/DHQTCK16A1	26	18	LT	Phan Cẩm Tú	14/02-05/06/22	16			7,8	A3.411									Ghép: DHQTKCK16A1 + DHKTOCK16A1	DHCQ 16
2	1SP041 DC	2	Phương pháp nghiên cứu khoa học(221)_01/DHCTMCK16A2	62	56	LT	Võ An Hải	14/02-05/06/22	16	1,2	A3.510											DHCTMCK16A2	DHCQ 16
3	1SP041 DC	2	Phương pháp nghiên cứu khoa học(221)_02/DHCTMCK16A1	62	54	LT	Lê Trọng Phong	14/02-05/06/22	16			7,8	A3.510									DHCTMCK16A1	DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
4	3SP001 DC	2	Tiếng Việt nâng cao 1(221)_1	30	23	LT		14/02-27/02/22	2	13,14,15													DHCQ 16
												13,14,15											DHCQ 16
														13,14,15									DHCQ 16
																13,14,15							DHCQ 16
																		13,14,15					DHCQ 16
1	3KT201 DH	1	Bài tập lớn Kế toán tài chính 1(221)_01_BT/DHKTOCK15A1	8	11	BT	Chu Thị Cẩm Hà	20/12-23/01/22	5			6	A2.405									DHKTOCK15A1	DHCQ 15
							Chu Thị Cẩm Hà	14/02-01/05/22	11			6	A2.405									DHKTOCK15A1	DHCQ 15
2	3KT202 DH	1	Bài tập lớn Kế toán tài chính 2(221)_01_BT	8	4	BT	Chu Thị Cẩm Hà	20/12-23/01/22	5	12	A2.306											DHKTOCK14A1	DHCQ 14
							Chu Thị Cẩm Hà	14/02-24/04/22	10	12	A2.306											DHKTOCK14A1	DHCQ 14
3	3KT207 DH	1	Bài tập lớn Quản trị doanh nghiệp(221)_01/DHQTCK15A1	15	12	BTL	Nguyễn Thị Thơ	20/12-23/01/22	5					6								DHQTCK15A1	DHCQ 15
							Nguyễn Thị Thơ	14/02-01/05/22	11					6								DHQTCK15A1	DHCQ 15
4	3KT154 DH	3	Đào tạo nhân lực(221)_01/DHQTNCK14Z	2	2	LT	Nguyễn Thị KimOanh	03/01-23/01/22	3							10,11,12	A2.401					DHQTNCK14Z	DHCQ 14
							Nguyễn Thị KimOanh	14/02-15/05/22	13							10,11,12	A2.401					DHQTNCK14Z	DHCQ 14
5	3KT146 DH	2	Hành vi tổ chức(221)_01	10	7	LT	Nguyễn Thị Trâm	03/01-23/01/22	3								7,8	A2.411				DHQTCK14A1	DHCQ 14
							Nguyễn Thị Trâm	14/02-15/05/22	13								7,8	A2.411				DHQTCK14A1	DHCQ 14
6	3KT150 DH	3	Hoạch định nguồn nhân lực(221)_01/DHQTNCK14Z	2	2	LT	Nguyễn Thị Thơ	03/01-23/01/22	3			7,8,9	A3.305									DHQTNCK14Z	DHCQ 14
							Nguyễn Thị Thơ	14/02-15/05/22	13			7,8,9	A3.305									DHQTNCK14Z	DHCQ 14
7	3KT111 DH	3	Kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa(221)_01/DHKTOCK14A1	12	11	LT	Chu Thị Cẩm Hà	03/01-23/01/22	3			10,11,12	A2.306									DHKTOCK14A1	DHCQ 14
							Chu Thị Cẩm Hà	14/02-15/05/22	13			10,11,12	A2.306									DHKTOCK14A1	DHCQ 14
8	3KT219 CD	2	Kế toán hành chính sự nghiệp(221)_01/DHKTOCK15A1	8	8	LT	Chu Thị Cẩm Hà	03/01-23/01/22	3	4,5	A2.405											DHKTOCK15A1	DHCQ 15
							Chu Thị Cẩm Hà	14/02-15/05/22	13	4,5	A2.405											DHKTOCK15A1	DHCQ 15
9	3KT220	2	Kế toán ngân hàng thương mại(221)_01/DHKTOCK14A1	12	9	LT	Lê Thị Ngân	03/01-23/01/22	3					9,10	A2.406							DHKTOCK14A1	DHCQ 14

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
9	CD	2	Kế toán quản trị(221)_01/DHKTOCK15A1	12	9	LT	Lê Thị Ngân	14/02-15/05/22	13					9,10	A2.406							1	DHCQ 14
10	3KT106 DH	3	Kế toán quản trị(221)_01/DHKTOCK15A1	8	7	LT	Chu Thị Cẩm Hà	20/12-23/01/22	5	1,2,3	A2.405											DHKTOCK15A1	DHCQ 15
							Chu Thị Cẩm Hà	14/02-01/05/22	11	1,2,3	A2.405												DHCQ 15
11	3KT215 CD	3	Kế toán tài chính 1(221)_01/DHKTOCK15A1	8	8	LT	Chu Thị Cẩm Hà	20/12-23/01/22	5			1,2,3	A2.405									DHKTOCK15A1	DHCQ 15
							Chu Thị Cẩm Hà	14/02-01/05/22	11			1,2,3	A2.405										DHCQ 15
12	3KT227 CD	3	Kế toán thuế(221)_01/DHKTOCK15A1	8	9	LT	Chu Thị Cẩm Hà	20/12-23/01/22	5								1,2,3	A3.506				DHKTOCK15A1	DHCQ 15
							Chu Thị Cẩm Hà	14/02-01/05/22	11								1,2,3	A3.506					DHCQ 15
13	3KT224 CD	2	Kế toán thương mại dịch vụ(221)_01/DHKTOCK14A1	12	9	LT	Chu Thị Cẩm Hà	03/01-23/01/22	3					7,8	A2.406							DHKTOCK14A1	DHCQ 14
							Chu Thị Cẩm Hà	14/02-15/05/22	13					7,8	A2.406								DHCQ 14
14	3KT110 CD	2	Kinh doanh quốc tế(221)_01/DHQTCK15A1	15	12	LT	Nguyễn Thị Thơ	20/12-23/01/22	5							1,2	A3.305					DHQTCK15A1	DHCQ 15
							Nguyễn Thị Thơ	14/02-01/05/22	11							1,2	A3.305						DHCQ 15
15	3KT109 CD	2	Kinh tế phát triển(221)_01/DHQTCK15A1	15	13	LT	Nguyễn Thị Thơ	20/12-23/01/22	5					1,2	A3.506							DHQTCK15A1	DHCQ 15
							Nguyễn Thị Thơ	14/02-01/05/22	11					1,2	A3.506								DHCQ 15
16	3KT102 CD	2	Kinh tế vi mô(221)_01/DHQTCK16A1	26	18	LT	Nguyễn Thị Mỹ Trang	14/02-05/06/22	16								7,8	A3.305				Ghép: DHQTCK16A1 + DHKTOCK16A1	DHCQ 16
17	3KT112 DH	3	Lập báo cáo tài chính(221)_01/DHKTOCK14A1	12	10	LT	Chu Thị Cẩm Hà	03/01-23/01/22	3			7,8,9	A2.405									DHKTOCK14A1	DHCQ 14
							Chu Thị Cẩm Hà	14/02-15/05/22	13			7,8,9	A2.405										DHCQ 14
18	3KT116 CD	2	Lịch sử các học thuyết kinh tế(221)_01/DHQTCK16A1	26	18	LT	Nguyễn Thị Mỹ Trang	14/02-05/06/22	16								9,10	A3.305				Ghép: DHQTCK16A1 + DHKTOCK16A1	DHCQ 16
19	3KT112 CD	2	Lịch sử kinh tế quốc dân(221)_01/DHQTCK16A1	26	18	LT	Nguyễn Thị Trâm	14/02-05/06/22	16			9,10	A2.210									Ghép: DHQTCK16A1 + DHKTOCK16A1	DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
20	2KT001 DC	2	Nhập môn quản trị học(221)_01	50	55	LT	Nguyễn Thị KimOanh	03/01-23/01/22	3							10,11	A2.106					DHOTOCK14A 2	DHCQ 14
							Nguyễn Thị KimOanh	14/02-15/05/22	13							10,11	A2.106						DHCQ 14
21	2KT001 DC	2	Nhập môn quản trị học(221)_02/DHOTOCK14 A1	50	32	LT	Nguyễn Thị KimOanh	03/01-23/01/22	3								7,8	A2.106				DHOTOCK14A 1	DHCQ 14
							Nguyễn Thị KimOanh	14/02-15/05/22	13								7,8	A2.106					DHCQ 14
22	2KT001 DC	2	Nhập môn quản trị học(221)_03/DHOTOCK14 A3	50	49	LT	Nguyễn Thị Trâm	03/01-23/01/22	3					3,4	A2.411							DHOTOCK14A 3	DHCQ 14
							Nguyễn Thị Trâm	14/02-15/05/22	13					3,4	A2.411								DHCQ 14
23	2KT001 DC	2	Nhập môn quản trị học(221)_04/DHOTOCK14 A4	50	44	LT	Nguyễn Thị Trâm	03/01-23/01/22	3	3,4	A2.409 (QPMC)											DHOTOCK14A 4	DHCQ 14
							Nguyễn Thị Trâm	14/02-15/05/22	13	3,4	A2.409 (QPMC)												DHCQ 14
24	2KT001 DC	2	Nhập môn quản trị học(221)_05/DHOTOCK14 A5	50	50	LT	Nguyễn Thị MaiHương	03/01-23/01/22	3					4,5	A2.409 (QPMC)							DHOTOCK14A 5	DHCQ 14
							Nguyễn Thị MaiHương	14/02-15/05/22	13					4,5	A2.409 (QPMC)								DHCQ 14
25	2KT001 DC	2	Nhập môn quản trị học(221)_06/DHKCKCK15 A1	35	35	LT	Nguyễn Thị MaiHương	20/12-23/01/22	5			4,5	A2.411									DHKCKCK15A 1	DHCQ 15
							Nguyễn Thị MaiHương	14/02-01/05/22	11			4,5	A2.411										DHCQ 15
26	2KT001 DC	2	Nhập môn quản trị học(221)_07/DHKCKCK15 A2	32	37	LT	Nguyễn Thị MaiHương	20/12-23/01/22	5					10,11	A2.203							DHKCKCK15A 2	DHCQ 15
							Nguyễn Thị MaiHương	14/02-01/05/22	11					10,11	A2.203								DHCQ 15
27	2KT001 DC	2	Nhập môn quản trị học(221)_08/DHQTCKCK16 A1	26	19	LT	Nguyễn Thị KimOanh	14/02-05/06/22	16					7,8	A3.411							Ghép: DHQTKCK16A 1 + DHKTOCK16A 1	DHCQ 16
28	3KT114 DH	3	Phân tích báo cáo tài chính(221)_01/DHKTOCK1 4A1	12	11	LT	Chu Thị Cẩm Hà	03/01-23/01/22	3	9,10,11	A2.405											DHKTOCK14A 1	DHCQ 14
							Chu Thị Cẩm Hà	14/02-15/05/22	13	9,10,11	A2.405												DHCQ 14
29	3KT214 CD	3	Phân tích hoạt động kinh doanh(221)_01	10	5	LT	Nguyễn Thị KimOanh	03/01-23/01/22	3			7,8,9	A2.406									DHQTKCK14A 1	DHCQ 14
							Nguyễn Thị KimOanh	14/02-15/05/22	13			7,8,9	A2.406										DHCQ 14

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
30	3KT156 DH	3	Quản lý nhà nước về lao động(221)_01/DHQTNCK14Z	2	2	LT	Nguyễn Thị Trâm	03/01-23/01/22	3					7,8,9	A2.411							DHQTNCK14Z	DHCQ 14
							Nguyễn Thị Trâm	14/02-15/05/22	13					7,8,9	A2.411								DHCQ 14
31	3KT211 CD	2	Quản trị chất lượng(221)_01/DHQTCKK14A1	12	7	LT	Nguyễn Thị KimOanh	03/01-23/01/22	3					10,11	A3.305							Ghép: DHQTCKK14A1 + DHQTNCK14Z	DHCQ 14
							Nguyễn Thị KimOanh	14/02-15/05/22	13					10,11	A3.305								DHCQ 14
32	3KT158 DC	3	Quản trị chiến lược(221)_01/DHQTNCK14Z	2	2	LT	Nguyễn Thị KimOanh	03/01-23/01/22	3	10,11,12	A2.401											DHQTNCK14Z	DHCQ 14
							Nguyễn Thị KimOanh	14/02-15/05/22	13	10,11,12	A2.401												DHCQ 14
33	3KT208 CD	3	Quản trị doanh nghiệp(221)_01/DHQTCKK15A1	15	12	LT	Nguyễn Thị Thơ	20/12-23/01/22	5								1,2,3	A3.305				DHQTCKK15A1	DHCQ 15
							Nguyễn Thị Thơ	14/02-01/05/22	11								1,2,3	A3.305					DHCQ 15
34	3KT138 DH	3	Quản trị dự án đầu tư(221)_01	10	6	LT	Nguyễn Thị KimOanh	03/01-23/01/22	3	7,8,9	A2.406											DHQTCKK14A1	DHCQ 14
							Nguyễn Thị KimOanh	14/02-15/05/22	13	7,8,9	A2.406												DHCQ 14
35	3KT207 CD	2	Quản trị marketing(221)_01	10	4	LT	Nguyễn Thị MaiHương	03/01-23/01/22	3					8,9	A3.305							DHQTCKK14A1	DHCQ 14
							Nguyễn Thị MaiHương	14/02-15/05/22	13					8,9	A3.305								DHCQ 14
36	3KT212 CD	3	Quản trị tài chính(221)_01/DHQTCKK15A1	15	13	LT	Nguyễn Thị MaiHương	20/12-23/01/22	5			1,2,3	A3.305									DHQTCKK15A1	DHCQ 15
							Nguyễn Thị MaiHương	14/02-01/05/22	11			1,2,3	A3.305										DHCQ 15
37	3KT143 CD	2	Quản trị thương hiệu(221)_01/DHQTCKK15A1	15	13	LT	Nguyễn Thị MaiHương	20/12-23/01/22	5	1,2	A3.305											DHQTCKK15A1	DHCQ 15
							Nguyễn Thị MaiHương	14/02-01/05/22	11	1,2	A3.305												DHCQ 15
38	3KT139 DH	3	Quản trị văn phòng(221)_01	12	7	LT	Nguyễn Thị Trâm	03/01-23/01/22	3							7,8,9	A2.210					Ghép: DHQTCKK14A1 + DHQTNCK14Z	DHCQ 14
							Nguyễn Thị Trâm	14/02-15/05/22	13							7,8,9	A2.210						DHCQ 14
39	3KT103 DH	2	Thị trường chứng khoán(221)_01/DHKTOCK15A1	8	7	LT	Nguyễn Thị MaiHương	20/12-23/01/22	5					1,2	A3.305							DHKTOCK15A1	DHCQ 15
							Nguyễn Thị MaiHương	14/02-01/05/22	11					1,2	A3.305								DHCQ 15
										1,2,3,4													DHCQ 13
										7,8,9,10													DHCQ 13

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
40	3KT203 DH	9	Thực tập nghề nghiệp(221)_01_TH/DHKTOCK13Z	16	17	TH	03/01-30/01/22	4				7,8,9,10										DHKTOCK13Z	DHCQ13
												1,2,3,4											DHCQ13
														7,8,9,10									DHCQ13
														1,2,3,4									DHCQ13
																1,2,3,4							DHCQ13
																7,8,9,10							DHCQ13
																	7,8,9,10						DHCQ13
																	1,2,3,4						DHCQ13
																		1,2,3,4					DHCQ13
							14/02-20/03/22	5		7,8,9,10													DHCQ13
										1,2,3,4													DHCQ13
												7,8,9,10											DHCQ13
														1,2,3,4									DHCQ13
																1,2,3,4							DHCQ13
														7,8,9,10									DHCQ13
																1,2,3,4							DHCQ13
																7,8,9,10							DHCQ13
																	1,2,3,4						DHCQ13
																			1,2,3,4				DHCQ13
										7,8,9,10													DHCQ13
										1,2,3,4													DHCQ13
												7,8,9,10											DHCQ13
												1,2,3,4											DHCQ13

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa							
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học									
41	3KT209 DH	9	Thực tập nghề nghiệp)(221)_01_TH	11	9	TH		03/01-30/01/22	4					1,2,3,4								DHQTKCK13Z	DHCQ 13							
													7,8,9,10													DHCQ 13				
																			1,2,3,4									DHCQ 13		
																			7,8,9,10									DHCQ 13		
																					7,8,9,10							DHCQ 13		
																							1,2,3,4						DHCQ 13	
								14/02-20/03/22	5	7,8,9,10																			DHCQ 13	
							1,2,3,4																					DHCQ 13		
											7,8,9,10																	DHCQ 13		
											1,2,3,4																		DHCQ 13	
													1,2,3,4																DHCQ 13	
													7,8,9,10																DHCQ 13	
							1,2,3,4														DHCQ 13									
							7,8,9,10														DHCQ 13									
													1,2,3,4								DHCQ 13									
															1,2,3,4						DHCQ 13									
																	1,2,3,4				DHCQ 13									
42	3KT204 DH	9	Thực tập tốt nghiệp)(221)_01_TH/DHKTOCK13Z	16	17	TH				21/03-22/05/22	9	7,8,9,10													DHKTOCK13Z	DHCQ 13				
							1,2,3,4																				DHCQ 13			
									7,8,9,10																			DHCQ 13		
									1,2,3,4																				DHCQ 13	
															1,2,3,4														DHCQ 13	
													7,8,9,10																	DHCQ 13

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa						
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học								
																1,2,3,4							DHCQ 13						
																7,8,9,10							DHCQ 13						
																		7,8,9,10					DHCQ 13						
																		1,2,3,4					DHCQ 13						
43	3KT210 DH	9	Thực tập tốt nghiệp(221)_01_TH_185	11	9	TH	21/03-22/05/22	9	7,8,9,10														DHCQ 13						
									1,2,3,4																DHCQ 13				
											7,8,9,10															DHCQ 13			
											1,2,3,4																DHCQ 13		
															1,2,3,4												DHCQ 13		
															7,8,9,10													DHCQ 13	
																												DHCQ 13	
																					1,2,3,4							DHCQ 13	
																					7,8,9,10								DHCQ 13
																								7,8,9,10					DHCQ 13
																								1,2,3,4					DHCQ 13
									44	3KT110 DH	3	Tin học ứng dụng trong kinh tế(221)_01/DHKTOCK14A1	12	9	LT	Nguyễn Thị Thơ	03/01-23/01/22	3							7,8,9	A3.506			
Nguyễn Thị Thơ	14/02-15/05/22	13														7,8,9	A3.506							DHCQ 14					
45	3KT107 DH	3	Tổ chức hạch toán kế toán(221)_01/DHKTOCK14A1	12	10	LT	Chu Thị Cẩm Hà	03/01-23/01/22	3									9,10,11	A2.306				DHCQ 14						
							Chu Thị Cẩm Hà	14/02-15/05/22	13									9,10,11	A2.306						DHCQ 14				
1	4TN201 DC	3	Tin học(221)_04/CDMDKCK47A1	58	50	LT	Phạm T.Thanh Bình	14/02-06/03/22	3			9,10	A2.204										CDCQ 47						
							Phạm T.Thanh Bình						7,8,9	A2.309								CDCQ 47							
2	4TN201 DC	3	Tin học(221)_04_TH1/CDMDKCK47A1	28	24	TH	Phan Việt Đức	07/03-29/05/22	12					7,8,9,10,11	A3.504								CDMDKCK47A1 CDCQ 47						
3	4TN201 DC	3	học(221)_04_TH2/CDMDKCK47A1	28	26	TH	Trần Thị Gia	07/03-29/05/22	12					7,8,9,10,11	A3.304								CDMDKCK47A1 CDCQ 47						

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
4	4TN201 DC	3	Tin học(221)_05/CDOTOCK47A2_179	54	55	LT	Phạm T.Thanh Bình Phạm T.Thanh Bình	14/02-06/03/22	3	1,2,3	A2.503											CDOTOCK47A2	CDCQ 47
5	4TN201 DC	3	Tin học(221)_05_TH1/CDOTOCK47A2_12D	28	27	TH	Trần Bình Giang	07/03-29/05/22	12	1,2,3,4,5	A3.505											CDOTOCK47A2	CDCQ 47
6	4TN201 DC	3	Tin học(221)_05_TH2/CDOTOCK47A2	28	28	TH	Trần Thị Gia	07/03-29/05/22	12	1,2,3,4,5	A3.504											CDOTOCK47A2	CDCQ 47
7	4TN201 DC	3	Tin học(221)_06/CDTDHCK47A1	35	34	LT	Phan Lê Bằng Phan Lê Bằng	14/02-06/03/22	3							4,5	A2.509					Ghép: CDTDHCK47A1 + CDDDTCK47A1	CDCQ 47
8	4TN201 DC	3	Tin học(221)_06_TH1/CDTDHCK47A1	35	34	TH	Nguyễn Thành Nghĩa	07/03-29/05/22	12											1,2,3,4,5	A3.505	Ghép: CDTDHCK47A1 + CDCTMCK47A1	CDCQ 47
9	4TN201 DC	3	Tin học(221)_01/CDCTMCK47A1	35	34	LT	Phạm Thị Đào Phạm Thị Đào	14/02-06/03/22	3			1,2,3	A3.302									CDCTMCK47A1 + CDHANCK47A1	CDCQ 47
10	4TN201 DC	3	Tin học(221)_01_TH1/CDCTMCK47A1	35	34	TH	Vũ Thị Thu Hiền	07/03-29/05/22	12			1,2,3,4,5	A3.505									Ghép: CDCTMCK47A1 + CDDCNCK47A1	CDCQ 47
11	4TN201 DC	3	Tin học(221)_02/CDDCNCK47A1	45	35	LT	Phan Lê Bằng Phan Lê Bằng	14/02-06/03/22	3					10,11	A2.509							CDDCNCK47A1	CDCQ 47
12	4TN201 DC	3	Tin học(221)_02_TH1/CDDCNCK47A1	25	21	TH	Trần Thị Hằng	07/03-29/05/22	12									7,8,9,10,11	A3.505			CDDCNCK47A1	CDCQ 47
13	4TN201 DC	3	Tin học(221)_02_TH2/CDDCNCK47A1	25	14	TH	Trần Thị Gia	07/03-29/05/22	12									7,8,9,10,11	A3.504			CDDCNCK47A1	CDCQ 47
14	4TN201 DC	3	Tin học(221)_03/CDOTOCK47A1	55	47	LT	Phạm Thị Đào Phạm Thị Đào	14/02-06/03/22	3					7,8,9	A2.106							CDOTOCK47A1	CDCQ 47
15	4TN201 DC	3	Tin học(221)_03_TH1/CDOTOCK47A1	27	21	TH	Lê Thị Linh	07/03-29/05/22	12					7,8,9,10,11	A3.206							CDOTOCK47A1	CDCQ 47
16	4TN201 DC	3	Tin học(221)_03_TH2/CDOTOCK47A1	27	26	TH	Võ Thị Kim Hoa	07/03-29/05/22	12					7,8,9,10,11	A3.205							CDOTOCK47A1	CDCQ 47
																		13,14,15	A3.301				DHCQ 13
																				8,9,10	A3.301		DHCQ 13
								21/02-27/02/22	1											3,4,5	A3.301		DHCQ 13

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
1	3TN102 CD	2	Bảo mật thông tin(221)_1	20	12	LT																	DHCQ 13
																							DHCQ 13
								28/02-06/03/22	1								13,14,15	A3.301					DHCQ 13
																			8,9,10	A3.301			DHCQ 13
																			3,4,5	A3.301			DHCQ 13
																							DHCQ 13
																							DHCQ 13
																							DHCQ 13
2	3TN134 DH	3	Cấu trúc dữ liệu(221)_01/DHKTMCCK15A1	26	25	LT	Nguyễn Thị Quỳnh Vinh	20/12-23/01/22	5	7,8,9	A2.204												DHCQ 15
							Nguyễn Thị Quỳnh Vinh	14/02-01/05/22	11	7,8,9	A2.204												DHCQ 15
3	3TN205 CD	3	Cơ sở dữ liệu và SQL Server(221)_01_TH/DHCT TCK15A1	24	16	TH	Phạm Thị Đào	27/12-16/01/22	3	1,2,3,4	A3.404												DHCQ 15
							Phạm Thị Đào					1,2,3,4	A3.404										DHCQ 15
							Phạm Thị Đào							1,2,3,4	A3.404								DHCQ 15
							Phạm Thị Đào									1,2,3,4	A3.404						DHCQ 15
							Phạm Thị Đào											1,2,3,4	A3.404				DHCQ 15
							Phạm Thị Đào													1,2,3,4	A3.404		DHCQ 15
							Phạm Thị Đào	17/01-23/01/22	1	1,2,3,4	A3.404												DHCQ 15
							Phạm Thị Đào						1,2,3,4	A3.404									DHCQ 15
							Phạm Thị Đào							1,2,3,4	A3.404								DHCQ 15
							Phạm Thị Đào									1,2,3,4	A3.404						DHCQ 15
							Phạm Thị Đào											1,2	A3.404				DHCQ 15
							Phạm Thị Đào																DHCQ 15
							Nguyễn Thị Phương Thủy					1,2,3,4	A3.404										DHCQ 15
							Nguyễn Thị Phương Thủy							1,2,3,4	A3.404								DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
4	3TN205 CD	3	Cơ sở dữ liệu và SQL Server(221)_02_TH/DHCT TCK15A1	24	18	TH	Nguyễn Thị Phương Thủy	14/02-20/02/22	1							1,2,3,4	A3.404					DHCTTCK15A1	DHCQ 15
							Nguyễn Thị Phương Thủy											1,2,3,4	A3.404				DHCQ 15
							Nguyễn Thị Phương Thủy													1,2	A3.404		DHCQ 15
							Nguyễn Thị Phương Thủy	21/02-13/03/22	3	1,2,3,4	A3.404												DHCQ 15
							Nguyễn Thị Phương Thủy					1,2,3,4	A3.404										DHCQ 15
							Nguyễn Thị Phương Thủy							1,2,3,4	A3.404								DHCQ 15
							Nguyễn Thị Phương Thủy									1,2,3,4	A3.404						DHCQ 15
							Nguyễn Thị Phương Thủy											1,2,3,4	A3.404				DHCQ 15
							Nguyễn Thị Phương Thủy													1,2,3,4	A3.404		DHCQ 15
							Nguyễn Thị Phương Thủy																DHCQ 15
							Nguyễn Thị Phương Thủy																DHCQ 15
5	3TN205 CD	3	Cơ sở dữ liệu và SQL Server(221)_03_TH/DHCT TCK15A2	24	25	TH	Phạm Thị Đào	27/12-16/01/22	3	7,8,9,10	A3.404											DHCTTCK15A2	DHCQ 15
							Phạm Thị Đào					7,8,9,10	A3.404										DHCQ 15
							Phạm Thị Đào							7,8,9,10	A3.404								DHCQ 15
							Phạm Thị Đào									7,8,9,10	A3.404						DHCQ 15
							Phạm Thị Đào											7,8,9,10	A3.404				DHCQ 15
							Phạm Thị Đào													7,8,9,10	A3.404		DHCQ 15
							Phạm Thị Đào	17/01-23/01/22	1	7,8,9,10	A3.404												DHCQ 15
							Phạm Thị Đào					7,8,9,10	A3.404										DHCQ 15
							Phạm Thị Đào							7,8,9,10	A3.404								DHCQ 15
							Phạm Thị Đào									7,8,9,10	A3.404						DHCQ 15
							Phạm Thị Đào											7,8	A3.404				DHCQ 15
							Phạm Thị Đào																DHCQ 15
							Nguyễn Thị Phương Thủy					7,8,9,10	A3.404										DHCQ 15
							Nguyễn Thị Phương Thủy							7,8,9,10	A3.404								DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
6	3TN205 CD	3	Cơ sở dữ liệu và SQL Server(221)_04_TH/DHCT TCK15A2	24	21	TH	Nguyễn Thị Phương Thủy	14/02-20/02/22	1							7,8,9,10	A3.404					DHCTTCK15A2	DHCQ 15
							Nguyễn Thị Phương Thủy											7,8,9,10	A3.404				DHCQ 15
							Nguyễn Thị Phương Thủy													7,8	A3.404		DHCQ 15
							Nguyễn Thị Phương Thủy	21/02-13/03/22	3	7,8,9,10	A3.404												DHCQ 15
							Nguyễn Thị Phương Thủy					7,8,9,10	A3.404										DHCQ 15
							Nguyễn Thị Phương Thủy							7,8,9,10	A3.404								DHCQ 15
							Nguyễn Thị Phương Thủy									7,8,9,10	A3.404						DHCQ 15
							Nguyễn Thị Phương Thủy											7,8,9,10	A3.404				DHCQ 15
							Nguyễn Thị Phương Thủy													7,8,9,10	A3.404		DHCQ 15
							Nguyễn Thị Phương Thủy																DHCQ 15
							Nguyễn Thị Phương Thủy																DHCQ 15
7	3TN110 DH	3	Điện toán đám mây(221)_01/DHCTTCK14A1	50	51	LT	Vũ Thị Thu Hiền	03/01-23/01/22	3	1,2,3	A3.301											DHCTTCK14A1	DHCQ 14
							Vũ Thị Thu Hiền	14/02-15/05/22	13	1,2,3	A3.301												DHCQ 14
8	3TN206 DH	1	Đồ án phát triển ứng dụng di động(221)_01_DA/DHCTTCK14A1	51	61	DA		03/01-23/01/22	3	6	A3.301											DHCTTCK14A1	DHCQ 14
								14/02-15/05/22	13	6	A3.301												DHCQ 14
9	3TN205 DH	1	Đồ án phát triển ứng dụng Web(221)_01_DA/DHCTTCK15A1	50	35	DA		20/12-23/01/22	5							12	A3.302					DHCTTCK15A1	DHCQ 15
								14/02-24/04/22	10							12	A3.302						DHCQ 15
10	3TN205 DH	1	Đồ án phát triển ứng dụng Web(221)_02_DA/DHCTTCK15A2	42	35	DA		20/12-23/01/22	5					6	A3.302							DHCTTCK15A2	DHCQ 15
								14/02-24/04/22	10					6	A3.302								DHCQ 15
11	2TN008 DC	2	Hệ điều hành(221)_01/DHCTTCK16A1	52	49	LT	Hồ Ngọc Vinh	14/02-05/06/22	16	3,4	A3.401											DHCTTCK16A1	DHCQ 16
12	2TN008 DC	2	Hệ điều hành(221)_02/DHCTTCK16A2	54	48	LT	Hồ Ngọc Vinh	14/02-05/06/22	16									9,10	A3.401			DHCTTCK16A2	DHCQ 16
										7,8,9,10	A3.404												DHCQ 16
												7,8,9,10	A3.404										DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
13	3TN211 DH	2	Hệ quản trị CMS(221)_01_TH	25	25	TH		11/04-01/05/22	3					7,8,9,10	A3.404							DHCTTCK16A1	DHCQ16
																7,8,9,10	A3.404						DHCQ16
																		7,8,9,10	A3.404				DHCQ16
14	3TN211 DH	2	Hệ quản trị CMS(221)_02_TH	25	30	TH		09/05-29/05/22	3	7,8,9,10	A3.404											DHCTTCK16A1	DHCQ16
												7,8,9,10	A3.404										DHCQ16
														7,8,9,10	A3.404								DHCQ16
																7,8,9,10	A3.404						DHCQ16
																		7,8,9,10	A3.404				DHCQ16
15	3TN211 DH	2	Hệ quản trị CMS(221)_03_TH	25	23	TH		11/04-01/05/22	3	1,2,3,4	A3.404											DHCTTCK16A2	DHCQ16
												1,2,3,4	A3.404										DHCQ16
														1,2,3,4	A3.404								DHCQ16
																1,2,3,4	A3.404						DHCQ16
																		1,2,3,4	A3.404				DHCQ16
16	3TN211 DH	2	Hệ quản trị CMS(221)_04_TH	25	24	TH		09/05-29/05/22	3	1,2,3,4	A3.404											DHCTTCK16A2	DHCQ16
												1,2,3,4	A3.404										DHCQ16
														1,2,3,4	A3.404								DHCQ16
																1,2,3,4	A3.404						DHCQ16
																		1,2,3,4	A3.404				DHCQ16
17	3TN130 DH	2	Kiến trúc máy tính(221)_01/DHKTMC15A1	26	25	LT	Bùi Xuân Vinh	20/12-23/01/22	5									7,8	A2.204			DHKTMC15A1	DHCQ15
							Bùi Xuân Vinh	14/02-01/05/22	11									7,8	A2.204				DHCQ15
18	3TN103 CD	2	Lập trình C/C++(221)_01/DHCTTCK16A1	52	48	LT		14/02-05/06/22	16									4,5	A3.401			DHCTTCK16A1	DHCQ16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
19	3TN103 CD	2	Lập trình C/C++(221)_02/DHCTTCK16A2	54	49	LT		14/02-05/06/22	16							9,10	A3.401					DHCTTCK16A2	DHCQ16
20	3TN111 DH	3	Lập trình di động(221)_01/DHCTTCK15A1	46	37	LT	Trần Bình Giang	20/12-23/01/22	5	7,8,9	A3.302											DHCTTCK15A1	DHCQ15
							Trần Bình Giang	14/02-24/04/22	10	7,8,9	A3.302												DHCQ15
21	3TN111 DH	3	Lập trình di động(221)_02/DHCTTCK15A2	47	36	LT	Vũ Thị Thu Hiền	20/12-23/01/22	5					1,2,3	A3.302							DHCTTCK15A2	DHCQ15
							Vũ Thị Thu Hiền	14/02-24/04/22	10					1,2,3	A3.302								DHCQ15
22	3TN104 CD	2	Lập trình Java(221)_01/DHCTTCK16A1	52	54	LT	Võ Thị Kim Hoa	14/02-05/06/22	16					1,2	A3.401							DHCTTCK16A1	DHCQ16
23	3TN104 CD	2	Lập trình Java(221)_02/DHCTTCK16A2	54	50	LT	Nguyễn Thị Quỳnh Vinh	14/02-05/06/22	16	10,11	A3.401											DHCTTCK16A2	DHCQ16
24	3TN114 DH	2	Lập trình Robot(221)_01/DHCTTCK15A1	46	35	LT	Nguyễn Thị Quỳnh Vinh	20/12-23/01/22	5					7,8	A3.302							DHCTTCK15A1	DHCQ15
							Nguyễn Thị Quỳnh Vinh	14/02-24/04/22	10					7,8	A3.302								DHCQ15
25	3TN114 DH	2	Lập trình Robot(221)_02/DHCTTCK15A2	47	37	LT	Nguyễn Thị Quỳnh Vinh	20/12-23/01/22	5							1,2	A3.302					DHCTTCK15A2	DHCQ15
							Nguyễn Thị Quỳnh Vinh	14/02-24/04/22	10							1,2	A3.302						DHCQ15
26	2TN010 DC	2	Mạng máy tính(221)_02/DHCTTCK16A1	52	53	LT		14/02-05/06/22	16	1,2	A3.401											DHCTTCK16A1	DHCQ16
27	2TN010 DC	2	Mạng máy tính(221)_03/DHCTTCK16A2	54	47	LT	Lê Văn Vinh	14/02-05/06/22	16			7,8	A3.401									DHCTTCK16A2	DHCQ16
28	3TN116 DH	2	Mẫu thiết kế cho phần mềm(221)_01/DHCTTCK14A1	50	48	LT	Nguyễn Thị Lan Anh	03/01-23/01/22	3								1,2	A3.301				DHCTTCK14A1	DHCQ14
							Nguyễn Thị Lan Anh	14/02-15/05/22	13								1,2	A3.301					DHCQ14
29	2TN017 DH	2	Nhập môn Trí tuệ nhân tạo(221)_01/DHCTTCK14A1	50	62	LT	Hồ Ngọc Vinh	03/01-23/01/22	3					3,4	A3.301							DHCTTCK14A1	DHCQ14
							Hồ Ngọc Vinh	14/02-15/05/22	13					3,4	A3.301								DHCQ14
30	3TN105 CD	2	Phân tích thiết kế hệ thống với UML(221)_01/DHCTTCK15A1	47	35	LT	Nguyễn Thị Lan Anh	20/12-23/01/22	5					9,10	A3.302							DHCTTCK15A1	DHCQ15
							Nguyễn Thị Lan Anh	14/02-24/04/22	10					9,10	A3.302								DHCQ15
31	3TN105 CD	2	Phân tích thiết kế hệ thống với	47	46	LT	Nguyễn Thị Phương Thủy	20/12-23/01/22	5	3,4	A3.302											DHCTTCK15A1	DHCQ15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
31	CD	2	UML(221)_02/DHCTTCK15A2	47	40	LT		14/02-24/04/22	10	3,4	A3.302											2	DHCQ 15
32	3TN204 CD	3	Phát triển ứng dụng di động(221)_01_TH/DHCTTCK14A1	25	31	TH	Trần Thị Gia	14/03-10/04/22	4	7,8,9,10	A3.405											DHCTTCK14A1	DHCQ 14
							Trần Thị Gia					7,8,9,10	A3.405										DHCQ 14
														7,8,9,10	A3.405								DHCQ 14
							Trần Thị Gia									7,8,9,10	A3.405						DHCQ 14
								11/04-17/04/22	1									7,8,9,10	A3.405				DHCQ 14
							Trần Thị Gia			7,8,9,10	A3.405												DHCQ 14
							Trần Thị Gia					7,8,9,10	A3.405										DHCQ 14
														7,8	A3.405								DHCQ 14
33	3TN204 CD	3	Phát triển ứng dụng di động(221)_02_TH/DHCTTCK14A1	25	30	TH		14/03-10/04/22	4	7,8,9,10	A3.406											DHCTTCK14A1	DHCQ 14
							Trần Bình Giang					7,8,9,10	A3.406										DHCQ 14
							Trần Bình Giang							7,8,9,10	A3.406								DHCQ 14
							Trần Bình Giang									7,8,9,10	A3.406						DHCQ 14
							Trần Bình Giang	11/04-17/04/22	1									7,8,9,10	A3.406				DHCQ 14
										7,8,9,10	A3.406												DHCQ 14
							Trần Bình Giang					7,8,9,10	A3.406										DHCQ 14
							Trần Bình Giang							7,8	A3.406								DHCQ 14
34	3TN204 DH	2	Phát triển ứng dụng di động nâng cao(221)_01_TH/DHCTTK14A1	25	32	TH	Vũ Thị Thu Hiền	18/04-08/05/22	3	7,8,9,10	A3.405											DHCTTCK14A1	DHCQ 14
							Vũ Thị Thu Hiền					7,8,9,10	A3.405										DHCQ 14
							Vũ Thị Thu Hiền							7,8,9,10	A3.405								DHCQ 14
							Vũ Thị Thu Hiền									7,8,9,10	A3.405						DHCQ 14
							Vũ Thị Thu Hiền											7,8,9,10	A3.405				DHCQ 14

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
35	3TN204 DH	2	Phát triển ứng dụng di động nâng cao(221)_02_TH/DHCTTC K14A1	25	31	TH		18/04-08/05/22	3	7,8,9,10	A3.406											DHCTTCK14A1	DHCQ14
							Nguyễn Thị Quỳnh Vinh					7,8,9,10	A3.406										DHCQ14
														7,8,9,10	A3.406								DHCQ14
																7,8,9,10	A3.406						DHCQ14
							Nguyễn Thị Quỳnh Vinh											7,8,9,10	A3.406				DHCQ14
36	2TN031 DC	2	Quản trị mạng(221)_01/DHCTTCK14A1	50	62	LT	Lê Văn Vinh	03/01-23/01/22	3			3,4	A3.301									DHCTTCK14A1	DHCQ14
							Lê Văn Vinh	14/02-15/05/22	13			3,4	A3.301										DHCQ14
37	3TN117 DH	2	Thiết kế đa phương tiện(221)_01/DHCTTCK16A1	52	51	LT	Võ Thị Kim Hoa	14/02-05/06/22	16					3,4	A3.401							DHCTTCK16A1	DHCQ16
38	3TN117 DH	2	Thiết kế đa phương tiện(221)_02/DHCTTCK16A2	54	50	LT		14/02-05/06/22	16			9,10	A3.401									DHCTTCK16A2	DHCQ16
39	3TN203 CD	3	Thiết kế Web(221)_01_TH/DHCTTC K15A1	24	18	TH	Nguyễn Thị Lan Anh	27/12-16/01/22	3	1,2,3,4	A3.406											DHCTTCK15A1	DHCQ15
							Nguyễn Thị Lan Anh					1,2,3,4	A3.406										DHCQ15
							Nguyễn Thị Lan Anh							1,2,3,4	A3.406								DHCQ15
							Nguyễn Thị Lan Anh									1,2,3,4	A3.406						DHCQ15
																	1,2,3,4	A3.406					DHCQ15
							Nguyễn Thị Lan Anh	17/01-23/01/22	1										1,2,3,4	A3.406			DHCQ15
							Nguyễn Thị Lan Anh			1,2,3,4	A3.406												DHCQ15
							Nguyễn Thị Lan Anh					1,2,3,4	A3.406										DHCQ15
							Nguyễn Thị Lan Anh							1,2,3,4	A3.406								DHCQ15
							Nguyễn Thị Lan Anh									1,2,3,4	A3.406						DHCQ15
																	1,2	A3.406					DHCQ15
																							DHCQ15
							Nguyễn Thị Lan Anh					1,2,3,4	A3.406										DHCQ15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
40	3TN203 CD	3	Thiết kế Web(221)_02_TH/DHCTTC K15A1	24	17	TH	Nguyễn Thị Lan Anh	14/02-20/02/22	1					1,2,3,4	A3.406							DHCTTCK15A 1	DHCQ 15
							Nguyễn Thị Lan Anh									1,2,3,4	A3.406						DHCQ 15
																		1,2,3,4	A3.406				DHCQ 15
							Nguyễn Thị Lan Anh	21/02-13/03/22	3											1,2	A3.406		DHCQ 15
							Nguyễn Thị Lan Anh			1,2,3,4	A3.406												DHCQ 15
							Nguyễn Thị Lan Anh					1,2,3,4	A3.406										DHCQ 15
							Nguyễn Thị Lan Anh							1,2,3,4	A3.406								DHCQ 15
							Nguyễn Thị Lan Anh									1,2,3,4	A3.406						DHCQ 15
																		1,2,3,4	A3.406				DHCQ 15
																				1,2,3,4	A3.406		DHCQ 15
							Nguyễn Thị Lan Anh													1,2,3,4	A3.406		DHCQ 15
41	3TN203 CD	3	Thiết kế Web(221)_03_TH/DHCTTC K15A2	24	19	TH	Phạm T. Thanh Bình	27/12-16/01/22	3	7,8,9,10	A3.405											DHCTTCK15A 2	DHCQ 15
							Phạm T. Thanh Bình					7,8,9,10	A3.405										DHCQ 15
							Phạm T. Thanh Bình							7,8,9,10	A3.405								DHCQ 15
							Phạm T. Thanh Bình									7,8,9,10	A3.405						DHCQ 15
							Phạm T. Thanh Bình											7,8,9,10	A3.405				DHCQ 15
							Phạm T. Thanh Bình													7,8,9,10	A3.405		DHCQ 15
							Phạm T. Thanh Bình																DHCQ 15
							Phạm T. Thanh Bình	17/01-23/01/22	1	7,8,9,10	A3.405												DHCQ 15
							Phạm T. Thanh Bình					7,8,9,10	A3.405										DHCQ 15
							Phạm T. Thanh Bình							7,8,9,10	A3.405								DHCQ 15
							Phạm T. Thanh Bình									7,8,9,10	A3.405						DHCQ 15
							Phạm T. Thanh Bình											7,8	A3.405				DHCQ 15
							Phạm T. Thanh Bình																DHCQ 15
							Phạm T. Thanh Bình																DHCQ 15
												7,8,9,10	A3.405										DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
42	3TN203 CD	3	Thiết kế Web(221)_04_TH/DHCTTC K15A2	24	27	TH		14/02-20/02/22	1					7,8,9,10	A3.405							DHCTTCK15A2	DHCQ 15
							Phạm T.Thanh Bình									7,8,9,10	A3.405						DHCQ 15
							Phạm T.Thanh Bình											7,8,9,10	A3.405				DHCQ 15
							Phạm T.Thanh Bình													7,8	A3.405		DHCQ 15
								21/02-13/03/22	3	7,8,9,10	A3.405												DHCQ 15
												7,8,9,10	A3.405										DHCQ 15
														7,8,9,10	A3.405								DHCQ 15
							Phạm T.Thanh Bình									7,8,9,10	A3.405						DHCQ 15
							Phạm T.Thanh Bình											7,8,9,10	A3.405				DHCQ 15
							Phạm T.Thanh Bình													7,8,9,10	A3.405		DHCQ 15
43	3TN202 CD	2	Thiết kế, xây dựng mạng LAN(221)_01_TH	20	20	TH		30/05-19/06/22	3	1,2,3,4	A3.404											DHDTVCK15A1	DHCQ 15
												1,2,3,4	A3.404										DHCQ 15
														1,2,3,4	A3.404								DHCQ 15
																1,2,3,4	A3.404						DHCQ 15
																		1,2,3,4	A3.404				DHCQ 15
																							DHCQ 15
44	3TN202 CD	2	Thiết kế, xây dựng mạng LAN(221)_02_TH	20	15	TH		28/03-17/04/22	3	1,2,3,4	A3.402											DHKTMCK15A1	DHCQ 15
												1,2,3,4	A3.402										DHCQ 15
														1,2,3,4	A3.402								DHCQ 15
																1,2,3,4	A3.402						DHCQ 15
																		1,2,3,4	A3.402				DHCQ 15
																							DHCQ 15
										7,8,9,10													DHCQ 13
										1,2,3,4													DHCQ 13

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
45	3TN207 DH	9	Thực tập sản xuất tại doanh nghiệp(221)_01_TH_162	52	52	TH	03/01-30/01/22	4				7,8,9,10										DHCTTCK13Z	DHCQ 13
												1,2,3,4											DHCQ 13
														1,2,3,4									DHCQ 13
														7,8,9,10									DHCQ 13
																1,2,3,4							DHCQ 13
																7,8,9,10							DHCQ 13
																	7,8,9,10						DHCQ 13
																		7,8,9,10					DHCQ 13
																		1,2,3,4					DHCQ 13
																							DHCQ 13
							14/02-20/03/22	5		7,8,9,10													DHCQ 13
										1,2,3,4													DHCQ 13
												7,8,9,10											DHCQ 13
												1,2,3,4											DHCQ 13
														1,2,3,4									DHCQ 13
														7,8,9,10									DHCQ 13
																1,2,3,4							DHCQ 13
																7,8,9,10							DHCQ 13
																	1,2,3,4						DHCQ 13
																				1,2,3,4			DHCQ 13
										7,8,9,10													DHCQ 13
										1,2,3,4													DHCQ 13
												7,8,9,10											DHCQ 13
												1,2,3,4											DHCQ 13

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
46	3TN208 DH	9	Thực tập tốt nghiệp(221)_01_TH_1E0	52	51	TH		21/03-22/05/22	9					1,2,3,4								DHCTTCK13Z	DHCQ 13
														7,8,9,10									DHCQ 13
																1,2,3,4							DHCQ 13
																7,8,9,10							DHCQ 13
																		7,8,9,10					DHCQ 13
																		1,2,3,4					DHCQ 13
47	3TN002 DH	2	Toán rời rạc(221)_01/DHCTTCK15A1	47	40	LT	Trần Thị Gia	20/12-23/01/22	5							7,8	A3.302					DHCTTCK15A1	DHCQ 15
								14/02-01/05/22	11							7,8	A3.302						DHCQ 15
48	3TN002 DH	2	Toán rời rạc(221)_02/DHCTTCK15A2	46	41	LT	Trần Thị Gia	20/12-23/01/22	5									1,2	A3.302			DHCTTCK15A2	DHCQ 15
							Trần Thị Gia	14/02-01/05/22	11									1,2	A3.302				DHCQ 15
49	2TN026 DH	2	Xử lý ảnh và nhận dạng(221)_01/DHCTTCK14A1	50	61	LT	Trần Bình Giang	03/01-23/01/22	3							3,4	A3.301					DHCTTCK14A1	DHCQ 14
							Trần Bình Giang	14/02-15/05/22	13							3,4	A3.301						DHCQ 14
1	3DT104 CD	2	An toàn lao động và vật liệu điện (221)_01/CDMDKCK4A1	57	49	LT	Nguyễn Đăng Thông	14/02-05/06/22	16			7,8	A2.204									CDMDKCK47A1	CDCQ 47
2	3DT201 CD	2	Lắp mạch điện tử cơ bản(221)_01_TH	20	18	TH		21/03-10/04/22	3	1,2,3,4	A4.306											CDMDKCK47A1	CDCQ 47
												1,2,3,4	A4.306										CDCQ 47
														1,2,3,4	A4.306								CDCQ 47
																1,2,3,4	A4.306						CDCQ 47
																	1,2,3,4	A4.306					CDCQ 47
3	3DT201 CD	2	Lắp mạch điện tử cơ bản(221)_02_TH	20	10	TH		11/04-01/05/22	3	13,14,15,16	A4.108											CDMDKCK47A1	CDCQ 47
												13,14,15,16	A4.108										CDCQ 47
														13,14,15,16	A4.108								CDCQ 47
																13,14,15,16	A4.108						CDCQ 47

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
																		13,14,15,16	A4.108				CDCQ 47
4	3DT201 CD	2	Lắp mạch điện tử cơ bản(221)_03_TH	20	20	TH		11/04-01/05/22	3	1,2,3,4	A4.210												CDCQ 47
												1,2,3,4	A4.210										CDCQ 47
														1,2,3,4	A4.210								CDCQ 47
																1,2,3,4	A4.210						CDCQ 47
																		1,2,3,4	A4.210				CDCQ 47
																							CDCQ 47
5	3DT229 CD	2	Lắp mạch trang bị điện trong hệ thống lạnh(221)_01_TH	20	16	TH		11/04-01/05/22	3	1,2,3,4	A4.109												CDCQ 47
												1,2,3,4	A4.109										CDCQ 47
														1,2,3,4	A4.109								CDCQ 47
																1,2,3,4	A4.109						CDCQ 47
																		1,2,3,4	A4.109				CDCQ 47
																							CDCQ 47
6	3DT229 CD	2	Lắp mạch trang bị điện trong hệ thống lạnh(221)_02_TH	20	14	TH		09/05-29/05/22	3	1,2,3,4	A4.109												CDCQ 47
												1,2,3,4	A4.109										CDCQ 47
														1,2,3,4	A4.109								CDCQ 47
																1,2,3,4	A4.109						CDCQ 47
																		1,2,3,4	A4.109				CDCQ 47
																							CDCQ 47
7	3DT229 CD	2	Lắp mạch trang bị điện trong hệ thống lạnh(221)_03_TH	20	15	TH		09/05-29/05/22	3	1,2,3,4	A4.210												CDCQ 47
												1,2,3,4	A4.210										CDCQ 47
														1,2,3,4	A4.210								CDCQ 47
																1,2,3,4	A4.210						CDCQ 47
																		1,2,3,4	A4.210				CDCQ 47
																							CDCQ 47

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
8	3DT234 CD	10	Thực tập sản xuất tại doanh nghiệp(221)_01_TH_1F9	70	59	TH	25/04-03/07/22	10	8,9,10,11													CDMDKCK46 A1	CDCQ 46
									1,2,3,4														CDCQ 46
											8,9,10,11												CDCQ 46
											1,2,3,4												CDCQ 46
													1,2,3,4										CDCQ 46
													8,9,10,11										CDCQ 46
															1,2,3,4								CDCQ 46
													8,9,10,11										CDCQ 46
																8,9,10,11							CDCQ 46
																	1,2,3,4						CDCQ 46
9	3DT235 CD	14	Thực tập tốt nghiệp(221)_01_TH_1BD	70	59	TH	04/07-09/10/22	14	8,9,10,11													CDMDKCK46 A1	CDCQ 46
									1,2,3,4														CDCQ 46
											8,9,10,11												CDCQ 46
											1,2,3,4												CDCQ 46
													1,2,3,4										CDCQ 46
													8,9,10,11										CDCQ 46
															1,2,3,4								CDCQ 46
															8,9,10,11								CDCQ 46
																8,9,10,11							CDCQ 46
																	1,2,3,4						CDCQ 46
1	3DT113	3	Anten và truyền sóng(221)_01/DHDTVCK1	14	12	LT	Trần Thị Thương	20/12-23/01/22	5	7,8,9	A2.306											DHDTVCK15A	DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
1	DH	2	Số(221)_01/DHDTVCK15A1	14	12	LT	Trần Thị Thương	14/02-01/05/22	11	7,8,9	A2.306											1	DHCQ 15
2	3DT215 CD	2	Chế tạo mạch điện tử(221)_01_TH	20	20	TH		28/03-17/04/22	3	13,14,15,16	A4.207											DHDTVCK15A1	DHCQ 15
												13,14,15,16	A4.207										DHCQ 15
														13,14,15,16	A4.207								DHCQ 15
																13,14,15,16	A4.207						DHCQ 15
																		13,14,15,16	A4.207				DHCQ 15
3	3DT215 CD	2	Chế tạo mạch điện tử(221)_02_TH	20	16	TH		18/04-01/05/22	2	13,14,15,16	A4.207											DHKTMCK15A1	DHCQ 15
												13,14,15,16	A4.207										DHCQ 15
														13,14,15,16	A4.207								DHCQ 15
																13,14,15,16	A4.207						DHCQ 15
																		13,14,15,16	A4.207				DHCQ 15
								23/05-29/05/22	1	13,14,15,16	A4.207												DHCQ 15
												13,14,15,16	A4.207										DHCQ 15
														13,14,15,16	A4.207								DHCQ 15
																13,14,15,16	A4.207						DHCQ 15
																		13,14,15,16	A4.207				DHCQ 15
4	3DT143 DH	2	Điện tử cơ bản(221)_01/DHCTTCK16A1	52	51	LT	Nguyễn Đăng Thông	14/02-05/06/22	16							3,4	A2.412					DHCTTCK16A1	DHCQ 16
5	3DT143 DH	2	Điện tử cơ bản(221)_02/DHCTTCK16A2	54	51	LT	Nguyễn Đăng Thông	14/02-05/06/22	16									7,8	A3.507			DHCTTCK16A2	DHCQ 16
6	3DT104 DH	2	Điện tử Số(221)_01/DHDTVCK16A1	38	33	LT	Lê Thị Ngọc Hà	14/02-05/06/22	16					3,4	A3.509							Ghép: DHDTVCK16A1 + DHKTMCK16A1	DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
7	3DT103 DH	2	Điện tử tương tự(221)_01/DHDTVCK16A1	38	34	LT	Bùi Xuân Vinh	14/02-05/06/22	16									3,4	A3.411			Ghép: DHDTVCK16A1 + DHKTMCK16A1	DHCQ16
8	3DT101 CD	2	Giải tích mạch điện(221)_01/DHDTVCK16A1	22	14	LT	Bùi Xuân Vinh	14/02-05/06/22	16									1,2	A3.410			Ghép: DHDTVCK16A1 + DHKTMCK16A1	DHCQ16
9	3DT117 DH	2	Hệ thống viễn thông(221)_01/DHDTVCK15A1	14	12	LT	Lê VănBiên	20/12-23/01/22	5									7,8	A2.306			DHDTVCK15A1	DHCQ15
							Lê VănBiên	14/02-01/05/22	11									7,8	A2.306				DHCQ15
10	3DN131 DH	2	Kỹ thuật điện, điện tử(221)_01	55	44	LT	Trần Thị Thương	14/02-05/06/22	16					7,8	A3.408							DHOTOCK16A1	DHCQ16
11	3DN131 DH	2	Kỹ thuật điện, điện tử(221)_02	53	47	LT	Lê Thị Ngọc Hà	14/02-05/06/22	16									1,2	A3.408			DHOTOCK16A10	DHCQ16
12	3DN131 DH	2	Kỹ thuật điện, điện tử(221)_03	55	50	LT	Trần Thị Thương	14/02-05/06/22	16							3,4	A3.408					DHOTOCK16A2	DHCQ16
13	3DN131 DH	2	Kỹ thuật điện, điện tử(221)_04	55	37	LT	Nguyễn Đăng Thông	14/02-05/06/22	16	10,11	A3.409											DHOTOCK16A3	DHCQ16
14	3DN131 DH	2	Kỹ thuật điện, điện tử(221)_05	55	44	LT	Trần Thị Thương	14/02-05/06/22	16	1,2	A3.410											DHOTOCK16A4	DHCQ16
15	3DN131 DH	2	Kỹ thuật điện, điện tử(221)_06	55	49	LT	Lê Thị Ngọc Hà	14/02-05/06/22	16									7,8	A2.310			DHOTOCK16A5	DHCQ16
16	3DN131 DH	2	Kỹ thuật điện, điện tử(221)_07	56	45	LT	Trần Thị Thương	14/02-05/06/22	16							1,2	A3.411					DHOTOCK16A6	DHCQ16
17	3DN131 DH	2	Kỹ thuật điện, điện tử(221)_08	55	42	LT	Hồ Xuân Bảng	14/02-05/06/22	16					7,8	A3.508							DHOTOCK16A7	DHCQ16
18	3DN131 DH	2	Kỹ thuật điện, điện tử(221)_09	55	54	LT	Trần Thị Thương	14/02-05/06/22	16					3,4	A3.508							DHOTOCK16A8	DHCQ16
19	3DN131 DH	2	Kỹ thuật điện, điện tử(221)_10	55	37	LT	Nguyễn Đăng Thông	14/02-05/06/22	16	7,8	A3.509											DHOTOCK16A9	DHCQ16
20	3DT204	2	Lắp mạch cảm	20	20	TH		18/04-01/05/22	2	13,14,15,16	A4.209											DHDTVCK15A	DHCQ15
												13,14,15,16	A4.209										DHCQ15
														13,14,15,16	A4.209								DHCQ15
																13,14,15,16	A4.209						DHCQ15
																		13,14,15,16	A4.209				DHCQ15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
20	CD	2	biển(221)_01_TH	20	20	TH		23/05-29/05/22	1	13,14,15,16	A4.209											1	DHCQ 15
												13,14,15,16	A4.209										DHCQ 15
														13,14,15,16	A4.209								DHCQ 15
																13,14,15,16	A4.209						DHCQ 15
																		13,14,15,16	A4.209				DHCQ 15
																				13,14,15,16	A4.209		DHCQ 15
21	3DT204 CD	2	Lắp mạch cảm biến(221)_02_TH	20	16	TH		30/05-19/06/22	3	13,14,15,16	A4.209											DHKTMC15 A1	DHCQ 15
												13,14,15,16	A4.209										DHCQ 15
														13,14,15,16	A4.209								DHCQ 15
																13,14,15,16	A4.209						DHCQ 15
																		13,14,15,16	A4.209				DHCQ 15
22	3DT201 CD	2	Lắp mạch điện tử cơ bản(221)_04_TH	21	23	TH		04/04-24/04/22	3	7,8,9,10	A4.210											DHDDTCK16A 3	DHCQ 16
												7,8,9,10	A4.210										DHCQ 16
														7,8,9,10	A4.210								DHCQ 16
																7,8,9,10	A4.210						DHCQ 16
																		7,8,9,10	A4.210				DHCQ 16
23	3DT201 CD	2	Lắp mạch điện tử cơ bản(221)_05_TH	21	21	TH		04/04-24/04/22	3	7,8,9,10	A4.109											DHDDTCK16A 3	DHCQ 16
												7,8,9,10	A4.109										DHCQ 16
														7,8,9,10	A4.109								DHCQ 16
																7,8,9,10	A4.109						DHCQ 16
																		7,8,9,10	A4.109				DHCQ 16
										7,8,9,10	A4.207												DHCQ 16
												7,8,9,10	A4.207										DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
24	3DT201 CD	2	Lắp mạch điện tử cơ bản(221)_06_TH	21	21	TH		04/04-24/04/22	3					7,8,9,10	A4.207							DHDDTCK16A1	DHCQ16
																7,8,9,10	A4.207						DHCQ16
																		7,8,9,10	A4.207				DHCQ16
25	3DT201 CD	2	Lắp mạch điện tử cơ bản(221)_07_TH	21	21	TH		25/04-15/05/22	3	7,8,9,10	A4.109												DHCQ16
												7,8,9,10	A4.109										DHCQ16
														7,8,9,10	A4.109								DHCQ16
																7,8,9,10	A4.109						DHCQ16
26	3DT201 CD	2	Lắp mạch điện tử cơ bản(221)_08_TH	21	22	TH		04/04-24/04/22	3	7,8,9,10	A4.308												DHCQ16
												7,8,9,10	A4.308										DHCQ16
														7,8,9,10	A4.308								DHCQ16
																7,8,9,10	A4.308						DHCQ16
27	3DT201 CD	2	Lắp mạch điện tử cơ bản(221)_09_TH	18	18	TH		04/04-24/04/22	3	1,2,3,4	A4.208												DHCQ16
												1,2,3,4	A4.208										DHCQ16
														1,2,3,4	A4.208								DHCQ16
																1,2,3,4	A4.208						DHCQ16
28	3DT201 CD	2	Lắp mạch điện tử cơ bản(221)_10_TH	18	18	TH		04/04-24/04/22	3	1,2,3,4	A4.308												DHCQ16
												1,2,3,4	A4.308										DHCQ16
														1,2,3,4	A4.308								DHCQ16
																1,2,3,4	A4.308						DHCQ16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
																		1,2,3,4	A4.308				DHCQ 16
29	3DT201 CD	2	Lắp mạch điện tử cơ bản(221)_11_TH	18	18	TH		04/04-24/04/22	3	1,2,3,4	A4.207												DHCQ 16
												1,2,3,4	A4.207										DHCQ 16
														1,2,3,4	A4.207								DHCQ 16
																							DHCQ 16
																1,2,3,4	A4.207						DHCQ 16
																		1,2,3,4	A4.207				DHCQ 16
30	3DT201 CD	2	Lắp mạch điện tử cơ bản(221)_12_TH	18	18	TH		25/04-15/05/22	3	1,2,3,4	A4.108												DHCQ 16
												1,2,3,4	A4.108										DHCQ 16
														1,2,3,4	A4.108								DHCQ 16
																1,2,3,4	A4.108						DHCQ 16
																		1,2,3,4	A4.108				DHCQ 16
																							DHCQ 16
31	3DT201 CD	2	Lắp mạch điện tử cơ bản(221)_13_TH	20	21	TH		25/04-15/05/22	3	7,8,9,10	A4.209												DHCQ 16
												7,8,9,10	A4.209										DHCQ 16
														7,8,9,10	A4.209								DHCQ 16
																7,8,9,10	A4.209						DHCQ 16
																		7,8,9,10	A4.209				DHCQ 16
																							DHCQ 16
32	3DT201 CD	2	Lắp mạch điện tử cơ bản(221)_14_TH	20	21	TH		25/04-15/05/22	3	7,8,9,10	A4.210												DHCQ 16
												7,8,9,10	A4.210										DHCQ 16
														7,8,9,10	A4.210								DHCQ 16
																7,8,9,10	A4.210						DHCQ 16
																		7,8,9,10	A4.210				DHCQ 16
																							DHCQ 16
										7,8,9,10	A4.109												DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
33	3DT201 CD	2	Lắp mạch điện tử cơ bản(221)_15_TH	20	20	TH		16/05-05/06/22	3			7,8,9,10	A4.109									DHTDHCK16A 1	DHCQ 16
														7,8,9,10	A4.109								DHCQ 16
																7,8,9,10	A4.109						DHCQ 16
																		7,8,9,10	A4.109				DHCQ 16
34	3DT201 CD	2	Lắp mạch điện tử cơ bản(221)_16_TH	20	17	TH		16/05-05/06/22	3	7,8,9,10	A4.210											DHTDHCK16A 3	DHCQ 16
												7,8,9,10	A4.210										DHCQ 16
														7,8,9,10	A4.210								DHCQ 16
																7,8,9,10	A4.210						DHCQ 16
35	3DT201 CD	2	Lắp mạch điện tử cơ bản(221)_17_TH	20	19	TH		16/05-05/06/22	3	7,8,9,10	A4.209											DHTDHCK16A 3	DHCQ 16
												7,8,9,10	A4.209										DHCQ 16
														7,8,9,10	A4.209								DHCQ 16
																7,8,9,10	A4.209						DHCQ 16
36	3DT201 CD	2	Lắp mạch điện tử cơ bản(221)_18_TH	20	20	TH		25/04-15/05/22	3	1,2,3,4	A4.208											DHTDHCK16A 2	DHCQ 16
												1,2,3,4	A4.208										DHCQ 16
														1,2,3,4	A4.208								DHCQ 16
																1,2,3,4	A4.208						DHCQ 16
37	3DT201 CD	2	Lắp mạch điện tử cơ bản(221)_19_TH	20	20	TH		16/05-05/06/22	3	1,2,3,4	A4.108											DHTDHCK16A 2	DHCQ 16
												1,2,3,4	A4.108										DHCQ 16
														1,2,3,4	A4.108								DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
																1,2,3,4	A4.108						DHCQ 16
																		1,2,3,4	A4.108				DHCQ 16
38	3DT201 CD	2	Lắp mạch điện tử cơ bản(221)_21_TH	20	17	TH		16/05-05/06/22	3	1,2,3,4	A4.308												DHCQ 16
												1,2,3,4	A4.308										DHCQ 16
														1,2,3,4	A4.308								DHCQ 16
																1,2,3,4	A4.308						DHCQ 16
																		1,2,3,4	A4.308				DHCQ 16
39	3DT203 CD	2	Lắp mạch Điện tử số(221)_01_TH	18	18	TH		25/04-15/05/22	3	7,8,9,10	A4.207												DHCQ 16
												7,8,9,10	A4.207										DHCQ 16
														7,8,9,10	A4.207								DHCQ 16
																7,8,9,10	A4.207						DHCQ 16
																		7,8,9,10	A4.207				DHCQ 16
40	3DT203 CD	2	Lắp mạch Điện tử số(221)_02_TH	18	14	TH		16/05-05/06/22	3	7,8,9,10	A4.207												DHCQ 16
												7,8,9,10	A4.207										DHCQ 16
														7,8,9,10	A4.207								DHCQ 16
																7,8,9,10	A4.207						DHCQ 16
																		7,8,9,10	A4.207				DHCQ 16
41	3DT202 CD	2	Lắp mạch điện tử tương tự(221)_01_TH	18	19	TH		16/05-05/06/22	3	7,8,9,10	A4.108												DHCQ 16
												7,8,9,10	A4.108										DHCQ 16
														7,8,9,10	A4.108								DHCQ 16
																7,8,9,10	A4.108						DHCQ 16
																		7,8,9,10	A4.108				DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa				
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học						
42	3DT202 CD	2	Lắp mạch điện tử tương tự(221)_02_TH	18	14	TH		25/04-15/05/22	3	7,8,9,10	A4.108											DHKT MCK16 A1	DHCQ 16 DHCQ 16 DHCQ 16 DHCQ 16 DHCQ 16				
43	3DT109 DH	2	Lập trình C cho vi điều khiển(221)_01/DHDTVCK15A1	40	37	LT	Nguyễn Minh Quân	20/12-23/01/22	5			7,8	A2.306									Ghep. DHDTVCK15A1 + DHKT MCK15A1	DHCQ 15 DHCQ 15				
							Nguyễn Minh Quân	14/02-01/05/22	11			7,8	A2.306														
44	3DT110 DH	2	Ngôn ngữ lập trình(221)_01/DHKT MCK16A1	22	21	LT	Nguyễn Minh Quân	14/02-05/06/22	16					1,2	A3.509							DHKT MCK16 A1	DHCQ 16				
45	3DT102 DH	2	Nguyên lý truyền thông(221)_01/DHDTVCK16A1	16	13	LT	Trần Thị Thương	14/02-05/06/22	16					1,2	A3.510							DHDTVCK16A1	DHCQ 16				
46	3DT107 DH	2	Thiết kế số bằng ngôn ngữ mô tả phần cứng HDL(221)_01/DHDTVCK15A1	40	38	LT	Nguyễn Đăng Thông	20/12-23/01/22	5							7,8	A2.306					Ghep. DHDTVCK15A1 + DHKT MCK15A1	DHCQ 15 DHCQ 15				
							Nguyễn Đăng Thông	14/02-01/05/22	11							7,8	A2.306										
47	3DT222	9	Thực tập sản xuất tại doanh	7	3	TH		03/01-30/01/22	4	7,8,9,10												DHDTVCK13	DHCQ 13				
										1,2,3,4																DHCQ 13	
												7,8,9,10														DHCQ 13	
												1,2,3,4														DHCQ 13	
														1,2,3,4												DHCQ 13	
														7,8,9,10												DHCQ 13	
																1,2,3,4										DHCQ 13	
																7,8,9,10										DHCQ 13	
																		1,2,3,4									DHCQ 13
																		7,8,9,10									DHCQ 13
																					7,8,9,10						DHCQ 13
																								1,2,3,4			

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV ĐK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
47	DH	9	nghiệp(221)_01_TH_119	7	3	TH		14/02-20/03/22	5	1,2,3,4												DHDTVCK13Z	DHCQ 13
										7,8,9,10													DHCQ 13
												7,8,9,10											DHCQ 13
												1,2,3,4											DHCQ 13
														7,8,9,10									DHCQ 13
														1,2,3,4									DHCQ 13
																7,8,9,10							DHCQ 13
																							DHCQ 13
																		1,2,3,4					DHCQ 13
																				1,2,3,4			DHCQ 13
																							DHCQ 13
																							DHCQ 13
										7,8,9,10												DHDTVCK13Z	DHCQ 13
										1,2,3,4													DHCQ 13
												7,8,9,10											DHCQ 13
												1,2,3,4											DHCQ 13
														1,2,3,4									DHCQ 13
														7,8,9,10									DHCQ 13
																1,2,3,4							DHCQ 13
																		7,8,9,10					DHCQ 13
																				1,2,3,4			DHCQ 13
																							DHCQ 13
																							DHCQ 13
1	3DN101 CD	3	Cơ sở kỹ thuật điện(221)_01/CDTDHCK47	37	31	LT	Nguyễn Thị Thanh Bình	14/02-05/06/22	16					1,2,3	A2.509							Ghép: CDTDHCK47A1	CDCQ 47
2	3DN101 CD	3	Cơ sở kỹ thuật điện(221)_03/CDDCNCK47A1	43	38	LT	Nguyễn Thị Thanh Bình	14/02-05/06/22	16			7,8,9	A2.509									CDDCNCK47A1	CDCQ 47

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa			
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học					
3	3DN201 CD	2	Sử dụng dụng cụ đồ nghề và đo lường điện(221)_01_TH	17	18	TH		04/04-24/04/22	3	7,8,9,10	A4-202											CDTDHCK47A1	CDCQ 47			
												7,8,9,10	A4-202													CDCQ 47
														7,8,9,10	A4-202											CDCQ 47
																7,8,9,10	A4-202									CDCQ 47
																		7,8,9,10	A4-202							CDCQ 47
4	3DN201 CD	2	Sử dụng dụng cụ đồ nghề và đo lường điện(221)_02_TH	17	19	TH		02/05-22/05/22	3	7,8,9,10	A4-203											CDTDHCK47A1	CDCQ 47			
												7,8,9,10	A4-203													CDCQ 47
														7,8,9,10	A4-203											CDCQ 47
																7,8,9,10	A4-203									CDCQ 47
																		7,8,9,10	A4-203							CDCQ 47
5	3DN201 CD	2	Sử dụng dụng cụ đồ nghề và đo lường điện(221)_03_TH	17	20	TH		04/04-24/04/22	3	1,2,3,4	A4-202											CDDCNCK47A1	CDCQ 47			
												1,2,3,4	A4-202													CDCQ 47
														1,2,3,4	A4-202											CDCQ 47
																1,2,3,4	A4-202									CDCQ 47
																		1,2,3,4	A4-202							CDCQ 47
6	3DN201 CD	2	Sử dụng dụng cụ đồ nghề và đo lường điện(221)_04_TH	17	20	TH		02/05-22/05/22	3	1,2,3,4	A4-203											CDDCNCK47A1	CDCQ 47			
												1,2,3,4	A4-203													CDCQ 47
														1,2,3,4	A4-203											CDCQ 47
																1,2,3,4	A4-203									CDCQ 47
																		1,2,3,4	A4-203							CDCQ 47
										13,14,15,16	A4-302												CDCQ 47			

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
7	3DN202 CD	2	Sửa chữa máy điện(221)_01_TH	17	15	TH		04/04-24/04/22	3			7,8,9,10	A4-302									CDTDHCK47A1	CDCQ 47
														7,8,9,10	A4-302								CDCQ 47
																7,8,9,10	A4-302						CDCQ 47
																		7,8,9,10	A4-302				CDCQ 47
8	3DN202 CD	2	Sửa chữa máy điện(221)_02_TH	17	17	TH		02/05-22/05/22	3	13,14,15,16	A4-302											CDTDHCK47A1	CDCQ 47
												7,8,9,10	A4-302										CDCQ 47
														7,8,9,10	A4-302								CDCQ 47
																7,8,9,10	A4-302						CDCQ 47
																		7,8,9,10	A4-302				CDCQ 47
9	3DN202 CD	2	Sửa chữa máy điện(221)_03_TH	17	18	TH		04/04-24/04/22	3	1,2,3,4	A4-302											CDDCNCK47A1	CDCQ 47
												1,2,3,4	A4-302										CDCQ 47
														1,2,3,4	A4-302								CDCQ 47
																1,2,3,4	A4-302						CDCQ 47
																		1,2,3,4	A4-302				CDCQ 47
10	3DN202 CD	2	Sửa chữa máy điện(221)_04_TH	17	20	TH		02/05-22/05/22	3	1,2,3,4	A4-302											CDDCNCK47A1	CDCQ 47
												1,2,3,4	A4-302										CDCQ 47
														1,2,3,4	A4-302								CDCQ 47
																1,2,3,4	A4-302						CDCQ 47
																		1,2,3,4	A4-302				CDCQ 47
										7,8,9,10													CDCQ 46
										1,2,3,4													CDCQ 46

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
11	3DN218 CD	10	Thực tập sản xuất tại doanh nghiệp(221)_01_TH_106	15	15	TH		04/04-12/06/22	10			7,8,9,10										CDDDTCK46A 1	CDCQ 46
												1,2,3,4											CDCQ 46
														1,2,3,4									CDCQ 46
														7,8,9,10									CDCQ 46
																1,2,3,4							CDCQ 46
																7,8,9,10							CDCQ 46
																		7,8,9,10					CDCQ 46
																		1,2,3,4					CDCQ 46
																							CDCQ 46
12	3DN218 CD	10	Thực tập sản xuất tại doanh nghiệp(221)_02_TH_11A	52	49	TH		04/04-12/06/22	10	8,9,10,11												CDDCNCK46A 1	CDCQ 46
										1,2,3,4													CDCQ 46
												8,9,10,11											CDCQ 46
												1,2,3,4											CDCQ 46
														1,2,3,4									CDCQ 46
														8,9,10,11									CDCQ 46
																1,2,3,4							CDCQ 46
																8,9,10,11							CDCQ 46
																		8,9,10,11					CDCQ 46
																		1,2,3,4					CDCQ 46
										7,8,9,10													CDCQ 46
										1,2,3,4													CDCQ 46
												7,8,9,10											CDCQ 46
																							CDCQ 46
																							CDCQ 46

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
13	3DN218 CD	10	Thực tập sản xuất tại doanh nghiệp(221)_03_TH_1E8	11	11	TH		04/04-12/06/22	10			1,2,3,4										CDTDHCK46A 1	CDCQ 46
														1,2,3,4									CDCQ 46
														7,8,9,10									CDCQ 46
																1,2,3,4							CDCQ 46
																7,8,9,10							CDCQ 46
																		7,8,9,10					CDCQ 46
																		1,2,3,4					CDCQ 46
14	3DN219 CD	14	Thực tập tốt nghiệp(221)_01_TH_11C	15	15	TH		13/06-18/09/22	14	7,8,9,10												CDDDTCK46A 1	CDCQ 46
										1,2,3,4													CDCQ 46
												1,2,3,4											CDCQ 46
												7,8,9,10											CDCQ 46
														1,2,3,4									CDCQ 46
														7,8,9,10									CDCQ 46
																7,8,9,10							CDCQ 46
																1,2,3,4							CDCQ 46
																		7,8,9,10					CDCQ 46
																1,2,3,4							CDCQ 46
										8,9,10,11													CDCQ 46
										1,2,3,4													CDCQ 46
												8,9,10,11											CDCQ 46
												1,2,3,4											CDCQ 46

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
15	3DN219 CD	14	Thực tập tốt nghiệp(221)_02_TH_131	52	52	TH		13/06-18/09/22	14					1,2,3,4								CDDCNCK46A 1	CDCQ 46
														8,9,10,11									CDCQ 46
																1,2,3,4							CDCQ 46
																8,9,10,11							CDCQ 46
																		8,9,10,11					CDCQ 46
																		1,2,3,4					CDCQ 46
																		1,2,3,4					CDCQ 46
16	3DN219 CD	14	Thực tập tốt nghiệp(221)_03_TH_15F	11	9	TH		13/06-18/09/22	14	7,8,9,10												CDTDHCK46A 1	CDCQ 46
										1,2,3,4													CDCQ 46
												7,8,9,10											CDCQ 46
												1,2,3,4											CDCQ 46
														1,2,3,4									CDCQ 46
																							CDCQ 46
														7,8,9,10									CDCQ 46
																1,2,3,4							CDCQ 46
																		7,8,9,10					CDCQ 46
																		1,2,3,4					CDCQ 46
17	3DN102 CD	2	vật liệu điện, điện tử(221)_01/CDTDHCK47A	37	32	LT	Nguyễn Văn Độ	14/02-05/06/22	16					4,5	A2.504							Ghép: CDTDHCK47A 1 +	CDCQ 47
18	3DN102 CD	2	vật liệu điện, điện tử(221)_03/CDDCNCK47A	43	38	LT	Dương Thị Tuyết Mai	14/02-05/06/22	16			10,11	A2.509									CDDCNCK47A 1	CDCQ 47
1	3DN103 CD	2	Cung cấp điện(221)_01	38	40	LT	Đặng Quang Khoa	03/01-23/01/22	3			3,4	A2.412									DHTDHCK14A 1	DHCQ 14
							Đặng Quang Khoa	14/02-15/05/22	13			3,4	A2.412									DHTDHCK14A 1	DHCQ 14
2	3DN103	2	Cung cấp điện(221)_02	38	37	LT	Đặng Quang Khoa	03/01-23/01/22	3									9,10	A2.311			DHTDHCK14A	DHCQ 14

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
2	CD	2	Cung cấp điện(221)_02	38	37	LT	Đặng Quang Khoa	14/02-15/05/22	13									9,10	A2.311			2	DHCQ 14
3	3DN105 DC	2	Điều khiển lập trình PLC(221)_01	50	45	LT	Bùi ThanhHòa	03/01-23/01/22	3					7,8	A2.403							DHKCKCK14A	DHCQ 14
							Bùi ThanhHòa	14/02-15/05/22	13					7,8	A2.403							1	DHCQ 14
4	3DN105 DC	2	Điều khiển lập trình PLC(221)_02/DHKCKCK1 5A1	33	31	LT	Nguyễn VănĐộ	20/12-23/01/22	5							1,2	A2.309					DHKCKCK15A	DHCQ 15
							Nguyễn VănĐộ	14/02-01/05/22	11							1,2	A2.309					1	DHCQ 15
5	3DN105 DC	2	Điều khiển lập trình PLC(221)_03/DHKCKCK1 5A2	35	30	LT	Bùi ThanhHòa	20/12-23/01/22	5									7,8	A2.403			DHKCKCK15A	DHCQ 15
							Bùi ThanhHòa	14/02-01/05/22	11									7,8	A2.403			2	DHCQ 15
6	3DN114 DH	2	Điều khiển mở và mạng noron(221)_01	38	40	LT		03/01-23/01/22	3							1,2	A2.203					DHTDHCK14A	DHCQ 14
							Thái Hữu Nguyên	14/02-15/05/22	13							1,2	A2.203					1	DHCQ 14
7	3DN114 DH	2	Điều khiển mở và mạng noron(221)_02	38	36	LT	Thái Hữu Nguyên	03/01-23/01/22	3					7,8	A2.210							DHTDHCK14A	DHCQ 14
							Thái Hữu Nguyên	14/02-15/05/22	13					7,8	A2.210							2	DHCQ 14
8	3DN123 DH	2	Điều khiển quá trình(221)_01	38	41	LT	Bùi ThanhHòa	03/01-23/01/22	3					3,4	A2.412							DHTDHCK14A	DHCQ 14
							Bùi ThanhHòa	14/02-15/05/22	13					3,4	A2.412							1	DHCQ 14
9	3DN123 DH	2	Điều khiển quá trình(221)_02	39	40	LT	Bùi ThanhHòa	03/01-23/01/22	3			9,10	A2.311									DHTDHCK14A	DHCQ 14
							Bùi ThanhHòa	14/02-15/05/22	13			9,10	A2.311									2	DHCQ 14
10	3DN219 DH	1	Đồ án Nhà máy điện & Trạm biến áp(221)_01_DA/DHDDTC K14(HTD)	40	36	DA		03/01-23/01/22	3	6	A2.212											DHDDTCK14(HTD)	DHCQ 14
								14/02-15/05/22	13	6	A2.212												DHCQ 14
11	3DN211 DH	1	Đồ án Thiết kế hệ thống điều khiển và Tự động hóa(221)_01_DA	38	40	DA		03/01-23/01/22	3	6	A2.412											DHTDHCK14A	DHCQ 14
								14/02-15/05/22	13	6	A2.412											1	DHCQ 14
12	3DN211 DH	1	Đồ án Thiết kế hệ thống điều khiển và Tự động hóa(221)_02_DA	39	38	DA		03/01-23/01/22	3			12	A2.211									DHTDHCK14A	DHCQ 14
								14/02-15/05/22	13			12	A2.211									2	DHCQ 14
13	2DN061 DH	5	Đồ án tốt nghiệp ĐH(221)_1	10	2	LT		03/01-03/04/22	13							6							DHCQ 12

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
14	2DN114 DH	5	Đồ án tốt nghiệp ĐH(221)_2	10	3	LT		03/01-03/04/22	13									6					DHCQ 12
15	3DN217 DH	1	Đồ án Trang bị điện(221)_01_DA	40	42	DA		03/01-23/01/22	3	6	A2.503											DHDDTCK14(DCN)	DHCQ 14
								14/02-15/05/22	13	6	A2.503												DHCQ 14
16	3DN217 DH	1	Đồ án Trang bị điện(221)_02_DA	38	39	DA		03/01-23/01/22	3	12	A2.209											DHDDTCK14(DCN)2	DHCQ 14
								14/02-15/05/22	13	12	A2.209												DHCQ 14
17	3DN120 DH	2	Giải tích mạng và mô phỏng trên máy tính(221)_01/DHDDTCK14 (HTD)	40	39	LT	Võ Tiến Dũng	03/01-23/01/22	3					1,2	A2.212							DHDDTCK14(HTD)	DHCQ 14
							Võ Tiến Dũng	14/02-15/05/22	13					1,2	A2.212								DHCQ 14
18	3DN138 DH	2	Hệ thống sản xuất Tự động hóa tích hợp máy tính(221)_01	38	40	LT	Trần Duy Trinh	03/01-23/01/22	3							3,4	A2.203					DHTDHCK14A 1	DHCQ 14
							Trần Duy Trinh	14/02-15/05/22	13							3,4	A2.203						DHCQ 14
19	3DN138 DH	2	Hệ thống sản xuất Tự động hóa tích hợp máy tính(221)_02	39	36	LT	Trần Duy Trinh	03/01-23/01/22	3							7,8	A2.203					DHTDHCK14A 2	DHCQ 14
							Trần Duy Trinh	14/02-15/05/22	13							7,8	A2.203						DHCQ 14
20	3DN216 DH	2	Kết nối SCADA và tự động hóa trạm biến áp(221)_01_TH	19	20	TH		11/04-01/05/22	3	7,8,9,10	A3-109											DHDDTCK14(HTD)	DHCQ 14
												7,8,9,10	A3-109										DHCQ 14
														7,8,9,10	A3-109								DHCQ 14
																7,8,9,10	A3-109						DHCQ 14
																		7,8,9,10	A3-109				DHCQ 14
21	3DN216 DH	2	Kết nối SCADA và tự động hóa trạm biến áp(221)_02_TH	19	13	TH		02/05-22/05/22	3	7,8,9,10	A3-109											DHDDTCK14(HTD)	DHCQ 14
												7,8,9,10	A3-109										DHCQ 14
														7,8,9,10	A3-109								DHCQ 14
																7,8,9,10	A3-109						DHCQ 14
																		7,8,9,10	A3-109				DHCQ 14
22	3DN108	2	Kỹ thuật an toàn	53	55	LT	Nguyễn Thị Thanh Ngân	20/12-23/01/22	5			3,4	A2.104									DHDDTCK15A	DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
22	DH	2	điện(221)_01	53	53	LT	Nguyễn Thị Thanh Ngân	14/02-01/05/22	11			3,4	A2.104									1	DHCQ 15
23	3DN108 DH	2	Kỹ thuật an toàn điện(221)_02	53	53	LT	Nguyễn Thị Thanh Ngân	20/12-23/01/22	5			1,2	A2.105									DHDDTCK15A 2	DHCQ 15
							Nguyễn Thị Thanh Ngân	14/02-01/05/22	11			1,2	A2.105										DHCQ 15
24	3DN108 DH	2	Kỹ thuật an toàn điện(221)_03	50	51	LT	Nguyễn Thị Thanh Ngân	20/12-23/01/22	5	9,10	A2.104											DHDDTCK15A 3	DHCQ 15
							Nguyễn Thị Thanh Ngân	14/02-01/05/22	11	9,10	A2.104												DHCQ 15
25	3DN108 DH	2	Kỹ thuật an toàn điện(221)_04	44	42	LT	Nguyễn Thị Thanh Ngân	20/12-23/01/22	5			7,8	A2.105									DHTDHCK15A 1	DHCQ 15
							Nguyễn Thị Thanh Ngân	14/02-01/05/22	11			7,8	A2.105										DHCQ 15
26	3DN108 DH	2	Kỹ thuật an toàn điện(221)_05	42	45	LT	Nguyễn Thị Thanh Ngân	20/12-23/01/22	5					1,2	A2.105							DHTDHCK15A 2	DHCQ 15
							Nguyễn Thị Thanh Ngân	14/02-01/05/22	11					1,2	A2.105								DHCQ 15
27	3DN108 DH	2	Kỹ thuật an toàn điện(221)_06	46	33	LT	Nguyễn Thị Thanh Ngân	20/12-23/01/22	5			9,10	A2.212									DHTDHCK15A 3	DHCQ 15
							Nguyễn Thị Thanh Ngân	14/02-01/05/22	11			9,10	A2.212										DHCQ 15
28	3DN111 DH	2	Kỹ thuật biến đổi điện năng (+ Thí nghiệm)(221)_01	53	56	LT	Trần Duy Trinh	20/12-23/01/22	5	3,4	A2.411											DHDDTCK15A 1	DHCQ 15
							Trần Duy Trinh	14/02-01/05/22	11	3,4	A2.411												DHCQ 15
29	3DN111 DH	2	Kỹ thuật biến đổi điện năng (+ Thí nghiệm)(221)_02	53	53	LT	Trần Duy Trinh	20/12-23/01/22	5					1,2	A2.210							DHDDTCK15A 2	DHCQ 15
							Trần Duy Trinh	14/02-01/05/22	11					1,2	A2.210								DHCQ 15
30	3DN111 DH	2	Kỹ thuật biến đổi điện năng (+ Thí nghiệm)(221)_03	50	57	LT	Bùi Trung Tuyển	20/12-23/01/22	5							9,10	A2.104					DHDDTCK15A 3	DHCQ 15
							Bùi Trung Tuyển	14/02-01/05/22	11							9,10	A2.104						DHCQ 15
31	3DN111 DH	2	Kỹ thuật biến đổi điện năng (+ Thí nghiệm)(221)_04	44	43	LT	Bùi Trung Tuyển	20/12-23/01/22	5					7,8	A2.105							DHTDHCK15A 1	DHCQ 15
							Bùi Trung Tuyển	14/02-01/05/22	11					7,8	A2.105								DHCQ 15
32	3DN111 DH	2	Kỹ thuật biến đổi điện năng (+ Thí nghiệm)(221)_05	42	45	LT	Trần Duy Trinh	20/12-23/01/22	5									3,4	A2.210			DHTDHCK15A 2	DHCQ 15
							Trần Duy Trinh	14/02-01/05/22	11									3,4	A2.210				DHCQ 15
33	3DN111	2	Kỹ thuật biến đổi điện năng	46	25	LT	Bùi Trung Tuyển	20/12-23/01/22	5					9,10	A2.212							DHTDHCK15A	DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
33	DH	2	(+ Thí nghiệm)(221)_06	40	23	LT	Bùi Trung Tuyền	14/02-01/05/22	11					9,10	A2.212							3	DHCQ 15
34	3DN122 DH	2	Kỹ thuật cảm biến(221)_01	40	41	LT	Ngô Thị Lê	03/01-23/01/22	3					3,4	A2.104							DHDDTCK14(DCN)	DHCQ 14
							Ngô Thị Lê	14/02-15/05/22	13					3,4	A2.104								DHCQ 14
35	3DN122 DH	2	Kỹ thuật cảm biến(221)_02	38	37	LT	Ngô Thị Lê	03/01-23/01/22	3								7,8	A2.209				DHDDTCK14(DCN)2	DHCQ 14
							Ngô Thị Lê	14/02-15/05/22	13								7,8	A2.209					DHCQ 14
36	3DN113 DH	3	Kỹ thuật cao áp (+ Bài tập dài)(221)_01/DHDDTCK14 (HTD)	40	36	LT	Nguyễn Thị Thanh Ngân	03/01-23/01/22	3	1,2,3	A2.212											DHDDTCK14(HTD)	DHCQ 14
							Nguyễn Thị Thanh Ngân	14/02-15/05/22	13	1,2,3	A2.212												DHCQ 14
37	3DN104 DH	2	Kỹ thuật đo lường (+ Thí nghiệm)(221)_01	53	44	LT	Ngô Thị Lê	20/12-23/01/22	5					1,2	A2.104							DHDDTCK15A1	DHCQ 15
							Ngô Thị Lê	14/02-01/05/22	11					1,2	A2.104								DHCQ 15
38	3DN104 DH	2	Kỹ thuật đo lường (+ Thí nghiệm)(221)_02	53	53	LT	Ngô Thị Lê	20/12-23/01/22	5			3,4	A2.105									DHDDTCK15A2	DHCQ 15
							Ngô Thị Lê	14/02-01/05/22	11			3,4	A2.105										DHCQ 15
39	3DN104 DH	2	Kỹ thuật đo lường (+ Thí nghiệm)(221)_03	50	53	LT	Nguyễn Thị Thanh Bình	20/12-23/01/22	5							7,8	A2.104					DHDDTCK15A3	DHCQ 15
							Nguyễn Thị Thanh Bình	14/02-01/05/22	11							7,8	A2.104						DHCQ 15
40	3DN104 DH	2	Kỹ thuật đo lường (+ Thí nghiệm)(221)_04	44	43	LT	Nguyễn Thị Thanh Bình	20/12-23/01/22	5					9,10	A2.105							DHTDHCK15A1	DHCQ 15
							Nguyễn Thị Thanh Bình	14/02-01/05/22	11					9,10	A2.105								DHCQ 15
41	3DN104 DH	2	Kỹ thuật đo lường (+ Thí nghiệm)(221)_05	42	44	LT	Ngô Thị Lê	20/12-23/01/22	5			1,2	A2.209									DHTDHCK15A2	DHCQ 15
							Ngô Thị Lê	14/02-01/05/22	11			1,2	A2.209										DHCQ 15
42	3DN104 DH	2	Kỹ thuật đo lường (+ Thí nghiệm)(221)_06	46	21	LT	Nguyễn Thị Thanh Bình	20/12-23/01/22	5	7,8	A2.212											DHTDHCK15A3	DHCQ 15
							Nguyễn Thị Thanh Bình	14/02-01/05/22	11	7,8	A2.212												DHCQ 15
43	3DN140 DH	2	Kỹ thuật Robot(221)_01	38	38	LT	Nguyễn Anh Tuấn	03/01-23/01/22	3									1,2	A2.412			DHTDHCK14A1	DHCQ 14
							Nguyễn Anh Tuấn	14/02-15/05/22	13									1,2	A2.412				DHCQ 14
44	3DN140	2	Kỹ thuật Robot(221)_02	38	37	LT	Nguyễn Anh Tuấn	03/01-23/01/22	3									7,8	A2.311			DHTDHCK14A	DHCQ 14

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
44	DH	2	Kỹ thuật Robot(221)_02	37	37	LT	Nguyễn Anh Tuấn	14/02-15/05/22	13									7,8	A2.311			2	DHCQ 14
45	3DN118 DH	2	Kỹ thuật Vi điều khiển(221)_01	40	41	LT	Nguyễn Văn Độ	03/01-23/01/22	3									1,2	A2.503			DHDDTCK14(DCN)	DHCQ 14
							Nguyễn Văn Độ	14/02-15/05/22	13									1,2	A2.503				DHCQ 14
46	3DN118 DH	2	Kỹ thuật Vi điều khiển(221)_02	38	39	LT	Nguyễn Văn Độ	03/01-23/01/22	3					9,10	A2.209							DHDDTCK14(DCN)2	DHCQ 14
							Nguyễn Văn Độ	14/02-15/05/22	13					9,10	A2.209								DHCQ 14
47	3DN225 CD	2	Lắp đặt hệ thống chống sét, tiếp địa(221)_01_TH	19	19	TH		04/04-24/04/22	3	13,14,15,16	A4-101											DHDDTCK14(HTD)	DHCQ 14
												13,14,15,16	A4-101										DHCQ 14
														13,14,15,16	A4-101								DHCQ 14
																13,14,15,16	A4-101						DHCQ 14
																		13,14,15,16	A4-101				DHCQ 14
48	3DN225 CD	2	Lắp đặt hệ thống chống sét, tiếp địa(221)_02_TH	19	14	TH		02/05-22/05/22	3	7,8,9,10	A4-101											DHDDTCK14(HTD)	DHCQ 14
												7,8,9,10	A4-101										DHCQ 14
														7,8,9,10	A4-101								DHCQ 14
																7,8,9,10	A4-101						DHCQ 14
																		7,8,9,10	A4-101				DHCQ 14
49	3DN208 CD	2	Lắp đặt hệ thống cung cấp điện(221)_01_TH	22	22	TH		11/04-01/05/22	3	7,8,9,10	A4-101											DHDDTCK15A1	DHCQ 15
												7,8,9,10	A4-101										DHCQ 15
														7,8,9,10	A4-101								DHCQ 15
																7,8,9,10	A4-101						DHCQ 15
																		7,8,9,10	A4-101				DHCQ 15
										13,14,15,16	A4-203												DHCQ 15
												13,14,15,16	A4-203										DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
50	3DN208 CD	2	Lắp đặt hệ thống cung cấp điện(221)_02_TH	22	22	TH		04/04-24/04/22	3					13,14,15,16	A4-203							DHDDTCK15A1	DHCQ15
															13,14,15,16	A4-203							
															13,14,15,16	A4-203							
51	3DN208 CD	2	Lắp đặt hệ thống cung cấp điện(221)_03_TH	22	22	TH		23/05-12/06/22	3	7,8,9,10	A4-101											DHDDTCK15A1	DHCQ15
											7,8,9,10	A4-101											
													7,8,9,10	A4-101									
															7,8,9,10	A4-101							
																	7,8,9,10	A4-101					
																	7,8,9,10	A4-101					
52	3DN208 CD	2	Lắp đặt hệ thống cung cấp điện(221)_04_TH	22	19	TH		13/06-03/07/22	3	7,8,9,10	A4-203											DHDDTCK15A2	DHCQ15
											7,8,9,10	A4-203											
													7,8,9,10	A4-203									
															7,8,9,10	A4-203							
																	7,8,9,10	A4-203					
																			7,8,9,10	A4-203			
53	3DN208 CD	2	Lắp đặt hệ thống cung cấp điện(221)_05_TH	22	20	TH		13/06-03/07/22	3	7,8,9,10	A4-101											DHDDTCK15A2	DHCQ15
											7,8,9,10	A4-101											
													7,8,9,10	A4-101									
															7,8,9,10	A4-101							
																	7,8,9,10	A4-101					
																			7,8,9,10	A4-101			
54	3DN208 CD	2	Lắp đặt hệ thống cung cấp điện(221)_06_TH	20	21	TH		23/05-12/06/22	3	1,2,3,4	A4-101											DHDDTCK15A3	DHCQ15
											1,2,3,4	A4-101											
													1,2,3,4	A4-101									
															1,2,3,4	A4-101							

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
																		1,2,3,4	A4-101				DHCQ 15
55	3DN208 CD	2	Lắp đặt hệ thống cung cấp điện(221)_07_TH	20	20	TH		11/04-01/05/22	3	1,2,3,4	A4-101												DHCQ 15
												1,2,3,4	A4-101										DHCQ 15
														1,2,3,4	A4-101								DHCQ 15
																							DHCQ 15
																1,2,3,4	A4-101						DHCQ 15
																		1,2,3,4	A4-101				DHCQ 15
56	3DN208 CD	2	Lắp đặt hệ thống cung cấp điện(221)_08_TH	20	20	TH		13/06-03/07/22	3	1,2,3,4	A4-101												DHCQ 15
												1,2,3,4	A4-101										DHCQ 15
														1,2,3,4	A4-101								DHCQ 15
																1,2,3,4	A4-101						DHCQ 15
																		1,2,3,4	A4-101				DHCQ 15
																							DHCQ 15
57	3DN234 DH	2	Lắp đặt hệ thống đo và điều khiển bằng máy tính(221)_01_TH	20	21	TH		11/04-01/05/22	3	7,8,9,10	11T-403												DHCQ 14
												7,8,9,10	11T-403										DHCQ 14
														7,8,9,10	11T-403								DHCQ 14
																7,8,9,10	11T-403						DHCQ 14
																		7,8,9,10	11T-403				DHCQ 14
																							DHCQ 14
58	3DN234 DH	2	Lắp đặt hệ thống đo và điều khiển bằng máy tính(221)_02_TH	20	20	TH		02/05-22/05/22	3	7,8,9,10	11T-403												DHCQ 14
												7,8,9,10	11T-403										DHCQ 14
														7,8,9,10	11T-403								DHCQ 14
																7,8,9,10	11T-403						DHCQ 14
																		7,8,9,10	11T-403				DHCQ 14
																							DHCQ 14
										1,2,3,4	11T-403												DHCQ 14

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
59	3DN234 DH	2	Lắp đặt hệ thống đo và điều khiển bằng máy tính(221)_03_TH	20	21	TH		11/04-01/05/22	3			1,2,3,4	11T-403									DHTDHCK14A 2	DHCQ 14
														1,2,3,4	11T-403								DHCQ 14
																1,2,3,4	11T-403						DHCQ 14
																		1,2,3,4	11T-403				DHCQ 14
60	3DN234 DH	2	Lắp đặt hệ thống đo và điều khiển bằng máy tính(221)_04_TH	20	16	TH		02/05-22/05/22	3	1,2,3,4	11T-403											DHTDHCK14A 2	DHCQ 14
												1,2,3,4	11T-403										DHCQ 14
														1,2,3,4	11T-403								DHCQ 14
																1,2,3,4	11T-403						DHCQ 14
61	3DN207 CD	2	Lắp đặt mạch điện các bộ biến đổi điện năng(221)_02_TH	23	23	TH		11/04-01/05/22	3	1,2,3,4	A4-209											DHTDHCK15A 1	DHCQ 15
												1,2,3,4	A4-209										DHCQ 15
														1,2,3,4	A4-209								DHCQ 15
																1,2,3,4	A4-209						DHCQ 15
62	3DN207 CD	2	Lắp đặt mạch điện các bộ biến đổi điện năng(221)_03_TH	23	24	TH		11/04-01/05/22	3	1,2,3,4	A4-306											DHTDHCK15A 1	DHCQ 15
												1,2,3,4	A4-306										DHCQ 15
														1,2,3,4	A4-306								DHCQ 15
																1,2,3,4	A4-306						DHCQ 15
63	3DN207 CD	2	Lắp đặt mạch điện các bộ biến đổi điện năng(221)_04_TH	23	24	TH		23/05-12/06/22	3	1,2,3,4	A4-209											DHTDHCK15A 3	DHCQ 15
												1,2,3,4	A4-209										DHCQ 15
														1,2,3,4	A4-209								DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
																1,2,3,4	A4-209						DHCQ 15
																		1,2,3,4	A4-209				DHCQ 15
64	3DN207 CD	2	Lắp đặt mạch điện các bộ biến đổi điện năng(221)_05_TH	23	24	TH		23/05-12/06/22	3	1,2,3,4	A4-306												DHCQ 15
												1,2,3,4	A4-306										DHCQ 15
														1,2,3,4	A4-306								DHCQ 15
																1,2,3,4	A4-306						DHCQ 15
																		1,2,3,4	A4-306				DHCQ 15
65	3DN207 CD	2	Lắp đặt mạch điện các bộ biến đổi điện năng(221)_06_TH	20	22	TH		11/04-01/05/22	3	7,8,9,10	A4-306												DHCQ 15
												7,8,9,10	A4-306										DHCQ 15
														7,8,9,10	A4-306								DHCQ 15
																7,8,9,10	A4-306						DHCQ 15
																		7,8,9,10	A4-306				DHCQ 15
66	3DN207 CD	2	Lắp đặt mạch điện các bộ biến đổi điện năng(221)_07_TH	20	23	TH		23/05-12/06/22	3	7,8,9,10	A4-306												DHCQ 15
												7,8,9,10	A4-306										DHCQ 15
														7,8,9,10	A4-306								DHCQ 15
																7,8,9,10	A4-306						DHCQ 15
																		7,8,9,10	A4-306				DHCQ 15
67	3DN207 CD	2	Lắp đặt mạch điện các bộ biến đổi điện năng(221)_08_TH	20	23	TH		13/06-03/07/22	3	7,8,9,10	A4-306												DHCQ 15
												7,8,9,10	A4-306										DHCQ 15
														7,8,9,10	A4-306								DHCQ 15
																7,8,9,10	A4-306						DHCQ 15
																		7,8,9,10	A4-306				DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
68	3DN226 DH	2	Lắp đặt mạch điện máy công nghiệp(221)_01_TH	20	21	TH		11/04-01/05/22	3	13,14,15,16	A4-201											DHTDHCK14A1	DHCQ14
												13,14,15,16	A4-201										DHCQ14
														13,14,15,16	A4-201								DHCQ14
																13,14,15,16	A4-201						DHCQ14
																		13,14,15,16	A4-201				DHCQ14
																							DHCQ14
69	3DN226 DH	2	Lắp đặt mạch điện máy công nghiệp(221)_02_TH	20	20	TH		02/05-22/05/22	3	13,14,15,16	A4-201											DHTDHCK14A1	DHCQ14
												13,14,15,16	A4-201										DHCQ14
														13,14,15,16	A4-201								DHCQ14
																13,14,15,16	A4-201						DHCQ14
																		13,14,15,16	A4-201				DHCQ14
																							DHCQ14
70	3DN226 DH	2	Lắp đặt mạch điện máy công nghiệp(221)_03_TH	20	19	TH		13/06-03/07/22	3	1,2,3,4	A4-201											DHTDHCK14A2	DHCQ14
												1,2,3,4	A4-201										DHCQ14
														1,2,3,4	A4-201								DHCQ14
																1,2,3,4	A4-201						DHCQ14
																		1,2,3,4	A4-201				DHCQ14
																							DHCQ14
71	3DN226 DH	2	Lắp đặt mạch điện máy công nghiệp(221)_04_TH	20	18	TH		13/06-03/07/22	3	13,14,15,16	A4-201											DHTDHCK14A2	DHCQ14
												13,14,15,16	A4-201										DHCQ14
														13,14,15,16	A4-201								DHCQ14
																13,14,15,16	A4-201						DHCQ14
																		13,14,15,16	A4-201				DHCQ14
																							DHCQ14
										7,8,9,10	A4-202												DHCQ16
												7,8,9,10	A4-202										DHCQ16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
72	3DN204 CD	2	Lắp đặt mạng điện chiếu sáng(221)_01_TH	21	23	TH		25/04-15/05/22	3					7,8,9,10	A4-202							DHDDTCK16A3	DHCQ16
																7,8,9,10	A4-202						DHCQ16
																		7,8,9,10	A4-202				DHCQ16
73	3DN204 CD	2	Lắp đặt mạng điện chiếu sáng(221)_02_TH	21	22	TH		25/04-15/05/22	3	7,8,9,10	A4-304											DHDDTCK16A3	DHCQ16
												7,8,9,10	A4-304										DHCQ16
														7,8,9,10	A4-304								DHCQ16
																7,8,9,10	A4-304						DHCQ16
																		7,8,9,10	A4-304				DHCQ16
74	3DN204 CD	2	Lắp đặt mạng điện chiếu sáng(221)_03_TH	21	21	TH		16/05-05/06/22	3	7,8,9,10	A4-304											DHDDTCK16A1	DHCQ16
												7,8,9,10	A4-304										DHCQ16
														7,8,9,10	A4-304								DHCQ16
																		7,8,9,10	A4-304				DHCQ16
																							DHCQ16
75	3DN204 CD	2	Lắp đặt mạng điện chiếu sáng(221)_04_TH	21	21	TH		16/05-05/06/22	3	7,8,9,10	A4-202											DHDDTCK16A1	DHCQ16
												7,8,9,10	A4-202										DHCQ16
														7,8,9,10	A4-202								DHCQ16
																		7,8,9,10	A4-202				DHCQ16
																							DHCQ16
76	3DN204 CD	2	Lắp đặt mạng điện chiếu sáng(221)_05_TH	21	21	TH		16/05-05/06/22	3	13,14,15,16	A4-202											DHDDTCK16A1	DHCQ16
												13,14,15,16	A4-202										DHCQ16
														13,14,15,16	A4-202								DHCQ16
																13,14,15,16	A4-202						DHCQ16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
																		13,14,15,16	A4-202				DHCQ 16
77	3DN204 CD	2	Lắp đặt mạng điện chiếu sáng(221)_06_TH	18	13	TH		25/04-15/05/22	3	1,2,3,4	A4-304											DHDDTCK16A 2	DHCQ 16
												1,2,3,4	A4-304										DHCQ 16
														1,2,3,4	A4-304								DHCQ 16
																1,2,3,4	A4-304						DHCQ 16
																		1,2,3,4	A4-304				DHCQ 16
78	3DN204 CD	2	Lắp đặt mạng điện chiếu sáng(221)_07_TH	18	16	TH		25/04-15/05/22	3	1,2,3,4	A4-202											DHDDTCK16A 2	DHCQ 16
												1,2,3,4	A4-202										DHCQ 16
														1,2,3,4	A4-202								DHCQ 16
																1,2,3,4	A4-202						DHCQ 16
																		1,2,3,4	A4-202				DHCQ 16
79	3DN204 CD	2	Lắp đặt mạng điện chiếu sáng(221)_08_TH	18	14	TH		16/05-05/06/22	3	1,2,3,4	A4-304											DHDDTCK16A 4	DHCQ 16
												1,2,3,4	A4-304										DHCQ 16
														1,2,3,4	A4-304								DHCQ 16
																1,2,3,4	A4-304						DHCQ 16
																		1,2,3,4	A4-304				DHCQ 16
80	3DN204 CD	2	Lắp đặt mạng điện chiếu sáng(221)_09_TH	18	18	TH		16/05-05/06/22	3	1,2,3,4	A4-202											DHDDTCK16A 4	DHCQ 16
												1,2,3,4	A4-202										DHCQ 16
														1,2,3,4	A4-202								DHCQ 16
																1,2,3,4	A4-202						DHCQ 16
																		1,2,3,4	A4-202				DHCQ 16
										13,14,15,16	A3-112												DHCQ 14

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
81	3DN211 CD	2	Lắp đặt thiết bị tự động hóa(221)_02_TH	20	23	TH		02/05-22/05/22	3			13,14,15,16	A3-112									DHDDTCK14(DCN)	DHCQ 14
														13,14,15,16	A3-112								DHCQ 14
																13,14,15,16	A3-112						DHCQ 14
																		13,14,15,16	A3-112				DHCQ 14
82	3DN211 CD	2	Lắp đặt thiết bị tự động hóa(221)_03_TH	20	24	TH		11/04-01/05/22	3	13,14,15,16	A3-112											DHDDTCK14(DCN)	DHCQ 14
												13,14,15,16	A3-112										DHCQ 14
														13,14,15,16	A3-112								DHCQ 14
																13,14,15,16	A3-112						DHCQ 14
																		13,14,15,16	A3-112				DHCQ 14
83	3DN211 CD	2	Lắp đặt thiết bị tự động hóa(221)_04_TH	20	18	TH		11/04-01/05/22	3	1,2,3,4	A3-112											DHDDTCK14(DCN)2	DHCQ 14
												1,2,3,4	A3-112										DHCQ 14
														1,2,3,4	A3-112								DHCQ 14
																1,2,3,4	A3-112						DHCQ 14
																		1,2,3,4	A3-112				DHCQ 14
84	3DN211 CD	2	Lắp đặt thiết bị tự động hóa(221)_05_TH	20	22	TH		02/05-22/05/22	3	1,2,3,4	A3-112											DHDDTCK14(DCN)2	DHCQ 14
												1,2,3,4	A3-112										DHCQ 14
														1,2,3,4	A3-112								DHCQ 14
																1,2,3,4	A3-112						DHCQ 14
																		1,2,3,4	A3-112				DHCQ 14
85	3DN205 CD	2	Lập trình PLC cơ bản(221)_02_TH	22	22	TH		11/04-01/05/22	3	7,8,9,10	A3-108											DHDDTCK15A1	DHCQ 15
												7,8,9,10	A3-108										DHCQ 15
														7,8,9,10	A3-108								DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
																7,8,9,10	A3-108						DHCQ 15
																		7,8,9,10	A3-108				DHCQ 15
86	3DN205 CD	2	Lập trình PLC cơ bản(221)_03_TH	22	22	TH		23/05-12/06/22	3	7,8,9,10	A3-108											DHDDTCK15A 1	DHCQ 15
												7,8,9,10	A3-108										DHCQ 15
														7,8,9,10	A3-108								DHCQ 15
																7,8,9,10	A3-108						DHCQ 15
																		7,8,9,10	A3-108				DHCQ 15
87	3DN205 CD	2	Lập trình PLC cơ bản(221)_04_TH	22	21	TH		23/05-12/06/22	3	7,8,9,10	A3-110											DHDDTCK15A 1	DHCQ 15
												7,8,9,10	A3-110										DHCQ 15
														7,8,9,10	A3-110								DHCQ 15
																7,8,9,10	A3-110						DHCQ 15
																		7,8,9,10	A3-110				DHCQ 15
88	3DN205 CD	2	Lập trình PLC cơ bản(221)_05_TH	22	18	TH		13/06-03/07/22	3	7,8,9,10	A3-108											DHDDTCK15A 2	DHCQ 15
												7,8,9,10	A3-108										DHCQ 15
														7,8,9,10	A3-108								DHCQ 15
																7,8,9,10	A3-108						DHCQ 15
																		7,8,9,10	A3-108				DHCQ 15
89	3DN205 CD	2	Lập trình PLC cơ bản(221)_07_TH	20	20	TH		23/05-12/06/22	3	1,2,3,4	A3-108											DHDDTCK15A 3	DHCQ 15
												1,2,3,4	A3-108										DHCQ 15
														1,2,3,4	A3-108								DHCQ 15
																1,2,3,4	A3-108						DHCQ 15
																		1,2,3,4	A3-108				DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
90	3DN205 CD	2	Lập trình PLC cơ bản(221)_08_TH	20	20	TH		23/05-12/06/22	3	1,2,3,4	A3-110											DHDDTCK15A 3	DHCQ 15
												1,2,3,4	A3-110										DHCQ 15
														1,2,3,4	A3-110								DHCQ 15
																1,2,3,4	A3-110						DHCQ 15
																		1,2,3,4	A3-110				DHCQ 15
																							DHCQ 15
91	3DN205 CD	2	Lập trình PLC cơ bản(221)_09_TH	20	21	TH		13/06-03/07/22	3	1,2,3,4	A3-108											DHDDTCK15A 3	DHCQ 15
												1,2,3,4	A3-108										DHCQ 15
														1,2,3,4	A3-108								DHCQ 15
																1,2,3,4	A3-108						DHCQ 15
																		1,2,3,4	A3-108				DHCQ 15
																							DHCQ 15
92	3DN205 CD	2	Lập trình PLC cơ bản(221)_10_TH	23	22	TH		11/04-01/05/22	3	1,2,3,4	A3-108											DHTDHCK15A 1	DHCQ 15
												1,2,3,4	A3-108										DHCQ 15
														1,2,3,4	A3-108								DHCQ 15
																1,2,3,4	A3-108						DHCQ 15
																		1,2,3,4	A3-108				DHCQ 15
																							DHCQ 15
93	3DN205 CD	2	Lập trình PLC cơ bản(221)_11_TH	23	23	TH		11/04-01/05/22	3	13,14,15,16	A3-110											DHTDHCK15A 1	DHCQ 15
												13,14,15,16	A3-110										DHCQ 15
														13,14,15,16	A3-110								DHCQ 15
																13,14,15,16	A3-110						DHCQ 15
																		13,14,15,16	A3-110				DHCQ 15
																							DHCQ 15
										1,2,3,4	A3-110												DHCQ 15
												1,2,3,4	A3-110										DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
94	3DN205 CD	2	Lập trình PLC cơ bản(221)_12_TH	23	22	TH		13/06-03/07/22	3					1,2,3,4	A3-110							DHTDHCK15A 3	DHCQ 15
																1,2,3,4	A3-110						DHCQ 15
																		1,2,3,4	A3-110				DHCQ 15
95	3DN205 CD	2	Lập trình PLC cơ bản(221)_13_TH	23	23	TH		23/05-12/06/22	3	13,14,1 5,16	A3-110											DHTDHCK15A 3	DHCQ 15
												13,14,1 5,16	A3-110										DHCQ 15
														13,14,1 5,16	A3-110								DHCQ 15
																		13,14,1 5,16	A3-110			DHTDHCK15A 2	DHCQ 15
96	3DN205 CD	2	Lập trình PLC cơ bản(221)_14_TH	20	22	TH		11/04-01/05/22	3	13,14,1 5,16	A3-108												DHCQ 15
												13,14,1 5,16	A3-108										DHCQ 15
														13,14,1 5,16	A3-108								DHCQ 15
																		13,14,1 5,16	A3-108			DHTDHCK15A 2	DHCQ 15
97	3DN205 CD	2	Lập trình PLC cơ bản(221)_15_TH	20	20	TH		23/05-12/06/22	3	13,14,1 5,16	A3-108												DHCQ 15
												13,14,1 5,16	A3-108										DHCQ 15
														13,14,1 5,16	A3-108							DHTDHCK15A 2	DHCQ 15
																		13,14,1 5,16	A3-108				DHCQ 15
																							DHCQ 15
98	3DN205 CD	2	Lập trình PLC cơ bản(221)_16_TH	20	22	TH		13/06-03/07/22	3	13,14,1 5,16	A3-108											DHTDHCK15A 2	DHCQ 15
												13,14,1 5,16	A3-108										DHCQ 15
														13,14,1 5,16	A3-108								DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
																		13,14,15,16	A3-108				DHCQ 15
99	3DN141 DH	2	Lý thuyết điều khiển tự động (+ Bài tập dài)(221)_01	40	43	LT	Nguyễn Anh Tuấn	03/01-23/01/22	3							3,4	A2.309					DHDDTCK14(DCN)	DHCQ 14
							Nguyễn Anh Tuấn	14/02-15/05/22	13							3,4	A2.309						DHCQ 14
100	3DN141 DH	2	Lý thuyết điều khiển tự động (+ Bài tập dài)(221)_02	38	30	LT	Bùi ThanhHòa	03/01-23/01/22	3							7,8	A2.412					DHDDTCK14(DCN)2	DHCQ 14
							Bùi ThanhHòa	14/02-15/05/22	13							7,8	A2.412						DHCQ 14
101	3DN141 DH	2	Lý thuyết điều khiển tự động (+ Bài tập dài)(221)_03	44	43	LT	Bùi ThanhHòa	20/12-23/01/22	5	7,8	A2.105											DHTDHCK15A1	DHCQ 15
							Bùi ThanhHòa	14/02-01/05/22	11	7,8	A2.105												DHCQ 15
102	3DN141 DH	2	Lý thuyết điều khiển tự động (+ Bài tập dài)(221)_04	43	56	LT	Nguyễn Anh Tuấn	20/12-23/01/22	5							1,2	A2.211					DHTDHCK15A2	DHCQ 15
							Nguyễn Anh Tuấn	14/02-01/05/22	11							1,2	A2.211						DHCQ 15
103	3DN141 DH	2	Lý thuyết điều khiển tự động (+ Bài tập dài)(221)_05	46	31	LT	Bùi ThanhHòa	20/12-23/01/22	5									9,10	A2.212			DHTDHCK15A3	DHCQ 15
							Bùi ThanhHòa	14/02-01/05/22	11									9,10	A2.212				DHCQ 15
104	3DN101 DH	2	Lý thuyết mạch điện 1 (+ Thí nghiệm)(221)_01/DHDDTC K16A1	53	52	LT	Phạm VănTuấn	14/02-05/06/22	16	1,2	A3.511											DHDDTCK16A1	DHCQ 16
105	3DN101 DH	2	Lý thuyết mạch điện 1 (+ Thí nghiệm)(221)_02/DHDDTC K16A2	55	36	LT	Nguyễn Anh Tuấn	14/02-05/06/22	16					7,8	A3.511							DHDDTCK16A2	DHCQ 16
106	3DN101 DH	2	Lý thuyết mạch điện 1 (+ Thí nghiệm)(221)_03/DHDDTC K16A3	54	52	LT	Phạm VănTuấn	14/02-05/06/22	16			1,2	A3.511									DHDDTCK16A3	DHCQ 16
107	3DN101 DH	2	Lý thuyết mạch điện 1 (+ Thí nghiệm)(221)_04/DHDDTC K16A4	54	26	LT	Nguyễn Anh Tuấn	14/02-05/06/22	16									9,10	A3.511			DHDDTCK16A4	DHCQ 16
108	3DN101 DH	2	Lý thuyết mạch điện 1 (+ Thí nghiệm)(221)_05/DHTDHC K16A1	58	58	LT	Phạm VănTuấn	14/02-05/06/22	16					3,4	A3.507							DHTDHCK16A1	DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
109	3DN101 DH	2	Lý thuyết mạch điện 1 (+ Thí nghiệm)(221)_06/DHTDHC K16A2	50	47	LT	Nguyễn Anh Tuấn	14/02-05/06/22	16							9,10	A3.407					DHTDHC16A 2	DHCQ 16
110	3DN101 DH	2	Lý thuyết mạch điện 1 (+ Thí nghiệm)(221)_07/DHTDHC K16A3	50	48	LT	Phạm Văn Tuấn	14/02-05/06/22	16									3,4	A3.407			DHTDHC16A 3	DHCQ 16
111	3DN101 DH	2	Lý thuyết mạch điện 1 (+ Thí nghiệm)(221)_08/DHTDHC K16A4	50	21	LT	Nguyễn Anh Tuấn	14/02-05/06/22	16							7,8	A2.310					DHTDHC16A 4	DHCQ 16
112	3DN102 DH	2	Lý thuyết mạch điện 2 (+ Bài tập dài)(221)_01	44	41	LT	Nguyễn Anh Tuấn	20/12-23/01/22	5			9,10	A2.105									DHTDHC15A 1	DHCQ 15
							Nguyễn Anh Tuấn	14/02-01/05/22	11			9,10	A2.105										DHCQ 15
113	3DN102 DH	2	Lý thuyết mạch điện 2 (+ Bài tập dài)(221)_02	42	45	LT	Phạm Văn Tuấn	20/12-23/01/22	5							3,4	A2.211					DHTDHC15A 2	DHCQ 15
							Phạm Văn Tuấn	14/02-01/05/22	11							3,4	A2.211						DHCQ 15
114	3DN102 DH	2	Lý thuyết mạch điện 2 (+ Bài tập dài)(221)_03	46	28	LT	Nguyễn Anh Tuấn	20/12-23/01/22	5			7,8	A2.212									DHTDHC15A 3	DHCQ 15
							Nguyễn Anh Tuấn	14/02-01/05/22	11			7,8	A2.212										DHCQ 15
115	3DN110 DH	3	Mạng và Cung cấp điện(221)_01	53	57	LT	Võ Tiến Trung	20/12-23/01/22	5									1,2,3	A2.104			DHDDTCK15A 1	DHCQ 15
							Võ Tiến Trung	14/02-01/05/22	11									1,2,3	A2.104				DHCQ 15
116	3DN110 DH	3	Mạng và Cung cấp điện(221)_02	53	53	LT	Võ Tiến Dũng	20/12-23/01/22	5	1,2,3	A2.105											DHDDTCK15A 2	DHCQ 15
							Võ Tiến Dũng	14/02-01/05/22	11	1,2,3	A2.105												DHCQ 15
117	3DN110 DH	3	Mạng và Cung cấp điện(221)_03	50	52	LT	Võ Tiến Dũng	20/12-23/01/22	5					7,8,9	A2.104							DHDDTCK15A 3	DHCQ 15
							Võ Tiến Dũng	14/02-01/05/22	11					7,8,9	A2.104								DHCQ 15
118	3DN115 DH	2	Phân điện trong nhà máy điện và Trạm biến áp(221)_01/DHDDTCK14(HTD)	40	37	LT	Nguyễn Thị Thanh Ngân	03/01-23/01/22	3					3,4	A2.212							DHDDTCK14(HTD)	DHCQ 14
							Nguyễn Thị Thanh Ngân	14/02-15/05/22	13					3,4	A2.212								DHCQ 14
119	3DN112 DH	2	Quy hoạch và phát triển hệ thống điện(221)_01/DHDDTCK14 (HTD)	40	37	LT	Đặng Quang Khoa	03/01-23/01/22	3							1,2	A2.212					DHDDTCK14(HTD)	DHCQ 14
							Đặng Quang Khoa	14/02-15/05/22	13							1,2	A2.212						DHCQ 14

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
120	3DN226 DC	2	Sửa chữa khí cụ điện(221)_01_TH	20	22	TH		25/04-15/05/22	3	13,14,15,16	A4-103											DHTDHCK16A1	DHCQ16
												13,14,15,16	A4-103										DHCQ16
														13,14,15,16	A4-103								DHCQ16
																13,14,15,16	A4-103						DHCQ16
																		13,14,15,16	A4-103				DHCQ16
																							DHCQ16
121	3DN226 DC	2	Sửa chữa khí cụ điện(221)_02_TH	20	22	TH		25/04-15/05/22	3	7,8,9,10	A4-102											DHTDHCK16A1	DHCQ16
												7,8,9,10	A4-102										DHCQ16
														7,8,9,10	A4-102								DHCQ16
																7,8,9,10	A4-102						DHCQ16
																		7,8,9,10	A4-102				DHCQ16
																							DHCQ16
122	3DN226 DC	2	Sửa chữa khí cụ điện(221)_03_TH	20	22	TH		16/05-05/06/22	3	13,14,15,16	A4-103											DHTDHCK16A1	DHCQ16
												13,14,15,16	A4-103										DHCQ16
														13,14,15,16	A4-103								DHCQ16
																13,14,15,16	A4-103						DHCQ16
																		13,14,15,16	A4-103				DHCQ16
																							DHCQ16
123	3DN226 DC	2	Sửa chữa khí cụ điện(221)_04_TH	20	22	TH		16/05-05/06/22	3	7,8,9,10	A4-102											DHTDHCK16A3	DHCQ16
												7,8,9,10	A4-102										DHCQ16
														7,8,9,10	A4-102								DHCQ16
																7,8,9,10	A4-102						DHCQ16
																		7,8,9,10	A4-102				DHCQ16
																							DHCQ16
										13,14,15,16	A4-102												DHCQ16
												13,14,15,16	A4-102										DHCQ16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
124	3DN226 DC	2	Sửa chữa khí cụ điện(221)_05_TH	20	21	TH		16/05-05/06/22	3					13,14,15,16	A4-102							DHTDHCK16A3	DHCQ16
																13,14,15,16	A4-102						DHCQ16
																		13,14,15,16	A4-102				DHCQ16
125	3DN226 DC	2	Sửa chữa khí cụ điện(221)_06_TH	20	15	TH		25/04-15/05/22	3	1,2,3,4	A4-102											DHTDHCK16A2	DHCQ16
												1,2,3,4	A4-102										DHCQ16
														1,2,3,4	A4-102								DHCQ16
																		1,2,3,4	A4-102				DHCQ16
126	3DN226 DC	2	Sửa chữa khí cụ điện(221)_07_TH	20	16	TH		25/04-15/05/22	3	1,2,3,4	A4-103											DHTDHCK16A2	DHCQ16
												1,2,3,4	A4-103										DHCQ16
														1,2,3,4	A4-103								DHCQ16
																		1,2,3,4	A4-103				DHCQ16
127	3DN226 DC	2	Sửa chữa khí cụ điện(221)_08_TH	20	18	TH		16/05-05/06/22	3	1,2,3,4	A4-102											DHTDHCK16A4	DHCQ16
												1,2,3,4	A4-102										DHCQ16
														1,2,3,4	A4-102								DHCQ16
																		1,2,3,4	A4-102				DHCQ16
128	3DN226 DC	2	Sửa chữa khí cụ điện(221)_09_TH	20	18	TH		16/05-05/06/22	3	1,2,3,4	A4-103											DHTDHCK16A4	DHCQ16
												1,2,3,4	A4-103										DHCQ16
														1,2,3,4	A4-103								DHCQ16
																1,2,3,4	A4-103						DHCQ16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
																		1,2,3,4	A4-103				DHCQ 16
129	3DN214 CD	2	Sửa chữa mạch điện máy công nghiệp(221)_01_TH	20	22	TH		11/04-01/05/22	3	7,8,9,10	A4-201											DHDDTCK14(DCN)	DHCQ 14
												7,8,9,10	A4-201										DHCQ 14
														7,8,9,10	A4-201								DHCQ 14
																7,8,9,10	A4-201						DHCQ 14
																		7,8,9,10	A4-201				DHCQ 14
130	3DN214 CD	2	Sửa chữa mạch điện máy công nghiệp(221)_02_TH	20	23	TH		13/06-03/07/22	3	7,8,9,10	A4-201											DHDDTCK14(DCN)	DHCQ 14
												7,8,9,10	A4-201										DHCQ 14
														7,8,9,10	A4-201								DHCQ 14
																7,8,9,10	A4-201						DHCQ 14
																		7,8,9,10	A4-201				DHCQ 14
131	3DN214 CD	2	Sửa chữa mạch điện máy công nghiệp(221)_03_TH	20	19	TH		04/04-23/04/22	3	1,2,3,4	A4-201											DHDDTCK14(DCN)2	DHCQ 14
												1,2,3,4	A4-201										DHCQ 14
														1,2,3,4	A4-201								DHCQ 14
																1,2,3,4	A4-201						DHCQ 14
																		1,2,3,4	A4-201				DHCQ 14
132	3DN214 CD	2	Sửa chữa mạch điện máy công nghiệp(221)_04_TH	20	21	TH		02/05-22/05/22	3	1,2,3,4	A4-201											DHDDTCK14(DCN)2	DHCQ 14
												1,2,3,4	A4-201										DHCQ 14
														1,2,3,4	A4-201								DHCQ 14
																1,2,3,4	A4-201						DHCQ 14
																		1,2,3,4	A4-201				DHCQ 14
																13,14,15,16							DHCQ 12

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
133	2DN047 DC	2	Thực hành đo lường và cảm biến(221)_1	10	9	LT		14/03-20/03/22	1									13,14,15,16					DHCQ 12
																				13,14,15,16			DHCQ 12
								21/03-03/04/22	2	13,14,15,16	A3-112												DHCQ 12
												13,14,15,16	A3-112										DHCQ 12
														13,14,15,16	A3-112								DHCQ 12
																13,14,15,16	A3-112						DHCQ 12
																		13,14,15,16	A3-112				DHCQ 12
																				13,14,15,16	A3-112		DHCQ 12
																							DHCQ 12
																							DHCQ 12
134	3DN235 DH	9	Thực tập sản xuất tại doanh nghiệp(221)_01_TH_11B	79	82	TH		03/01-30/01/22	4	7,8,9,10												DHDDTCK13Z (DCN)	DHCQ 13
										1,2,3,4													DHCQ 13
												7,8,9,10											DHCQ 13
												1,2,3,4											DHCQ 13
														1,2,3,4									DHCQ 13
														7,8,9,10									DHCQ 13
																1,2,3,4							DHCQ 13
																7,8,9,10							DHCQ 13
																		7,8,9,10					DHCQ 13
																		1,2,3,4					DHCQ 13
										7,8,9,10													DHCQ 13
										1,2,3,4													DHCQ 13
												7,8,9,10											DHCQ 13

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
								14/02-20/03/22	5			1,2,3,4											DHCQ 13
														1,2,3,4									DHCQ 13
														7,8,9,10									DHCQ 13
																1,2,3,4							DHCQ 13
																7,8,9,10							DHCQ 13
																		7,8,9,10					DHCQ 13
																		1,2,3,4					DHCQ 13
																							DHCQ 13
135	3DN243 DH	9	Thực tập sản xuất tại doanh nghiệp(221)_01_TH_1EE	41	35	TH		03/01-30/01/22	4	7,8,9,10												DHTDHCK13A	DHCQ 13
										1,2,3,4													DHCQ 13
												7,8,9,10											DHCQ 13
												1,2,3,4											DHCQ 13
														1,2,3,4									DHCQ 13
														7,8,9,10									DHCQ 13
														7,8,9,10									DHCQ 13
																1,2,3,4							DHCQ 13
																7,8,9,10							DHCQ 13
																		7,8,9,10					DHCQ 13
																		1,2,3,4					DHCQ 13
																							DHCQ 13
										7,8,9,10													DHCQ 13
										1,2,3,4													DHCQ 13
												7,8,9,10											DHCQ 13
												1,2,3,4											DHCQ 13
														1,2,3,4									DHCQ 13

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa						
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học								
								14/02-20/03/22	3					7,8,9,10									DHCQ13						
																1,2,3,4									DHCQ13				
																7,8,9,10									DHCQ13				
																		7,8,9,10							DHCQ13				
																				1,2,3,4						DHCQ13			
136	3DN243DH	9	Thực tập sản xuất tại doanh nghiệp(221)_02_TH_168	44	46	TH	03/01-30/01/22	4	7,8,9,10													DHTDHCK13B	DHCQ13						
									1,2,3,4																DHCQ13				
											7,8,9,10																DHCQ13		
											1,2,3,4																DHCQ13		
															1,2,3,4												DHCQ13		
															7,8,9,10												DHCQ13		
																			1,2,3,4								DHCQ13		
																			7,8,9,10								DHCQ13		
																							7,8,9,10					DHCQ13	
																							1,2,3,4						DHCQ13
																													DHCQ13
																													DHCQ13
																											DHCQ13		
																											DHCQ13		
																											DHCQ13		
																											DHCQ13		
																											DHCQ13		
																											DHCQ13		
																											DHCQ13		
																											DHCQ13		

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa							
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học									
																7,8,9,10							DHCQ 13							
																		7,8,9,10					DHCQ 13							
																		1,2,3,4					DHCQ 13							
137	3DN235 DH	9	Thực tập sản xuất tại doanh nghiệp(221)_02_TH_185	32	35	TH		03/01-30/01/22	4	7,8,9,10													DHCQ 13							
							1,2,3,4																	DHCQ 13						
											7,8,9,10																		DHCQ 13	
											1,2,3,4																		DHCQ 13	
													1,2,3,4																DHCQ 13	
													7,8,9,10																	DHCQ 13
															1,2,3,4															DHCQ 13
																	7,8,9,10													DHCQ 13
																			1,2,3,4											DHCQ 13
																					7,8,9,10									DHCQ 13
																				1,2,3,4								DHCQ 13		
																				7,8,9,10								DHCQ 13		
																						1,2,3,4						DHCQ 13		
																							7,8,9,10						DHCQ 13	
																													DHCQ 13	
																													DHCQ 13	
																													DHCQ 13	
																													DHCQ 13	
																													DHCQ 13	
																													DHCQ 13	
																						DHCQ 13								
																						DHCQ 13								
																						DHCQ 13								
																						DHCQ 13								
																						DHCQ 13								
																						DHCQ 13								
																						DHCQ 13								
																						DHCQ 13								
																						DHCQ 13								
																						DHCQ 13								
																						DHCQ 13								
																						DHCQ 13								
																						DHCQ 13								
																						DHCQ 13								
																						DHCQ 13								
																						DHCQ 13								
																						DHCQ 13								
																						DHCQ 13								
																						DHCQ 13								
																						DHCQ 13								
																						DHCQ 13								
																						DHCQ 13								
																						DHCQ 13								
																						DHCQ 13								
																						DHCQ 13								
																						DHCQ 13								
																						DHCQ 13								
																						DHCQ 13								
																						DHCQ 13								
																						DHCQ 13								

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
																		1,2,3,4					DHCQ 13
138	3DN236 DH	9	Thực tập tốt nghiệp(221)_01_TH_117	79	83	TH		21/03-22/05/22	9	7,8,9,10													DHCQ 13
										1,2,3,4													DHCQ 13
												7,8,9,10											DHCQ 13
												1,2,3,4											DHCQ 13
														1,2,3,4									DHCQ 13
														7,8,9,10									DHCQ 13
																							DHCQ 13
																1,2,3,4							DHCQ 13
																							DHCQ 13
																7,8,9,10							DHCQ 13
																		7,8,9,10					DHCQ 13
																		1,2,3,4					DHCQ 13
139	3DN244 DH	9	Thực tập tốt nghiệp(221)_01_TH_1F2	41	38	TH		21/03-22/05/22	9	7,8,9,10													DHCQ 13
										1,2,3,4													DHCQ 13
												7,8,9,10											DHCQ 13
												1,2,3,4											DHCQ 13
														1,2,3,4									DHCQ 13
														7,8,9,10									DHCQ 13
																							DHCQ 13
																1,2,3,4							DHCQ 13
																		7,8,9,10					DHCQ 13
																				7,8,9,10			DHCQ 13
																		1,2,3,4					DHCQ 13
										7,8,9,10													DHCQ 13
																							DHCQ 13

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
140	3DN236 DH	9	Thực tập tốt nghiệp(221)_02_TH_122	32	35	TH		21/03-22/05/22	9	1,2,3,4												DHDDTCK13Z (HTD)	DHCQ 13
												1,2,3,4											DHCQ 13
												7,8,9,10											DHCQ 13
														1,2,3,4									DHCQ 13
														7,8,9,10									DHCQ 13
																7,8,9,10							DHCQ 13
																1,2,3,4							DHCQ 13
																		1,2,3,4					DHCQ 13
																				1,2,3,4			DHCQ 13
																		7,8,9,10					DHCQ 13
141	3DN244 DH	9	Thực tập tốt nghiệp(221)_02_TH_1A8	44	44	TH		21/03-22/05/22	9	7,8,9,10												DHDTCK13B	DHCQ 13
										1,2,3,4													DHCQ 13
												7,8,9,10											DHCQ 13
												1,2,3,4											DHCQ 13
														1,2,3,4									DHCQ 13
														7,8,9,10									DHCQ 13
																1,2,3,4							DHCQ 13
																7,8,9,10							DHCQ 13
																		7,8,9,10					DHCQ 13
																		1,2,3,4					DHCQ 13
										7,8,9,10													DHCQ 12
										1,2,3,4													DHCQ 12
												7,8,9,10											DHCQ 12

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
142	2DN113 DH	3	Thực tập tốt nghiệp ĐH ĐĐT(221)_1	11	1	LT		14/02-06/03/22	3			1,2,3,4											DHCQ 12
														7,8,9,10									DHCQ 12
														1,2,3,4									DHCQ 12
																7,8,9,10							DHCQ 12
																1,2,3,4							DHCQ 12
																		7,8,9,10					DHCQ 12
																		1,2,3,4					DHCQ 12
																							DHCQ 12
143	3DN117 DH	3	Trang bị điện, điện tử(221)_01	40	36	LT	Trần Nguyễn Bảo Ninh	03/01-23/01/22	3			1,2,3	A2.503										DHCQ 14
							Trần Nguyễn Bảo Ninh	14/02-15/05/22	13			1,2,3	A2.503										DHCQ 14
144	3DN117 DH	3	Trang bị điện, điện tử(221)_02	38	38	LT	Bùi Trung Tuyển	03/01-23/01/22	3									9,10,11	A2.209				DHCQ 14
							Bùi Trung Tuyển	14/02-15/05/22	13									9,10,11	A2.209				DHCQ 14
145	3DN117 DH	3	Trang bị điện, điện tử(221)_03	38	42	LT	Trần Nguyễn Bảo Ninh	03/01-23/01/22	3	1,2,3	A2.412												DHCQ 14
							Trần Nguyễn Bảo Ninh	14/02-15/05/22	13	1,2,3	A2.412												DHCQ 14
146	3DN117 DH	3	Trang bị điện, điện tử(221)_04	39	37	LT	Bùi Trung Tuyển	03/01-23/01/22	3	7,8,9	A2.211												DHCQ 14
							Bùi Trung Tuyển	14/02-15/05/22	13	7,8,9	A2.211												DHCQ 14
147	3DN107 DH	2	Trường điện tử(221)_01/DHDDTCK16A 1	53	50	LT	Võ Tiến Dũng	14/02-05/06/22	16							3,4	A3.511						DHCQ 16
148	3DN107 DH	2	Trường điện tử(221)_02/DHDDTCK16A 2	55	36	LT	Đặng Quang Khoa	14/02-05/06/22	16							7,8	A3.511						DHCQ 16
149	3DN107 DH	2	Trường điện tử(221)_03/DHDDTCK16A 3	54	52	LT	Võ Tiến Dũng	14/02-05/06/22	16									3,4	A3.511				DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
150	3DN107 DH	2	Trường điện từ(221)_04/DHDDTCK16A 4	54	27	LT	Đặng Quang Khoa	14/02-05/06/22	16							9,10	A3.409					DHDDTCK16A 4	DHCQ 16
151	3DN135 DH	2	Truyền động điện tự động (+BTL)(221)_01	40	39	LT	Trần Duy Trinh	03/01-23/01/22	3	1,2	A2.210											DHDDTCK14(DCN)	DHCQ 14
							Trần Duy Trinh	14/02-15/05/22	13	1,2	A2.210												DHCQ 14
152	3DN135 DH	2	Truyền động điện tự động (+BTL)(221)_02	38	38	LT	Trần Duy Trinh	03/01-23/01/22	3	7,8	A2.411											DHDDTCK14(DCN)2	DHCQ 14
							Trần Duy Trinh	14/02-15/05/22	13	7,8	A2.411												DHCQ 14
153	3DN135 DH	2	Truyền động điện tự động (+BTL)(221)_03	38	45	LT	Trần Duy Trinh	03/01-23/01/22	3			1,2	A2.203									DHTDHCK14A 1	DHCQ 14
							Trần Duy Trinh	14/02-15/05/22	13			1,2	A2.203										DHCQ 14
154	3DN135 DH	2	Truyền động điện tự động (+BTL)(221)_04	39	35	LT	Trần Duy Trinh	03/01-23/01/22	3					9,10	A2.210							DHTDHCK14A 2	DHCQ 14
							Trần Duy Trinh	14/02-15/05/22	13					9,10	A2.210								DHCQ 14
155	3DN128 DH	2	Tự động hóa hệ thống điện(221)_01/DHDDTCK14 (HTD)	40	36	LT	Nguyễn Văn Độ	03/01-23/01/22	3			3,4	A2.212									DHDDTCK14(HTD)	DHCQ 14
							Nguyễn Văn Độ	14/02-15/05/22	13			3,4	A2.212										DHCQ 14
156	3DN130 DH	2	Vận hành hệ thống điện(221)_01/DHDDTCK14 (HTD)	40	39	LT	Võ Tiến Dũng	03/01-23/01/22	3			1,2	A2.212									DHDDTCK14(HTD)	DHCQ 14
							Võ Tiến Dũng	14/02-15/05/22	13			1,2	A2.212										DHCQ 14
157	3DN144 DH	2	Vi xử lý(221)_01/DHTDHCK16A 1	58	58	LT	Nguyễn Minh Quân	14/02-05/06/22	16	3,4	A3.507											DHTDHCK16A 1	DHCQ 16
158	3DN144 DH	2	Vi xử lý(221)_02/DHTDHCK16A 2	50	47	LT	Nguyễn Minh Quân	14/02-05/06/22	16			9,10	A3.407									DHTDHCK16A 2	DHCQ 16
159	3DN144 DH	2	Vi xử lý(221)_03/DHTDHCK16A 3	50	46	LT	Nguyễn Minh Quân	14/02-05/06/22	16								1,2	A3.407				DHTDHCK16A 3	DHCQ 16
160	3DN144 DH	2	Vi xử lý(221)_04/DHTDHCK16A 4	50	20	LT	Nguyễn Minh Quân	14/02-05/06/22	16								7,8	A3.407				DHTDHCK16A 4	DHCQ 16
2	3DL209 DC	2	Bảo trì mô tô - xe máy(221)_12_TH	23	23	TH		11/04-01/05/22	3	1,2,3,4	VH.DC DIEZE											CDOTOCK47A 1	CDCQ 47
												1,2,3,4	VH.DC DIEZE										CDCQ 47
														1,2,3,4	VH.DC DIEZE								CDCQ 47

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa						
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học								
																1,2,3,4	VH.DC DIEZE												
																		1,2,3,4	VH.DC DIEZE										
3	3DL209 DC	2	Bảo trì mô tô - xe máy(221)_13_TH	23	19	TH		11/04-01/05/22	3	1,2,3,4	VH.DC DIEZE											CDOTOCK47A 1	CDCQ 47						
																										CDCQ 47			
												1,2,3,4	VH.DC DIEZE													CDCQ 47			
														1,2,3,4	VH.DC DIEZE												CDCQ 47		
																1,2,3,4	VH.DC DIEZE										CDCQ 47		
																		1,2,3,4	VH.DC DIEZE									CDCQ 47	
4	3DL256 DC	10	Thực tập sản xuất tại doanh nghiệp(221)_01_TH_108	29	29	TH		06/12-30/01/22	8	7,8,9,1 0												CDOTOCK45A 2	CDCQ 45						
							1,2,3,4																			CDCQ 45			
												7,8,9,1 0															CDCQ 45		
												1,2,3,4															CDCQ 45		
															1,2,3,4												CDCQ 45		
														7,8,9,1 0													CDCQ 45		
																1,2,3,4											CDCQ 45		
																	7,8,9,1 0										CDCQ 45		
																			7,8,9,1 0									CDCQ 45	
																				7,8,9,1 0								CDCQ 45	
																					7,8,9,1 0							CDCQ 45	
																							7,8,9,1 0					CDCQ 45	
																								1,2,3,4					CDCQ 45
																				CDCQ 45									
																				CDCQ 45									

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
5	3DL256 DC	10	Thực tập sản xuất tại doanh nghiệp(221)_02_TH_172	38	39	TH		14/02-27/02/22	2					1,2,3,4									CDCQ 45
														7,8,9,10									
																1,2,3,4							
																7,8,9,10							
																		7,8,9,10					
																		1,2,3,4					
																		1,2,3,4					
							06/12-30/01/22	8		7,8,9,10													CDCQ 45
										1,2,3,4													
												7,8,9,10											
												1,2,3,4											
														1,2,3,4									
														7,8,9,10									
																1,2,3,4							
																7,8,9,10							
																		7,8,9,10					
																		1,2,3,4					
														1,2,3,4									
								14/02-27/02/22	2	7,8,9,10													CDCQ 45
										1,2,3,4													
												7,8,9,10											
												1,2,3,4											
														1,2,3,4									

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa				
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học						
								14/02-21/02/22	2					7,8,9,10									CDCQ 45				
																1,2,3,4										CDCQ 45	
																7,8,9,10										CDCQ 45	
																		7,8,9,10								CDCQ 45	
																		1,2,3,4								CDCQ 45	
6	3DL256 DC	10	Thực tập sản xuất tại doanh nghiệp(221)_03_TH	10	10	TH		14/03-22/05/22	10	7,8,9,10												CDKCKCK46A1	CDCQ 46				
										1,2,3,4																CDCQ 46	
												7,8,9,10														CDCQ 46	
												1,2,3,4														CDCQ 46	
														1,2,3,4												CDCQ 46	
														7,8,9,10												CDCQ 46	
																1,2,3,4										CDCQ 46	
																		7,8,9,10								CDCQ 46	
																		1,2,3,4									CDCQ 46
																				7,8,9,10							CDCQ 46
																							7,8,9,10				CDCQ 46
																							1,2,3,4				CDCQ 46
										7	3DL256 DC	10	Thực tập sản xuất tại doanh nghiệp(221)_04_TH_18F	43	38	TH		11/04-19/06/22	10	8,9,10,11							
1,2,3,4																								CDCQ 46			
		8,9,10,11																						CDCQ 46			
		1,2,3,4																						CDCQ 46			
						1,2,3,4																		CDCQ 46			
						8,9,10,11																		CDCQ 46			
																								CDCQ 46			

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV ĐK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
																1,2,3,4							CDCQ 46
																8,9,10, 11							CDCQ 46
																		8,9,10, 11					CDCQ 46
																		1,2,3,4					CDCQ 46
8	3DL256 DC	10	Thực tập sản xuất tại doanh nghiệp(221)_05_TH	29	32	TH		11/04-19/06/22	10	8,9,10, 11													CDCQ 46
										1,2,3,4													CDCQ 46
												8,9,10, 11											CDCQ 46
												1,2,3,4											CDCQ 46
														1,2,3,4									CDCQ 46
														8,9,10, 11									CDCQ 46
																		8,9,10, 11					CDCQ 46
																		1,2,3,4					CDCQ 46
9	3DL257 CD	14	Thực tập tốt nghiệp(221)_01_TH_1CC	29	32	TH		28/02-05/06/22	14	7,8,9,1 0													CDCQ 45
										1,2,3,4													CDCQ 45
												7,8,9,1 0											CDCQ 45
												1,2,3,4											CDCQ 45
														1,2,3,4									CDCQ 45
														7,8,9,1 0									CDCQ 45
																		1,2,3,4					CDCQ 45

Trang 83

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
																		7,8,9,10					CDCQ 46
																		1,2,3,4					CDCQ 46
12	3DL257 CD	14	Thực tập tốt nghiệp(221)_04_TH_119	43	41	TH	20/06-25/09/22	14		7,8,9,10													CDCQ 46
										1,2,3,4													CDCQ 46
												7,8,9,10											CDCQ 46
												1,2,3,4											CDCQ 46
														1,2,3,4									CDCQ 46
																							CDCQ 46
														7,8,9,10									CDCQ 46
																							CDCQ 46
																1,2,3,4							CDCQ 46
																7,8,9,10							CDCQ 46
																		7,8,9,10					CDCQ 46
																		1,2,3,4					CDCQ 46
13	3DL257 CD	14	Thực tập tốt nghiệp(221)_05_TH	29	31	TH	20/06-25/09/22	14		8,9,10,11													CDCQ 46
										1,2,3,4													CDCQ 46
												8,9,10,11											CDCQ 46
												1,2,3,4											CDCQ 46
														1,2,3,4									CDCQ 46
														8,9,10,11									CDCQ 46
																							CDCQ 46
																1,2,3,4							CDCQ 46
																8,9,10,11							CDCQ 46
																		8,9,10,11					CDCQ 46
																							CDCQ 46
																							CDCQ 46

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
																		1,2,3,4					CDCQ 46
1	3DL208 DC	2	Bảo dưỡng hệ thống thủy lực – khí nén(221)_01_TH	17	14	TH		13/06-03/07/22	3	7,8,9,10	X.SC.T L-KN A												DHCQ 15
												7,8,9,10	X.SC.T L-KN A										DHCQ 15
														7,8,9,10	X.SC.T L-KN A								DHCQ 15
																7,8,9,10	X.SC.T L-KN A						DHCQ 15
																		7,8,9,10	X.SC.T L-KN A				DHCQ 15
2	3DL208 DC	2	Bảo dưỡng hệ thống thủy lực – khí nén(221)_02_TH	17	17	TH		23/05-12/06/22	3	7,8,9,10	X.SC.T L-KN A												DHCQ 15
												7,8,9,10	X.SC.T L-KN A										DHCQ 15
														7,8,9,10	X.SC.T L-KN A								DHCQ 15
																7,8,9,10	X.SC.T L-KN A						DHCQ 15
																		7,8,9,10	X.SC.T L-KN A				DHCQ 15
3	3DL208 DC	2	Bảo dưỡng hệ thống thủy lực – khí nén(221)_03_TH	17	16	TH		13/06-03/07/22	3	1,2,3,4	X.SC.T L-KN A												DHCQ 15
												1,2,3,4	X.SC.T L-KN A										DHCQ 15
														1,2,3,4	X.SC.T L-KN A								DHCQ 15
																1,2,3,4	X.SC.T L-KN A						DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
																		1,2,3,4	X.SC.T L-KN A				DHCQ 15
4	3DL208 DC	2	Bảo dưỡng hệ thống thủy lực – khí nén(221)_04_TH	17	17	TH		23/05-12/06/22	3	1,2,3,4	X.SC.T L-KN A											DHCCKCK15A 2	DHCQ 15
												1,2,3,4	X.SC.T L-KN A										DHCQ 15
														1,2,3,4	X.SC.T L-KN A								DHCQ 15
																1,2,3,4	X.SC.T L-KN A						DHCQ 15
																		1,2,3,4	X.SC.T L-KN A				DHCQ 15
5	3DL213 DC	2	Bảo dưỡng máy CNC(221)_01_TH	17	17	TH		13/06-03/07/22	3	7,8,9,1 0	X.SC.T BCK D											DHCCKCK15A 1	DHCQ 15
												7,8,9,1 0	X.SC.T BCK D										DHCQ 15
														7,8,9,1 0	X.SC.T BCK D								DHCQ 15
																7,8,9,1 0	X.SC.T BCK D						DHCQ 15
																		7,8,9,1 0	X.SC.T BCK D				DHCQ 15
6	3DL213 DC	2	Bảo dưỡng máy CNC(221)_02_TH	17	14	TH		23/05-12/06/22	3	7,8,9,1 0	X.SC.T BCK D											DHCCKCK15A 1	DHCQ 15
												7,8,9,1 0	X.SC.T BCK D										DHCQ 15
														7,8,9,1 0	X.SC.T BCK D								DHCQ 15
																7,8,9,1 0	X.SC.T BCK D						DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
																		7,8,9,10	X.SC.T BCK D				DHCQ 15
7	3DL213 DC	2	Bảo dưỡng máy CNC(221)_03_TH	17	15	TH		23/05-12/06/22	3	1,2,3,4	X.SC.T BCK B												DHCQ 15
												1,2,3,4	X.SC.T BCK B										DHCQ 15
														1,2,3,4	X.SC.T BCK B								DHCQ 15
																1,2,3,4	X.SC.T BCK B						DHCQ 15
																		1,2,3,4	X.SC.T BCK B				DHCQ 15
8	3DL213 DC	2	Bảo dưỡng máy CNC(221)_04_TH	17	17	TH		13/06-03/07/22	3	1,2,3,4	X.SC.T BCK C												DHCQ 15
												1,2,3,4	X.SC.T BCK C										DHCQ 15
														1,2,3,4	X.SC.T BCK C								DHCQ 15
																1,2,3,4	X.SC.T BCK C						DHCQ 15
																		1,2,3,4	X.SC.T BCK C				DHCQ 15
9	3DL204 DC	4	Bảo trì hệ thống gầm ô tô(221)_01_TH	22	22	TH		23/05-03/07/22	6	1,2,3,4	X.DON G CO-1C												DHCQ 15
												1,2,3,4	X.DON G CO-1C										DHCQ 15
														1,2,3,4	X.DON G CO-1C								DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
																1,2,3,4	X.DON G CO- 1C						DHCQ 15
																		1,2,3,4	X.DON G CO- 1C				DHCQ 15
10	3DL204 DC	4	Bảo trì hệ thống gầm ô tô(221)_02_TH	22	22	TH		23/05-03/07/22	6	1,2,3,4	X.GA M OTO- 1C												DHCQ 15
												1,2,3,4	X.GA M OTO- 1C										DHCQ 15
														1,2,3,4	X.GA M OTO- 1C								DHCQ 15
																1,2,3,4	X.GA M OTO- 1C						DHCQ 15
																		1,2,3,4	X.GA M OTO- 1C				DHCQ 15
11	3DL204 DC	4	Bảo trì hệ thống gầm ô tô(221)_03_TH	22	21	TH		23/05-03/07/22	6	1,2,3,4	X.DON G CO- 1A												DHCQ 15
												1,2,3,4	X.DON G CO- 1A										DHCQ 15
														1,2,3,4	X.DON G CO- 1A								DHCQ 15
																1,2,3,4	X.DON G CO- 1A						DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
																		1,2,3,4	X.DON G CO-1A				DHCQ 15
12	3DL204 DC	4	Bảo trì hệ thống gầm ô tô(221)_04_TH	22	22	TH		23/05-03/07/22	6	1,2,3,4	X.GA M OTO-1A											DHOTOCK15A 8	DHCQ 15
												1,2,3,4	X.GA M OTO-1A										DHCQ 15
														1,2,3,4	X.GA M OTO-1A								DHCQ 15
																1,2,3,4	X.GA M OTO-1A						DHCQ 15
																		1,2,3,4	X.GA M OTO-1A				DHCQ 15
13	3DL204 DC	4	Bảo trì hệ thống gầm ô tô(221)_09_TH	22	22	TH		23/05-03/07/22	6	7,8,9,10	X.DON G CO-1C											DHOTOCK15A 8	DHCQ 15
												7,8,9,10	X.DON G CO-1C										DHCQ 15
														7,8,9,10	X.DON G CO-1C								DHCQ 15
																7,8,9,10	X.DON G CO-1C						DHCQ 15
																		7,8,9,10	X.DON G CO-1C				DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
14	3DL204 DC	4	Bảo trì hệ thống gầm ô tô(221)_10_TH	22	22	TH		23/05-03/07/22	6	7,8,9,10	X.GA M OTO-1C											DHOTOCK15A 8	DHCQ 15
												7,8,9,10	X.GA M OTO-1C										DHCQ 15
														7,8,9,10	X.GA M OTO-1C								DHCQ 15
																7,8,9,10	X.GA M OTO-1C						DHCQ 15
																		7,8,9,10	X.GA M OTO-1C				DHCQ 15
15	3DL204 DC	4	Bảo trì hệ thống gầm ô tô(221)_11_TH	22	21	TH		23/05-03/07/22	6	7,8,9,10	X.DON G CO-1B											DHOTOCK15A 8	DHCQ 15
												7,8,9,10	X.DON G CO-1B										DHCQ 15
														7,8,9,10	X.DON G CO-1B								DHCQ 15
																7,8,9,10	X.DON G CO-1B						DHCQ 15
																		7,8,9,10	X.DON G CO-1B				DHCQ 15
										7,8,9,10	X.DON G CO-1A												DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
16	3DL204 DC	4	Bảo trì hệ thống gầm ô tô(221)_12_TH	22	22	TH		23/05-03/07/22	6			7,8,9,10	X.DON G CO-1A									DHOTOCK15A8	DHCQ15
														7,8,9,10	X.DON G CO-1A								DHCQ15
																7,8,9,10	X.DON G CO-1A						DHCQ15
																		7,8,9,10	X.DON G CO-1A				DHCQ15
17	3DL204 DC	4	Bảo trì hệ thống gầm ô tô(221)_14_TH	22	23	TH		23/05-03/07/22	6	13,14,15,16	X.DON G CO-1C											DHOTOCK15A8	DHCQ15
												13,14,15,16	X.DON G CO-1C										DHCQ15
														13,14,15,16	X.DON G CO-1C								DHCQ15
																13,14,15,16	X.DON G CO-1C						DHCQ15
																		13,14,15,16	X.DON G CO-1C				DHCQ15
										13,14,15,16	X.DON G CO-1A												DHCQ15
												13,14,15,16	X.DON G CO-1A										DHCQ15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
18	3DL204 DC	4	Bảo trì hệ thống gầm ô tô(221)_16_TH	22	22	TH		23/05-03/07/22	6					13,14,15,16	X.DON G CO-1A							DHOTOCK15A8	DHCQ15
																13,14,15,16	X.DON G CO-1A						DHCQ15
																		13,14,15,16	X.DON G CO-1A				DHCQ15
19	3DL205 DC	4	Bảo trì hệ thống trang bị điện ô tô(221)_01_TH	20	21	TH		23/05-03/07/22	6	1,2,3,4	X.DIE N OTO-1B											DHOTOCK15A5	DHCQ15
												1,2,3,4	X.DIE N OTO-1B										DHCQ15
														1,2,3,4	X.DIE N OTO-1B								DHCQ15
																1,2,3,4	X.DIE N OTO-1B						DHCQ15
20	3DL205 DC	4	Bảo trì hệ thống trang bị điện ô tô(221)_02_TH	20	19	TH		23/05-03/07/22	6	1,2,3,4	X.DIE N OTO-1C											DHOTOCK15A5	DHCQ15
												1,2,3,4	X.DIE N OTO-1C										DHCQ15
														1,2,3,4	X.DIE N OTO-1C								DHCQ15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
																1,2,3,4	X.DIE N OTO- 1C						DHCQ 15
																		1,2,3,4	X.DIE N OTO- 1C				DHCQ 15
21	3DL205 DC	4	Bảo trì hệ thống trang bị điện ô tô(221)_03_TH	20	21	TH		23/05-03/07/22	6	7,8,9,1 0	X.DIE N OTO- 1B												DHCQ 15
												7,8,9,1 0	X.DIE N OTO- 1B										DHCQ 15
														7,8,9,1 0	X.DIE N OTO- 1B								DHCQ 15
																7,8,9,1 0	X.DIE N OTO- 1B						DHCQ 15
																		7,8,9,1 0	X.DIE N OTO- 1B				DHCQ 15
																							DHCQ 15
22	3DL205 DC	4	Bảo trì hệ thống trang bị điện ô tô(221)_04_TH	20	20	TH		23/05-03/07/22	6	7,8,9,1 0	X.DIE N OTO- 1C												DHCQ 15
												7,8,9,1 0	X.DIE N OTO- 1C										DHCQ 15
														7,8,9,1 0	X.DIE N OTO- 1C								DHCQ 15
																7,8,9,1 0	X.DIE N OTO- 1C						DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
																		7,8,9,10	X.DIE N OTO-1C				DHCQ 15
23	3DL205 DC	4	Bảo trì hệ thống trang bị điện ô tô(221)_05_TH	20	22	TH		23/05-03/07/22	6	13,14,15,16	X.DIE N OTO-1C												DHCQ 15
												13,14,15,16	X.DIE N OTO-1C										DHCQ 15
														13,14,15,16	X.DIE N OTO-1C								DHCQ 15
																13,14,15,16	X.DIE N OTO-1C						DHCQ 15
																		13,14,15,16	X.DIE N OTO-1C				DHCQ 15
24	3DL205 DC	4	Bảo trì hệ thống trang bị điện ô tô(221)_06_TH	20	23	TH		23/05-03/07/22	6	13,14,15,16	X.DIE N OTO-1B												DHCQ 15
												13,14,15,16	X.DIE N OTO-1B										DHCQ 15
														13,14,15,16	X.DIE N OTO-1B								DHCQ 15
																13,14,15,16	X.DIE N OTO-1B						DHCQ 15
																		13,14,15,16	X.DIE N OTO-1B				DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
25	3DL209 DC	2	Bảo trì mô tô - xe máy(221)_01_TH	20	22	TH		11/04-01/05/22	3	1,2,3,4	X.DON G CO-1B											DHOTOCK16A 1	DHCQ 16
												1,2,3,4	X.DON G CO-1B										DHCQ 16
														1,2,3,4	X.DON G CO-1B								DHCQ 16
																1,2,3,4	X.DON G CO-1B						DHCQ 16
																		1,2,3,4	X.DON G CO-1B				DHCQ 16
26	3DL209 DC	2	Bảo trì mô tô - xe máy(221)_02_TH	20	22	TH		11/04-01/05/22	3	1,2,3,4	X.DON G CO-1A											DHOTOCK16A 1	DHCQ 16
												1,2,3,4	X.DON G CO-1A										DHCQ 16
														1,2,3,4	X.DON G CO-1A								DHCQ 16
																1,2,3,4	X.DON G CO-1A						DHCQ 16
																		1,2,3,4	X.DON G CO-1A				DHCQ 16
										1,2,3,4	X.DON G CO-1A												DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
27	3DL209 DC	2	Bảo trì mô tô - xe máy(221)_03_TH	20	13	TH		02/05-22/05/22	3			1,2,3,4	X.DON G CO-1A									DHOTOCK16A 1	DHCQ 16
														1,2,3,4	X.DON G CO-1A								DHCQ 16
																1,2,3,4	X.DON G CO-1A						DHCQ 16
																		1,2,3,4	X.DON G CO-1A				DHCQ 16
28	3DL209 DC	2	Bảo trì mô tô - xe máy(221)_04_TH	20	20	TH		02/05-22/05/22	3	1,2,3,4	X.DON G CO-1B											DHOTOCK16A 1	DHCQ 16
												1,2,3,4	X.DON G CO-1B										DHCQ 16
														1,2,3,4	X.DON G CO-1B								DHCQ 16
																1,2,3,4	X.DON G CO-1B						DHCQ 16
																		1,2,3,4	X.DON G CO-1B				DHCQ 16
										1,2,3,4	X.DON G CO-1C												DHCQ 16
												1,2,3,4	X.DON G CO-1C										DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
29	3DL209 DC	2	Bảo trì mô tô - xe máy(221)_05_TH	20	13	TH		02/05-22/05/22	3					1,2,3,4	X.DON G CO-1C							DHOTOCK16A 1	DHCQ 16
																1,2,3,4	X.DON G CO-1C						DHCQ 16
																		1,2,3,4	X.DON G CO-1C				DHCQ 16
30	3DL209 DC	2	Bảo trì mô tô - xe máy(221)_06_TH	20	22	TH		11/04-01/05/22	3	7,8,9,10	X.DON G CO-1B											DHOTOCK16A 2	DHCQ 16
												7,8,9,10	X.DON G CO-1B										DHCQ 16
														7,8,9,10	X.DON G CO-1B								DHCQ 16
																7,8,9,10	X.DON G CO-1B						DHCQ 16
31	3DL209 DC	2	Bảo trì mô tô - xe máy(221)_07_TH	20	22	TH		11/04-01/05/22	3	7,8,9,10	X.DON G CO-1A											DHOTOCK16A 2	DHCQ 16
												7,8,9,10	X.DON G CO-1A										DHCQ 16
														7,8,9,10	X.DON G CO-1A								DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
																7,8,9,10	X.DON G CO-1A						DHCQ 16
																		7,8,9,10	X.DON G CO-1A				DHCQ 16
32	3DL209 DC	2	Bảo trì mô tô - xe máy(221)_08_TH	20	21	TH		02/05-22/05/22	3	7,8,9,10	X.DON G CO-1A												DHCQ 16
												7,8,9,10	X.DON G CO-1A										DHCQ 16
														7,8,9,10	X.DON G CO-1A								DHCQ 16
																7,8,9,10	X.DON G CO-1A						DHCQ 16
																		7,8,9,10	X.DON G CO-1A				DHCQ 16
33	3DL209 DC	2	Bảo trì mô tô - xe máy(221)_09_TH	20	21	TH		02/05-22/05/22	3	7,8,9,10	X.DON G CO-1C												DHCQ 16
												7,8,9,10	X.DON G CO-1C										DHCQ 16
														7,8,9,10	X.DON G CO-1C								DHCQ 16
																7,8,9,10	X.DON G CO-1C						DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
																		7,8,9,10	X.DON G CO-1C				DHCQ 16
34	3DL209 DC	2	Bảo trì mô tô - xe máy(221)_10_TH	20	20	TH		02/05-22/05/22	3	7,8,9,10	X.DON G CO-1B											DHOTOCK16A 2	DHCQ 16
												7,8,9,10	X.DON G CO-1B										DHCQ 16
														7,8,9,10	X.DON G CO-1B								DHCQ 16
																7,8,9,10	X.DON G CO-1B						DHCQ 16
																		7,8,9,10	X.DON G CO-1B				DHCQ 16
35	3DL209 DC	2	Bảo trì mô tô - xe máy(221)_11_TH	20	21	TH		02/05-22/05/22	3	7,8,9,10	X.GA M OTO-1A											DHOTOCK16A 2	DHCQ 16
												7,8,9,10	X.GA M OTO-1A										DHCQ 16
														7,8,9,10	X.GA M OTO-1A								DHCQ 16
																7,8,9,10	X.GA M OTO-1A						DHCQ 16
																		7,8,9,10	X.GA M OTO-1A				DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
36	3DL202 CD	2	Bảo trì thiết bị xưởng và vận hành xe ô tô(221)_01_TH	20	23	TH		11/04-01/05/22	3	1,2,3,4	X.DON G CO-1C											DHOTOCK16A 1	DHCQ 16
												1,2,3,4	X.DON G CO-1C										DHCQ 16
														1,2,3,4	X.DON G CO-1C								DHCQ 16
																1,2,3,4	X.DON G CO-1C						DHCQ 16
																		1,2,3,4	X.DON G CO-1C				DHCQ 16
37	3DL202 CD	2	Bảo trì thiết bị xưởng và vận hành xe ô tô(221)_02_TH	20	22	TH		11/04-01/05/22	3	1,2,3,4	X.CHAN DOAN A											DHOTOCK16A 1	DHCQ 16
												1,2,3,4	X.CHAN DOAN A										DHCQ 16
														1,2,3,4	X.CHAN DOAN A								DHCQ 16
																1,2,3,4	X.CHAN DOAN A						DHCQ 16
																		1,2,3,4	X.CHAN DOAN A				DHCQ 16
										1,2,3,4	VH.ĐC XANG-1B												DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
38	3DL202 CD	2	Bảo trì thiết bị xường và vận hành xe ô tô(221)_03_TH	20	20	TH		02/05-22/05/22	3			1,2,3,4	VH.ĐC XANG-1B									DHOTOCK16A 1	DHCQ 16
														1,2,3,4	VH.ĐC XANG-1B								DHCQ 16
																1,2,3,4	VH.ĐC XANG-1B						DHCQ 16
																		1,2,3,4	VH.ĐC XANG-1B				DHCQ 16
39	3DL202 CD	2	Bảo trì thiết bị xường và vận hành xe ô tô(221)_04_TH	20	20	TH		02/05-22/05/22	3	1,2,3,4	VH.ĐC XANG-1C											DHOTOCK16A 1	DHCQ 16
												1,2,3,4	VH.ĐC XANG-1C										DHCQ 16
														1,2,3,4	VH.ĐC XANG-1C								DHCQ 16
																1,2,3,4	VH.ĐC XANG-1C						DHCQ 16
																		1,2,3,4	VH.ĐC XANG-1C				DHCQ 16
										1,2,3,4	X.CHAN DOAN A												DHCQ 16
												1,2,3,4	X.CHAN DOAN A										DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV ĐK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
40	3DL202 CD	2	Bảo trì thiết bị xưởng và vận hành xe ô tô(221)_05_TH	20	16	TH		02/05-22/05/22	3					1,2,3,4	X.CHAN DOAN A							DHOTOCK16A 1	DHCQ 16
																1,2,3,4	X.CHAN DOAN A						DHCQ 16
																		1,2,3,4	X.CHAN DOAN A				DHCQ 16
41	3DL202 CD	2	Bảo trì thiết bị xưởng và vận hành xe ô tô(221)_06_TH	20	17	TH		02/05-22/05/22	3	1,2,3,4	VH.ĐC XANG-1A											DHOTOCK16A 1	DHCQ 16
												1,2,3,4	VH.ĐC XANG-1A										DHCQ 16
														1,2,3,4	VH.ĐC XANG-1A								DHCQ 16
																1,2,3,4	VH.ĐC XANG-1A						DHCQ 16
																		1,2,3,4	VH.ĐC XANG-1A				DHCQ 16
																							DHCQ 16
42	3DL202 CD	2	Bảo trì thiết bị xưởng và vận hành xe ô tô(221)_07_TH	20	22	TH		11/04-01/05/22	3	7,8,9,10	X.DONG CO-1C											DHOTOCK16A 2	DHCQ 16
												7,8,9,10	X.DONG CO-1C										DHCQ 16
														7,8,9,10	X.DONG CO-1C								DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
																7,8,9,10	X.DON G CO-1C						DHCQ 16
																		7,8,9,10	X.DON G CO-1C				DHCQ 16
43	3DL202 CD	2	Bảo trì thiết bị xưởng và vận hành xe ô tô(221)_08_TH	20	22	TH		11/04-01/05/22	3	7,8,9,10	X.GA M OTO-1A												DHCQ 16
												7,8,9,10	X.GA M OTO-1A										DHCQ 16
														7,8,9,10	X.GA M OTO-1A								DHCQ 16
																7,8,9,10	X.GA M OTO-1A						DHCQ 16
																7,8,9,10	X.GA M OTO-1A						DHCQ 16
																		7,8,9,10	X.GA M OTO-1A				DHCQ 16
44	3DL202 CD	2	Bảo trì thiết bị xưởng và vận hành xe ô tô(221)_09_TH	20	20	TH		02/05-22/05/22	3	7,8,9,10	X.GA M OTO-1B												DHCQ 16
												7,8,9,10	X.GA M OTO-1B										DHCQ 16
														7,8,9,10	X.GA M OTO-1B								DHCQ 16
																7,8,9,10	X.GA M OTO-1B						DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
																		7,8,9,10	X.GA M OTO-1B				DHCQ 16
45	3DL202 CD	2	Bảo trì thiết bị xường và vận hành xe ô tô(221)_10_TH	20	21	TH		02/05-22/05/22	3	7,8,9,10	VH.ĐC XANG-1B											DHOTOCK16A 2	DHCQ 16
												7,8,9,10	VH.ĐC XANG-1B										DHCQ 16
														7,8,9,10	VH.ĐC XANG-1B								DHCQ 16
																7,8,9,10	VH.ĐC XANG-1B						DHCQ 16
																		7,8,9,10	VH.ĐC XANG-1B				DHCQ 16
																							DHCQ 16
46	3DL202 CD	2	Bảo trì thiết bị xường và vận hành xe ô tô(221)_11_TH	20	20	TH		02/05-22/05/22	3	7,8,9,10	X.GA M OTO-1C											DHOTOCK16A 2	DHCQ 16
												7,8,9,10	X.GA M OTO-1C										DHCQ 16
														7,8,9,10	X.GA M OTO-1C								DHCQ 16
																7,8,9,10	X.GA M OTO-1C						DHCQ 16
																		7,8,9,10	X.GA M OTO-1C				DHCQ 16
																							DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
47	3DL202 CD	2	Bảo trì thiết bị xướng và vận hành xe ô tô(221)_12_TH	20	20	TH		02/05-22/05/22	3	7,8,9,10	VH.ĐC XANG-1A											DHOTOCK16A 2	DHCQ 16
												7,8,9,10	VH.ĐC XANG-1A										DHCQ 16
														7,8,9,10	VH.ĐC XANG-1A								DHCQ 16
																7,8,9,10	VH.ĐC XANG-1A						DHCQ 16
																		7,8,9,10	VH.ĐC XANG-1A				DHCQ 16
																							DHCQ 16
48	3DL217 DC	4	Chẩn đoán thiết bị cơ khí(221)_01_TH	22	23	TH		21/03-01/05/22	4	1,2,3,4	X.SC.T BCK D											DHKCKCK14A 1	DHCQ 14
												1,2,3,4	X.SC.T BCK D										DHCQ 14
														1,2,3,4	X.SC.T BCK D								DHCQ 14
																1,2,3,4	X.SC.T BCK D						DHCQ 14
																		1,2,3,4	X.SC.T BCK D				DHCQ 14
																							DHCQ 14
49	3DL217 DC	4	Chẩn đoán thiết bị cơ khí(221)_02_TH	22	22	TH		21/03-01/05/22	2	13,14,15,16	X.SC.T BCK C											DHKCKCK14A 1	DHCQ 14
												13,14,15,16	X.SC.T BCK C										DHCQ 14
														13,14,15,16	X.SC.T BCK C								DHCQ 14

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
																13,14,15,16	X.SC.T BCK C						
																		13,14,15,16	X.SC.T BCK C				
50	3DL148 DH	3	Chuyên đề máy và công nghệ hiện đại(221)_01	46	46	LT	Nguyễn Thanh Bình	03/01-23/01/22	3	7,8,9	A2.102											DHKCKCK14A1	DHCQ 14
							Nguyễn Thanh Bình	14/02-15/05/22	13	7,8,9	A2.102											DHCQ 14	
51	3DL122 DH	3	Công nghệ bảo dưỡng và sửa chữa ô tô +BTL(221)_01	50	59	LT	Dương Xuân Mỹ	03/01-23/01/22	3							7,8,9	A2.410 (QPMC)					DHOTOCK14A2	DHCQ 14
							Dương Xuân Mỹ	14/02-15/05/22	13							7,8,9	A2.410 (QPMC)					DHCQ 14	
52	3DL122 DH	3	Công nghệ bảo dưỡng và sửa chữa ô tô +BTL(221)_02/DHOTOCK 14A1	50	64	LT	Dương Xuân Mỹ	03/01-23/01/22	3	7,8,9	A2.409 (QPMC)											DHOTOCK14A1	DHCQ 14
							Dương Xuân Mỹ	14/02-15/05/22	13	7,8,9	A2.409 (QPMC)											DHCQ 14	
53	3DL122 DH	3	Công nghệ bảo dưỡng và sửa chữa ô tô +BTL(221)_03/DHOTOCK 14A3	50	46	LT	Dương Xuân Mỹ	03/01-23/01/22	3	1,2,3	A2.410 (QPMC)											DHOTOCK14A3	DHCQ 14
							Dương Xuân Mỹ	14/02-15/05/22	13	1,2,3	A2.410 (QPMC)											DHCQ 14	
54	3DL122 DH	3	Công nghệ bảo dưỡng và sửa chữa ô tô +BTL(221)_04/DHOTOCK 14A4	50	39	LT	Dương Xuân Mỹ	03/01-23/01/22	3							1,2,3	A2.411					DHOTOCK14A4	DHCQ 14
							Dương Xuân Mỹ	14/02-15/05/22	13							1,2,3	A2.411					DHCQ 14	
55	3DL122 DH	3	Công nghệ bảo dưỡng và sửa chữa ô tô +BTL(221)_05/DHOTOCK 14A5	50	45	LT	Dương Xuân Mỹ	03/01-23/01/22	3					1,2,3	A2.410 (QPMC)							DHOTOCK14A5	DHCQ 14
							Dương Xuân Mỹ	14/02-15/05/22	13					1,2,3	A2.410 (QPMC)							DHCQ 14	
56	3DL146 DC	3	Công nghệ sửa chữa thiết bị cơ khí(221)_01	46	44	LT	Nguyễn Thanh Bình	03/01-23/01/22	3							9,10,11	A2.102					DHKCKCK14A1	DHCQ 14
							Nguyễn Thanh Bình	14/02-15/05/22	13							9,10,11	A2.102					DHCQ 14	
57	3DL147	1	Đồ án Công nghệ sửa chữa	42	42	ĐA	Trần Đình Hiếu	03/01-23/01/22	3					12	A2.403							DHKCKCK14A	DHCQ 14

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
57	DC	1	thiết bị cơ khí(221)_01_DA	42	43	DA	Trần Đình Hiếu	14/02-15/05/22	13					12	A2.403							1	DHCQ 14
58	3DL147 DC	1	Đồ án Công nghệ sửa chữa thiết bị cơ khí(221)_02_DA	16	7	DA		07/03-22/05/22	11			12										DHKCKCK13Z	DHCQ 13
59	3DL117 DH	1	Đồ án kết cấu tính toán ô tô(221)_01	50	60	DA	Nguyễn Ngọc Tú	03/01-23/01/22	3	12												DHOTOCK14A 1	DHCQ 14
							Nguyễn Ngọc Tú	14/02-15/05/22	13	12													DHCQ 14
60	3DL117 DH	1	Đồ án kết cấu tính toán ô tô(221)_01_DA	50	59	DA	Nguyễn Ngọc Tú	03/01-23/01/22	3						12							DHOTOCK14A 2	DHCQ 14
							Nguyễn Ngọc Tú	14/02-15/05/22	13						12								DHCQ 14
61	3DL117 DH	1	Đồ án kết cấu tính toán ô tô(221)_02_DA/DHOTOC K14A3	50	44	DA	Nguyễn Ngọc Tú	03/01-23/01/22	3	6												DHOTOCK14A 3	DHCQ 14
							Nguyễn Ngọc Tú	14/02-15/05/22	13	6													DHCQ 14
62	3DL117 DH	1	Đồ án kết cấu tính toán ô tô(221)_03_DA/DHOTOC K14A4	50	43	DA	Nguyễn Ngọc Tú	03/01-23/01/22	3								6					DHOTOCK14A 4	DHCQ 14
							Nguyễn Ngọc Tú	14/02-15/05/22	13								6						DHCQ 14
63	3DL117 DH	1	Đồ án kết cấu tính toán ô tô(221)_04_DA/DHOTOC K14A5	50	46	DA		03/01-23/01/22	3	6												DHOTOCK14A 5	DHCQ 14
								14/02-15/05/22	13	6													DHCQ 14
64	3DL143 DH	1	Đồ án Máy công cụ(221)_01/DHKCKCK15A 2	35	34	DA	Trần Đình Hiếu	20/12-23/01/22	5			12	A2.403									DHKCKCK15A 2	DHCQ 15
							Trần Đình Hiếu	14/02-01/05/22	11			12	A2.403										DHCQ 15
65	3DL143 DH	1	Đồ án Máy công cụ(221)_01_DA/DHKCKCK15A1	32	32	DA	Trần Đình Hiếu	20/12-23/01/22	5			6	A2.309									DHKCKCK15A 1	DHCQ 15
							Trần Đình Hiếu	14/02-01/05/22	11			6	A2.309										DHCQ 15
66	3DL143 DH	1	Đồ án Máy công cụ(221)_02_DA	16	8	DA		07/03-22/05/22	11							6						DHKCKCK13Z	DHCQ 13
67	3DL201 DC	2	Gia công hỗ trợ trong sửa chữa ô tô(221)_01_TH	21	21	TH		21/03-10/04/22	3	1,2,3,4	X.NGU OI CB A											DHOTOCK16A 1	DHCQ 16
												1,2,3,4	X.NGU OI CB A										DHCQ 16
														1,2,3,4	X.NGU OI CB A								DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
																1,2,3,4	X.NGU OI CB A						DHCQ 16
																		1,2,3,4	X.NGU OI CB A				DHCQ 16
68	3DL201 DC	2	Gia công hỗ trợ trong sửa chữa ô tô(221)_02_TH	21	21	TH		21/03-10/04/22	3	1,2,3,4	X.NGU OI CB B												DHCQ 16
												1,2,3,4	X.NGU OI CB B										DHCQ 16
														1,2,3,4	X.NGU OI CB B								DHCQ 16
																1,2,3,4	X.NGU OI CB B						DHCQ 16
																	1,2,3,4	X.NGU OI CB B					DHCQ 16
69	3DL201 DC	2	Gia công hỗ trợ trong sửa chữa ô tô(221)_03_TH	21	21	TH		21/03-10/04/22	3	1,2,3,4	X.NGU OI CB E												DHCQ 16
												1,2,3,4	X.NGU OI CB E										DHCQ 16
														1,2,3,4	X.NGU OI CB E								DHCQ 16
																1,2,3,4	X.NGU OI CB E						DHCQ 16
																	1,2,3,4	X.NGU OI CB E					DHCQ 16
70	3DL201 DC	2	Gia công hỗ trợ trong sửa chữa ô tô(221)_04_TH	21	22	TH		11/04-01/05/22	3	1,2,3,4	X.NGU OI CB A												DHCQ 16
												1,2,3,4	X.NGU OI CB A										DHCQ 16
														1,2,3,4	X.NGU OI CB A								DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
																1,2,3,4	X.NGU OI CB A						DHCQ 16
																		1,2,3,4	X.NGU OI CB A				DHCQ 16
71	3DL201 DC	2	Gia công hỗ trợ trong sửa chữa ô tô(221)_05_TH	21	23	TH		11/04-01/05/22	3	1,2,3,4	X.NGU OI CB C												DHCQ 16
												1,2,3,4	X.NGU OI CB C										DHCQ 16
														1,2,3,4	X.NGU OI CB C								DHCQ 16
																1,2,3,4	X.NGU OI CB C						DHCQ 16
																	1,2,3,4	X.NGU OI CB C					DHCQ 16
72	3DL201 DC	2	Gia công hỗ trợ trong sửa chữa ô tô(221)_06_TH	21	22	TH		11/04-01/05/22	3	1,2,3,4	X.NGU OI CB D												DHCQ 16
												1,2,3,4	X.NGU OI CB D										DHCQ 16
														1,2,3,4	X.NGU OI CB D								DHCQ 16
																1,2,3,4	X.NGU OI CB D						DHCQ 16
																	1,2,3,4	X.NGU OI CB D					DHCQ 16
73	3DL201 DC	2	Gia công hỗ trợ trong sửa chữa ô tô(221)_07_TH	21	16	TH		02/05-22/05/22	3	1,2,3,4	X.NGU OI CB E												DHCQ 16
												1,2,3,4	X.NGU OI CB E										DHCQ 16
														1,2,3,4	X.NGU OI CB E								DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
																1,2,3,4	X.NGU OI CB E						DHCQ 16
																		1,2,3,4	X.NGU OI CB E				DHCQ 16
74	3DL201 DC	2	Gia công hỗ trợ trong sửa chữa ô tô(221)_08_TH	21	16	TH		02/05-22/05/22	3	1,2,3,4	X.NGU OI CB D												DHCQ 16
												1,2,3,4	X.NGU OI CB D										DHCQ 16
														1,2,3,4	X.NGU OI CB D								DHCQ 16
																1,2,3,4	X.NGU OI CB D						DHCQ 16
																	1,2,3,4	X.NGU OI CB D					DHCQ 16
75	3DL201 DC	2	Gia công hỗ trợ trong sửa chữa ô tô(221)_09_TH	21	15	TH		02/05-22/05/22	3	1,2,3,4	X.NGU OI CB C												DHCQ 16
												1,2,3,4	X.NGU OI CB C										DHCQ 16
														1,2,3,4	X.NGU OI CB C								DHCQ 16
																1,2,3,4	X.NGU OI CB C						DHCQ 16
																	1,2,3,4	X.NGU OI CB C					DHCQ 16
76	3DL201 DC	2	Gia công hỗ trợ trong sửa chữa ô tô(221)_10_TH	21	25	TH		23/05-12/06/22	3	1,2,3,4	X.NGU OI CB B												DHCQ 16
												1,2,3,4	X.NGU OI CB B										DHCQ 16
														1,2,3,4	X.NGU OI CB B								DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
																1,2,3,4	X.NGU OI CB B						DHCQ 16
																		1,2,3,4	X.NGU OI CB B				DHCQ 16
77	3DL201 DC	2	Gia công hỗ trợ trong sửa chữa ô tô(221)_11_TH	20	20	TH		21/03-10/04/22	3	7,8,9,10	X.NGU OI CB B												DHCQ 16
												7,8,9,10	X.NGU OI CB B										DHCQ 16
														7,8,9,10	X.NGU OI CB B								DHCQ 16
																7,8,9,10	X.NGU OI CB B						DHCQ 16
																	7,8,9,10	X.NGU OI CB B					DHCQ 16
78	3DL201 DC	2	Gia công hỗ trợ trong sửa chữa ô tô(221)_12_TH	20	20	TH		21/03-10/04/22	3	7,8,9,10	X.NGU OI CB D												DHCQ 16
												7,8,9,10	X.NGU OI CB D										DHCQ 16
														7,8,9,10	X.NGU OI CB D								DHCQ 16
																7,8,9,10	X.NGU OI CB D						DHCQ 16
																	7,8,9,10	X.NGU OI CB D					DHCQ 16
79	3DL201 DC	2	Gia công hỗ trợ trong sửa chữa ô tô(221)_13_TH	20	20	TH		21/03-10/04/22	3	7,8,9,10	X.NGU OI CB C												DHCQ 16
												7,8,9,10	X.NGU OI CB C										DHCQ 16
														7,8,9,10	X.NGU OI CB C								DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
																7,8,9,10	X.NGU OI CB C						DHCQ 16
																		7,8,9,10	X.NGU OI CB C				DHCQ 16
80	3DL201 DC	2	Gia công hỗ trợ trong sửa chữa ô tô(221)_14_TH	20	20	TH		21/03-10/04/22	3	7,8,9,10	X.NGU OI CB A												DHCQ 16
												7,8,9,10	X.NGU OI CB A										DHCQ 16
														7,8,9,10	X.NGU OI CB A								DHCQ 16
																7,8,9,10	X.NGU OI CB A						DHCQ 16
																		7,8,9,10	X.NGU OI CB A				DHCQ 16
81	3DL201 DC	2	Gia công hỗ trợ trong sửa chữa ô tô(221)_15_TH	20	24	TH		11/04-01/05/22	3	7,8,9,10	X.NGU OI CB A												DHCQ 16
												7,8,9,10	X.NGU OI CB A										DHCQ 16
														7,8,9,10	X.NGU OI CB A								DHCQ 16
																7,8,9,10	X.NGU OI CB A						DHCQ 16
																		7,8,9,10	X.NGU OI CB A				DHCQ 16
82	3DL201 DC	2	Gia công hỗ trợ trong sửa chữa ô tô(221)_16_TH	20	23	TH		11/04-01/05/22	3	7,8,9,10	X.NGU OI CB B												DHCQ 16
												7,8,9,10	X.NGU OI CB B										DHCQ 16
														7,8,9,10	X.NGU OI CB B								DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
																7,8,9,10	X.NGU OI CB B						DHCQ 16
																		7,8,9,10	X.NGU OI CB B				DHCQ 16
83	3DL201 DC	2	Gia công hỗ trợ trong sửa chữa ô tô(221)_17_TH	20	21	TH		11/04-01/05/22	3	7,8,9,10	X.NGU OI CB C												DHCQ 16
												7,8,9,10	X.NGU OI CB C										DHCQ 16
														7,8,9,10	X.NGU OI CB C								DHCQ 16
																7,8,9,10	X.NGU OI CB C						DHCQ 16
																		7,8,9,10	X.NGU OI CB C				DHCQ 16
84	3DL201 DC	2	Gia công hỗ trợ trong sửa chữa ô tô(221)_18_TH	20	23	TH		11/04-01/05/22	3	7,8,9,10	X.NGU OI CB D												DHCQ 16
												7,8,9,10	X.NGU OI CB D										DHCQ 16
														7,8,9,10	X.NGU OI CB D								DHCQ 16
																7,8,9,10	X.NGU OI CB D						DHCQ 16
																		7,8,9,10	X.NGU OI CB D				DHCQ 16
85	3DL201 DC	2	Gia công hỗ trợ trong sửa chữa ô tô(221)_19_TH	20	16	TH		02/05-22/05/22	3	7,8,9,10	X.NGU OI CB C												DHCQ 16
												7,8,9,10	X.NGU OI CB C										DHCQ 16
														7,8,9,10	X.NGU OI CB C								DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
																7,8,9,10	X.NGU OI CB C						DHCQ 16
																		7,8,9,10	X.NGU OI CB C				DHCQ 16
86	3DL201 DC	2	Gia công hỗ trợ trong sửa chữa ô tô(221)_20_TH	20	15	TH		02/05-22/05/22	3	7,8,9,10	X.NGU OI CB D												DHCQ 16
												7,8,9,10	X.NGU OI CB D										DHCQ 16
														7,8,9,10	X.NGU OI CB D								DHCQ 16
																7,8,9,10	X.NGU OI CB D						DHCQ 16
																		7,8,9,10	X.NGU OI CB D				DHCQ 16
87	3DL201 DC	2	Gia công hỗ trợ trong sửa chữa ô tô(221)_21_TH	20	16	TH		02/05-22/05/22	3	7,8,9,10	X.NGU OI CB A												DHCQ 16
												7,8,9,10	X.NGU OI CB A										DHCQ 16
														7,8,9,10	X.NGU OI CB A								DHCQ 16
																7,8,9,10	X.NGU OI CB A						DHCQ 16
																		7,8,9,10	X.NGU OI CB A				DHCQ 16
88	3DL201 DC	2	Gia công hỗ trợ trong sửa chữa ô tô(221)_22_TH	20	24	TH		23/05-12/06/22	3	7,8,9,10	X.NGU OI CB B												DHCQ 16
												7,8,9,10	X.NGU OI CB B										DHCQ 16
														7,8,9,10	X.NGU OI CB B								DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
																7,8,9,10	X.NGU OI CB B						DHCQ 16
																		7,8,9,10	X.NGU OI CB B				DHCQ 16
89	3DL118 DH	2	Hệ thống điện động cơ(221)_01	50	56	LT	Nguyễn VănĐại	03/01-23/01/22	3									7,8	A2.409 (QPMC)			DHOTOCK14A 2	DHCQ 14
							Nguyễn VănĐại	14/02-15/05/22	13									7,8	A2.409 (QPMC)				DHCQ 14
90	3DL118 DH	2	Hệ thống điện động cơ(221)_02/DHOTOCK14A 1	50	59	LT	Nguyễn VănĐại	03/01-23/01/22	3							7,8	A2.409 (QPMC)					DHOTOCK14A 1	DHCQ 14
							Nguyễn VănĐại	14/02-15/05/22	13							7,8	A2.409 (QPMC)						DHCQ 14
91	3DL118 DH	2	Hệ thống điện động cơ(221)_03/DHOTOCK14A 3	50	46	LT	Dương Xuân Mỹ	03/01-23/01/22	3											1,2	A2.107	DHOTOCK14A 3	DHCQ 14
							Dương Xuân Mỹ	14/02-15/05/22	13											1,2	A2.107		DHCQ 14
92	3DL118 DH	2	Hệ thống điện động cơ(221)_04/DHOTOCK14A 4	50	33	LT	Dương Xuân Mỹ	03/01-23/01/22	3											3,4	A2.107	DHOTOCK14A 4	DHCQ 14
							Dương Xuân Mỹ	14/02-15/05/22	13											3,4	A2.107		DHCQ 14
93	3DL118 DH	2	Hệ thống điện động cơ(221)_05/DHOTOCK14A 5	50	51	LT	Nguyễn Hữu Chỉnh	03/01-23/01/22	3									3,4	A2.411			DHOTOCK14A 5	DHCQ 14
							Nguyễn Hữu Chỉnh	14/02-15/05/22	13									3,4	A2.411				DHCQ 14
94	3DL119 DH	2	Hệ thống điện thân xe(221)_01	50	58	LT	Nguyễn VănĐại	03/01-23/01/22	3			9,10	A2.410 (QPMC)									DHOTOCK14A 2	DHCQ 14
							Nguyễn VănĐại	14/02-15/05/22	13			9,10	A2.410 (QPMC)										DHCQ 14
95	3DL119 DH	2	Hệ thống điện thân xe(221)_02/DHOTOCK14A 1	50	57	LT	Nguyễn VănĐại	03/01-23/01/22	3					7,8	A2.409 (QPMC)							DHOTOCK14A 1	DHCQ 14
							Nguyễn VănĐại	14/02-15/05/22	13					7,8	A2.409 (QPMC)								DHCQ 14
96	3DL119	2	Hệ thống điện thân xe(221)_03/DHOTOCK14A	50	48	LT	Nguyễn VănĐại	03/01-23/01/22	3					1,2	A2.107							DHOTOCK14A	DHCQ 14

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
96	DH	2	Hệ thống điện thân xe(221)_03/DHOTOCK14A3	50	48	LT	Nguyễn VănĐại	14/02-15/05/22	13					1,2	A2.107							3	DHCQ14
97	3DL119 DH	2	Hệ thống điện thân xe(221)_04/DHOTOCK14A4	50	36	LT	Nguyễn VănĐại	03/01-23/01/22	3					3,4	A2.210							DHOTOCK14A4	DHCQ14
							Nguyễn VănĐại	14/02-15/05/22	13					3,4	A2.210								DHCQ14
98	3DL119 DH	2	Hệ thống điện thân xe(221)_05/DHOTOCK14A5	50	50	LT	Nguyễn VănĐại	03/01-23/01/22	3								1,2	A2.411				DHOTOCK14A5	DHCQ14
							Nguyễn VănĐại	14/02-15/05/22	13								1,2	A2.411					DHCQ14
99	3DL120 DH	2	Hệ thống điều khiển động cơ(221)_01	50	61	LT	Nguyễn VănĐại	03/01-23/01/22	3			7,8	A2.410 (QPMC)									DHOTOCK14A2	DHCQ14
							Nguyễn VănĐại	14/02-15/05/22	13			7,8	A2.410 (QPMC)										DHCQ14
100	3DL120 DH	2	Hệ thống điều khiển động cơ(221)_02/DHOTOCK14A1	50	63	LT	Nguyễn VănĐại	03/01-23/01/22	3					9,10	A2.409 (QPMC)							DHOTOCK14A1	DHCQ14
							Nguyễn VănĐại	14/02-15/05/22	13					9,10	A2.409 (QPMC)								DHCQ14
101	3DL120 DH	2	Hệ thống điều khiển động cơ(221)_03/DHOTOCK14A3	50	44	LT	Nguyễn VănĐại	03/01-23/01/22	3							1,2	A2.210					DHOTOCK14A3	DHCQ14
							Nguyễn VănĐại	14/02-15/05/22	13							1,2	A2.210						DHCQ14
102	3DL120 DH	2	Hệ thống điều khiển động cơ(221)_04/DHOTOCK14A4	50	47	LT	Nguyễn VănĐại	03/01-23/01/22	3			1,2	A2.411									DHOTOCK14A4	DHCQ14
							Nguyễn VănĐại	14/02-15/05/22	13			1,2	A2.411										DHCQ14
103	3DL120 DH	2	Hệ thống điều khiển động cơ(221)_05/DHOTOCK14A5	50	44	LT	Nguyễn VănĐại	03/01-23/01/22	3							3,4	A2.410 (QPMC)					DHOTOCK14A5	DHCQ14
							Nguyễn VănĐại	14/02-15/05/22	13							3,4	A2.410 (QPMC)						DHCQ14
104	3DL123 DH	2	Hộp số tự động(221)_01	48	51	LT	Nguyễn VănĐại	20/12-23/01/22	5	7,8	A2.107											DHOTOCK15A1	DHCQ15
							Nguyễn VănĐại	14/02-01/05/22	11	7,8	A2.107												DHCQ15
105	3DL123 DH	2	Hộp số tự động(221)_02	48	49	LT	Nguyễn VănĐại	20/12-23/01/22	5								9,10	A2.203				DHOTOCK15A2	DHCQ15
							Nguyễn VănĐại	14/02-01/05/22	11								9,10	A2.203					DHCQ15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
106	3DL123 DH	2	Hộp số tự động(221)_03	48	28	LT	Nguyễn VănĐại	20/12-23/01/22	5									4,5	A2.107			DHOTOCK15A 3	DHCQ 15
							Nguyễn VănĐại	14/02-01/05/22	11									4,5	A2.107				DHCQ 15
107	3DL123 DH	2	Hộp số tự động(221)_04	48	46	LT	Nguyễn VănĐại	20/12-23/01/22	5	4,5	A2.203											DHOTOCK15A 4	DHCQ 15
							Nguyễn VănĐại	14/02-01/05/22	11	4,5	A2.203												DHCQ 15
108	3DL123 DH	2	Hộp số tự động(221)_05	48	40	LT	Nguyễn VănĐại	20/12-23/01/22	5	1,2	A2.203											DHOTOCK15A 5	DHCQ 15
							Nguyễn VănĐại	14/02-01/05/22	11	1,2	A2.203												DHCQ 15
109	3DL123 DH	2	Hộp số tự động(221)_06	48	44	LT	Nguyễn VănĐại	20/12-23/01/22	5							9,10	A2.203					DHOTOCK15A 6	DHCQ 15
							Nguyễn VănĐại	14/02-01/05/22	11							9,10	A2.203						DHCQ 15
110	3DL123 DH	2	Hộp số tự động(221)_07	48	46	LT	Nguyễn VănĐại	20/12-23/01/22	5			3,4	A2.210									DHOTOCK15A 7	DHCQ 15
							Nguyễn VănĐại	14/02-01/05/22	11			3,4	A2.210										DHCQ 15
111	3DL123 DH	2	Hộp số tự động(221)_08	48	51	LT	Nguyễn VănĐại	20/12-23/01/22	5	10,11	A2.107											DHOTOCK15A 8	DHCQ 15
							Nguyễn VănĐại	14/02-01/05/22	11	10,11	A2.107												DHCQ 15
112	3DL111 DH	3	Kết cấu động cơ đốt trong(221)_01	48	52	LT	Nguyễn Hữu Chính	20/12-23/01/22	5			9,10,11	A2.107									DHOTOCK15A 1	DHCQ 15
							Nguyễn Hữu Chính	14/02-01/05/22	11			9,10,11	A2.107										DHCQ 15
113	3DL111 DH	3	Kết cấu động cơ đốt trong(221)_02	48	49	LT	Nguyễn Hữu Chính	20/12-23/01/22	5							7,8,9	A2.107					DHOTOCK15A 2	DHCQ 15
							Nguyễn Hữu Chính	14/02-01/05/22	11							7,8,9	A2.107						DHCQ 15
114	3DL111 DH	3	Kết cấu động cơ đốt trong(221)_03	48	30	LT	Nguyễn Hữu Chính	20/12-23/01/22	5	1,2,3	A2.107											DHOTOCK15A 3	DHCQ 15
							Nguyễn Hữu Chính	14/02-01/05/22	11	1,2,3	A2.107												DHCQ 15
115	3DL111 DH	3	Kết cấu động cơ đốt trong(221)_04	48	53	LT	Nguyễn Hữu Chính	20/12-23/01/22	5			3,4,5	A2.203									DHOTOCK15A 4	DHCQ 15
							Nguyễn Hữu Chính	14/02-01/05/22	11			3,4,5	A2.203										DHCQ 15
116	3DL111 DH	3	Kết cấu động cơ đốt trong(221)_05	48	55	LT	Nguyễn Hữu Chính	20/12-23/01/22	5							1,2,3	A2.107					DHOTOCK15A 5	DHCQ 15
							Nguyễn Hữu Chính	14/02-01/05/22	11							1,2,3	A2.107						DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
117	3DL111 DH	3	Kết cấu động cơ đốt trong(221)_06	48	56	LT	Nguyễn Hữu Chinh	20/12-23/01/22	5									7,8,9	A2.210			DHOTOCK15A 6	DHCQ 15
							Nguyễn Hữu Chinh	14/02-01/05/22	11									7,8,9	A2.210				DHCQ 15
118	3DL111 DH	3	Kết cấu động cơ đốt trong(221)_07	48	32	LT	Nguyễn Hữu Chinh	20/12-23/01/22	5					1,2,3	A2.203							DHOTOCK15A 7	DHCQ 15
							Nguyễn Hữu Chinh	14/02-01/05/22	11					1,2,3	A2.203								DHCQ 15
119	3DL111 DH	3	Kết cấu động cơ đốt trong(221)_08	48	48	LT	Nguyễn Hữu Chinh	20/12-23/01/22	5	7,8,9	A2.210											DHOTOCK15A 8	DHCQ 15
							Nguyễn Hữu Chinh	14/02-01/05/22	11	7,8,9	A2.210												DHCQ 15
120	3DL130 DH	2	Kiểm định và chẩn đoán kỹ thuật Ôtô(221)_01	50	60	LT	Dương Xuân Mỹ	03/01-23/01/22	3	10,11	A2.409 (QPMC)											DHOTOCK14A 2	DHCQ 14
							Dương Xuân Mỹ	14/02-15/05/22	13	10,11	A2.409 (QPMC)												DHCQ 14
121	3DL130 DH	2	Kiểm định và chẩn đoán kỹ thuật Ôtô(221)_02/DHOTOCK14 A1	50	55	LT	Dương Xuân Mỹ	03/01-23/01/22	3			7,8	A2.409 (QPMC)									DHOTOCK14A 1	DHCQ 14
							Dương Xuân Mỹ	14/02-15/05/22	13			7,8	A2.409 (QPMC)										DHCQ 14
122	3DL130 DH	2	Kiểm định và chẩn đoán kỹ thuật Ôtô(221)_03/DHOTOCK14 A3	50	47	LT	Dương Xuân Mỹ	03/01-23/01/22	3									4,5	A2.409 (QPMC)			DHOTOCK14A 3	DHCQ 14
							Dương Xuân Mỹ	14/02-15/05/22	13									4,5	A2.409 (QPMC)				DHCQ 14
123	3DL130 DH	2	Kiểm định và chẩn đoán kỹ thuật Ôtô(221)_04/DHOTOCK14 A4	50	60	LT	Dương Xuân Mỹ	03/01-23/01/22	3			3,4	A2.403									DHOTOCK14A 4	DHCQ 14
							Dương Xuân Mỹ	14/02-15/05/22	13			3,4	A2.403										DHCQ 14
124	3DL130 DH	2	Kiểm định và chẩn đoán kỹ thuật Ôtô(221)_05/DHOTOCK14 A5	50	33	LT	Dương Xuân Mỹ	03/01-23/01/22	3	4,5	A2.410 (QPMC)											DHOTOCK14A 5	DHCQ 14
							Dương Xuân Mỹ	14/02-15/05/22	13	4,5	A2.410 (QPMC)												DHCQ 14
125	3DL114 DH	3	Lý thuyết ô tô(221)_01	48	51	LT	Nguyễn Ngọc Tú	20/12-23/01/22	5									7,8,9	A2.107			DHOTOCK15A 1	DHCQ 15
							Nguyễn Ngọc Tú	14/02-01/05/22	11									7,8,9	A2.107				DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
126	3DL114 DH	3	Lý thuyết ô tô(221)_02	48	49	LT	Nguyễn Ngọc Tú	20/12-23/01/22	5			7,8,9	A2.203									DHOTOCK15A 2	DHCQ 15
							Nguyễn Ngọc Tú	14/02-01/05/22	11			7,8,9	A2.203										DHCQ 15
127	3DL114 DH	3	Lý thuyết ô tô(221)_03	48	36	LT	Nguyễn Ngọc Tú	20/12-23/01/22	5			3,4,5	A2.107									DHOTOCK15A 3	DHCQ 15
							Nguyễn Ngọc Tú	14/02-01/05/22	11			3,4,5	A2.107										DHCQ 15
128	3DL114 DH	3	Lý thuyết ô tô(221)_04	48	48	LT	Nguyễn Ngọc Tú	20/12-23/01/22	5					3,4,5	A2.107							DHOTOCK15A 4	DHCQ 15
							Nguyễn Ngọc Tú	14/02-01/05/22	11					3,4,5	A2.107								DHCQ 15
129	3DL114 DH	3	Lý thuyết ô tô(221)_05	48	56	LT	Nguyễn Ngọc Tú	20/12-23/01/22	5	3,4,5	A2.210											DHOTOCK15A 5	DHCQ 15
							Nguyễn Ngọc Tú	14/02-01/05/22	11	3,4,5	A2.210												DHCQ 15
130	3DL114 DH	3	Lý thuyết ô tô(221)_06	48	49	LT	Nguyễn Ngọc Tú	20/12-23/01/22	5	7,8,9	A2.203											DHOTOCK15A 6	DHCQ 15
							Nguyễn Ngọc Tú	14/02-01/05/22	11	7,8,9	A2.203												DHCQ 15
131	3DL114 DH	3	Lý thuyết ô tô(221)_07	48	33	LT	Nguyễn Ngọc Tú	20/12-23/01/22	5								3,4,5	A2.203				DHOTOCK15A 7	DHCQ 15
							Nguyễn Ngọc Tú	14/02-01/05/22	11								3,4,5	A2.203					DHCQ 15
132	3DL114 DH	3	Lý thuyết ô tô(221)_08	48	52	LT	Nguyễn Ngọc Tú	20/12-23/01/22	5					7,8,9	A2.203							DHOTOCK15A 8	DHCQ 15
							Nguyễn Ngọc Tú	14/02-01/05/22	11					7,8,9	A2.203								DHCQ 15
133	3DL144 DH	2	Ma sát – mài mòn - bôi trơn (+ thí nghiệm)(221)_01	48	49	LT	Phạm Minh Tâm	03/01-23/01/22	3							7,8	A2.403					DHKCKCK14A 1	DHCQ 14
							Phạm Minh Tâm	14/02-15/05/22	13							7,8	A2.403						DHCQ 14
134	3DL142 DH	3	Máy công cụ(221)_01/DHKCKCK15A 1	32	34	LT	Nguyễn Thanh Bình	20/12-23/01/22	5								1,2,3	A2.102				DHKCKCK15A 1	DHCQ 15
							Nguyễn Thanh Bình	14/02-01/05/22	11								1,2,3	A2.102					DHCQ 15
135	3DL142 DH	3	Máy công cụ(221)_02/DHKCKCK15A 2	35	34	LT	Nguyễn Thanh Bình	20/12-23/01/22	5								9,10,11	A2.102				DHKCKCK15A 2	DHCQ 15
							Nguyễn Thanh Bình	14/02-01/05/22	11								9,10,11	A2.102					DHCQ 15
136	3DL126 DH	2	Ô tô sử dụng năng lượng mới(221)_01	48	51	LT	Nguyễn Hữu Chính	20/12-23/01/22	5					10,11	A2.107							DHOTOCK15A 1	DHCQ 15
							Nguyễn Hữu Chính	14/02-01/05/22	11					10,11	A2.107								DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
137	3DL126 DH	2	Ô tô sử dụng năng lượng mới(221)_02	48	52	LT	Nguyễn Hữu Chính	20/12-23/01/22	5							10,11	A2.107					DHOTOCK15A 2	DHCQ 15
							Nguyễn Hữu Chính	14/02-01/05/22	11							10,11	A2.107						DHCQ 15
138	3DL126 DH	2	Ô tô sử dụng năng lượng mới(221)_03	48	30	LT	Nguyễn Hữu Chính	20/12-23/01/22	5	4,5	A2.107											DHOTOCK15A 3	DHCQ 15
							Nguyễn Hữu Chính	14/02-01/05/22	11	4,5	A2.107												DHCQ 15
139	3DL126 DH	2	Ô tô sử dụng năng lượng mới(221)_04	48	50	LT	Nguyễn Hữu Chính	20/12-23/01/22	5							4,5	A2.107					DHOTOCK15A 4	DHCQ 15
							Nguyễn Hữu Chính	14/02-01/05/22	11							4,5	A2.107						DHCQ 15
140	3DL126 DH	2	Ô tô sử dụng năng lượng mới(221)_05	48	38	LT	Nguyễn Hữu Chính	20/12-23/01/22	5					4,5	A2.203							DHOTOCK15A 5	DHCQ 15
							Nguyễn Hữu Chính	14/02-01/05/22	11					4,5	A2.203								DHCQ 15
141	3DL126 DH	2	Ô tô sử dụng năng lượng mới(221)_06	48	56	LT	Nguyễn Hữu Chính	20/12-23/01/22	5					7,8	A2.107							DHOTOCK15A 6	DHCQ 15
							Nguyễn Hữu Chính	14/02-01/05/22	11					7,8	A2.107								DHCQ 15
142	3DL126 DH	2	Ô tô sử dụng năng lượng mới(221)_07	48	49	LT	Nguyễn Hữu Chính	20/12-23/01/22	5			1,2	A2.107									DHOTOCK15A 7	DHCQ 15
							Nguyễn Hữu Chính	14/02-01/05/22	11			1,2	A2.107										DHCQ 15
143	3DL126 DH	2	Ô tô sử dụng năng lượng mới(221)_08	48	54	LT	Nguyễn Hữu Chính	20/12-23/01/22	5									10,11	A2.107			DHOTOCK15A 8	DHCQ 15
							Nguyễn Hữu Chính	14/02-01/05/22	11									10,11	A2.107				DHCQ 15
144	3DL218 DC	2	Sửa chữa máy có chuyển động chính là chuyển động quay(221)_01_TH	22	22	TH		13/06-03/07/22	3	1,2,3,4	X.SC.T BCK B											DHKCKCK14A 1	DHCQ 14
												1,2,3,4	X.SC.T BCK B										DHCQ 14
														1,2,3,4	X.SC.T BCK B								DHCQ 14
																1,2,3,4	X.SC.T BCK B						DHCQ 14
																		1,2,3,4	X.SC.T BCK B				DHCQ 14

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
145	3DL218 DC	2	Sửa chữa máy có chuyển động chính là chuyển động quay(221)_02_TH	22	22	TH		13/06-03/07/22	3	1,2,3,4	X.SC.T BCK A											DHCCK14A 1	DHCQ 14
												1,2,3,4	X.SC.T BCK A										DHCQ 14
														1,2,3,4	X.SC.T BCK A								DHCQ 14
																1,2,3,4	X.SC.T BCK A						DHCQ 14
																		1,2,3,4	X.SC.T BCK A				DHCQ 14
146	3DL116 DH	2	Thiết kế tính toán ô tô(221)_01	50	61	LT	Dương Xuân Mỹ	03/01-23/01/22	3									9,10	A2.409 (QPMC)			DHOTOCK14A 2	DHCQ 14
							Dương Xuân Mỹ	14/02-15/05/22	13									9,10	A2.409 (QPMC)				DHCQ 14
147	3DL116 DH	2	Thiết kế tính toán ô tô(221)_02/DHOTOCK14 A1	50	60	LT	Dương Xuân Mỹ	03/01-23/01/22	3			9,10	A2.409 (QPMC)									DHOTOCK14A 1	DHCQ 14
							Dương Xuân Mỹ	14/02-15/05/22	13			9,10	A2.409 (QPMC)										DHCQ 14
148	3DL116 DH	2	Thiết kế tính toán ô tô(221)_03/DHOTOCK14 A3	50	48	LT	Dương Xuân Mỹ	03/01-23/01/22	3			1,2	A2.210									DHOTOCK14A 3	DHCQ 14
							Dương Xuân Mỹ	14/02-15/05/22	13			1,2	A2.210										DHCQ 14
149	3DL116 DH	2	Thiết kế tính toán ô tô(221)_04/DHOTOCK14 A4	50	48	LT	Dương Xuân Mỹ	03/01-23/01/22	3									1,2	A2.107			DHOTOCK14A 4	DHCQ 14
							Dương Xuân Mỹ	14/02-15/05/22	13									1,2	A2.107				DHCQ 14
150	3DL116 DH	2	Thiết kế tính toán ô tô(221)_05/DHOTOCK14 A5	50	39	LT	Dương Xuân Mỹ	03/01-23/01/22	3							5,6	A2.411					DHOTOCK14A 5	DHCQ 14
							Dương Xuân Mỹ	14/02-15/05/22	13							5,6	A2.411						DHCQ 14
151	3DL151 DC	2	Thiết kế xưởng cơ khí(221)_01	45	44	LT	Trần Đình Hiếu	03/01-23/01/22	3			7,8	A2.210									DHCCK14A 1	DHCQ 14
							Trần Đình Hiếu	14/02-15/05/22	13			7,8	A2.210										DHCQ 14
										7,8,9,10													DHCQ 13

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
152	3DL202 DH	9	Thực tập sản xuất tại doanh nghiệp(221)_01_TH/DHKC KCK13Z	49	49	TH		18/12-30/01/22	4	1,2,3,4												DHCCKCK13Z	DHCQ 13
												7,8,9,10											DHCQ 13
												1,2,3,4											DHCQ 13
														1,2,3,4									DHCQ 13
														7,8,9,10									DHCQ 13
																1,2,3,4							DHCQ 13
																7,8,9,10							DHCQ 13
																		7,8,9,10					DHCQ 13
																		1,2,3,4					DHCQ 13
																							DHCQ 13
								14/02-20/03/22	5	7,8,9,10													DHCQ 13
										1,2,3,4													DHCQ 13
												7,8,9,10											DHCQ 13
												1,2,3,4											DHCQ 13
														1,2,3,4									DHCQ 13
														7,8,9,10									DHCQ 13
																1,2,3,4							DHCQ 13
																7,8,9,10							DHCQ 13
																		1,2,3,4					DHCQ 13
																				1,2,3,4			DHCQ 13
										7,8,9,10													DHCQ 13
										1,2,3,4													DHCQ 13
												7,8,9,10											DHCQ 13

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
153	3DL259 DH	9	Thực tập sản xuất tại doanh nghiệp(221)_01_TH_171	60	60	TH		13/12-30/01/22	7			1,2,3,4										DHOTOCK13A	DHCQ 13
														1,2,3,4									DHCQ 13
														7,8,9,10									DHCQ 13
																1,2,3,4							DHCQ 13
																7,8,9,10							DHCQ 13
																		7,8,9,10					DHCQ 13
																		1,2,3,4					DHCQ 13
																							DHCQ 13
							14/02-27/02/22	2		7,8,9,10													DHCQ 13
										1,2,3,4													DHCQ 13
												7,8,9,10											DHCQ 13
												1,2,3,4											DHCQ 13
														7,8,9,10									DHCQ 13
														1,2,3,4									DHCQ 13
																7,8,9,10							DHCQ 13
																		1,2,3,4					DHCQ 13
																1,2,3,4							DHCQ 13
																		7,8,9,10					DHCQ 13
																		1,2,3,4					DHCQ 13
								13/12-30/01/22	7	7,8,9,10													DHCQ 13
										1,2,3,4													DHCQ 13
												7,8,9,10											DHCQ 13
												1,2,3,4											DHCQ 13
														1,2,3,4									DHCQ 13
																							DHCQ 13

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
154	3DL259 DH	9	Thực tập sản xuất tại doanh nghiệp(221)_02_TH_150	60	43	TH		13/12-30/01/22	1					7,8,9,10								DHOTOCK13B	DHCQ 13
																1,2,3,4							DHCQ 13
																7,8,9,10							DHCQ 13
																		7,8,9,10					DHCQ 13
																		1,2,3,4					DHCQ 13
																							DHCQ 13
							14/02-27/02/22		2	7,8,9,10													DHCQ 13
										1,2,3,4													DHCQ 13
												1,2,3,4											DHCQ 13
												7,8,9,10											DHCQ 13
														1,2,3,4									DHCQ 13
														7,8,9,10									DHCQ 13
																1,2,3,4							DHCQ 13
																7,8,9,10							DHCQ 13
																		1,2,3,4					DHCQ 13
																		7,8,9,10					DHCQ 13
																							DHCQ 13
																							DHCQ 13
								13/12-30/01/22	7	7,8,9,10													DHCQ 13
										1,2,3,4													DHCQ 13
												1,2,3,4											DHCQ 13
												7,8,9,10											DHCQ 13
														7,8,9,10									DHCQ 13
																							DHCQ 13
														1,2,3,4									DHCQ 13
																7,8,9,10							DHCQ 13

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
155	3DL259 DH	9	Thực tập sản xuất tại doanh nghiệp(221)_03_TH/DHOT OCK13C	51	51	TH										1,2,3,4						DHOTOCK13C	DHCQ 13
																		7,8,9,1 0					DHCQ 13
																		1,2,3,4					DHCQ 13
										7,8,9,1 0													DHCQ 13
										1,2,3,4													DHCQ 13
												7,8,9,1 0											DHCQ 13
												1,2,3,4											DHCQ 13
														1,2,3,4									DHCQ 13
														7,8,9,1 0									DHCQ 13
																1,2,3,4							DHCQ 13
																7,8,9,1 0							DHCQ 13
																		7,8,9,1 0					DHCQ 13
																		1,2,3,4					DHCQ 13
																							DHCQ 13
																							DHCQ 13
																							DHCQ 13
										7,8,9,1 0													DHCQ 13
										1,2,3,4													DHCQ 13
												7,8,9,1 0											DHCQ 13
												1,2,3,4											DHCQ 13
														1,2,3,4									DHCQ 13
														7,8,9,1 0									DHCQ 13
																							DHCQ 13
																1,2,3,4							DHCQ 13
														7,8,9,1 0									DHCQ 13
																1,2,3,4							DHCQ 13
																7,8,9,1 0							DHCQ 13
																		7,8,9,1 0					DHCQ 13

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
156	3DL259 DH	9	Thực tập sản xuất tại doanh nghiệp(221)_04_TH	44	44	TH												1,2,3,4				DHOTOCK13D	DHCQ 13
								14/02-27/02/22	2	7,8,9,10													DHCQ 13
										1,2,3,4													DHCQ 13
												7,8,9,10											DHCQ 13
												1,2,3,4											DHCQ 13
														1,2,3,4									DHCQ 13
														7,8,9,10									DHCQ 13
																1,2,3,4							DHCQ 13
																							DHCQ 13
																7,8,9,10							DHCQ 13
																		7,8,9,10					DHCQ 13
																		1,2,3,4					DHCQ 13
157	3DL203 DH	9	Thực tập tốt nghiệp(221)_01_TH/DHKC KCK13Z	49	50	TH		21/03-22/05/22	9	7,8,9,10												DHKCKCK13Z	DHCQ 13
										1,2,3,4													DHCQ 13
												7,8,9,10											DHCQ 13
												1,2,3,4											DHCQ 13
														1,2,3,4									DHCQ 13
														7,8,9,10									DHCQ 13
																1,2,3,4							DHCQ 13
																		7,8,9,10					DHCQ 13
																							DHCQ 13
																		7,8,9,10					DHCQ 13
																		1,2,3,4					DHCQ 13
										7,8,9,10													DHCQ 13
																							DHCQ 13

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
158	3DL260 DH	9	Thực tập tốt nghiệp(221)_01_TH_1C5	60	57	TH		28/02-01/05/22	9	1,2,3,4												DHOTOCK13A	DHCQ 13
												7,8,9,10											DHCQ 13
												1,2,3,4											DHCQ 13
														1,2,3,4									DHCQ 13
														7,8,9,10									DHCQ 13
																							DHCQ 13
																1,2,3,4							DHCQ 13
																7,8,9,10							DHCQ 13
																		7,8,9,10					DHCQ 13
																		1,2,3,4					DHCQ 13
159	3DL260 DH	9	Thực tập tốt nghiệp(221)_02_TH_17D	60	45	TH		28/02-01/05/22	9	7,8,9,10												DHOTOCK13B	DHCQ 13
										1,2,3,4													DHCQ 13
												7,8,9,10											DHCQ 13
												1,2,3,4											DHCQ 13
														1,2,3,4									DHCQ 13
														7,8,9,10									DHCQ 13
																1,2,3,4							DHCQ 13
																7,8,9,10							DHCQ 13
																		7,8,9,10					DHCQ 13
																		1,2,3,4					DHCQ 13
										7,8,9,10													DHCQ 13
										1,2,3,4													DHCQ 13
												7,8,9,10											DHCQ 13

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
160	3DL260 DH	9	Thực tập tốt nghiệp(221)_03_TH/DHOT OCK13C	51	51	TH		28/02-01/05/22	9			1,2,3,4										DHOTOCK13C	DHCQ 13
														1,2,3,4									DHCQ 13
														7,8,9,10									DHCQ 13
																1,2,3,4							DHCQ 13
																7,8,9,10							DHCQ 13
																		7,8,9,10					DHCQ 13
																		1,2,3,4					DHCQ 13
																							DHCQ 13
161	3DL260 DH	9	Thực tập tốt nghiệp(221)_04_TH	44	44	TH		28/02-01/05/22	9	7,8,9,10												DHOTOCK13D	DHCQ 13
										1,2,3,4													DHCQ 13
												7,8,9,10											DHCQ 13
												1,2,3,4											DHCQ 13
														1,2,3,4									DHCQ 13
														7,8,9,10									DHCQ 13
																1,2,3,4							DHCQ 13
																7,8,9,10							DHCQ 13
																		7,8,9,10					DHCQ 13
																		1,2,3,4					DHCQ 13
1	3CK228 CD	2	Cắt- hàn khí(221)_01_TH	10	19	TH		25/04-15/05/22	3	7,8,9,10	X.HAI - GCAL2											CDHANCK47A 1	CDCQ 47
												7,8,9,10	X.HAI - GCAL2										CDCQ 47
														7,8,9,10	X.HAI - GCAL2								CDCQ 47
																7,8,9,10	X.HAI - GCAL2						CDCQ 47
																		7,8,9,10	X.HAI - GCAL2				CDCQ 47

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
2	3CK104 CD	2	Cơ học ứng dụng(221)_01/CDCTMCK47A1	36	33	LT	Nguyễn Chung	14/02-05/06/22	16							1,2	A2.403					Ghép: CDCTMCK47A1	CDCQ 47
3	3CK104 CD	2	Cơ học ứng dụng(221)_04/CDOTOCK47A1	50	44	LT	Nguyễn Chung	14/02-05/06/22	16							9,10	A2.209					CDOTOCK47A1	CDCQ 47
4	3CK104 CD	2	Cơ học ứng dụng(221)_05/CDOTOCK47A2	52	48	LT	Nguyễn Chung	14/02-05/06/22	16							3,4	A2.504					CDOTOCK47A2	CDCQ 47
5	3CK103 CD	2	Dùng sai lắp ghép và kỹ thuật đo lường(221)_02/CDCTMCK47A1	36	31	LT	Lưu Thủy Chung	14/02-05/06/22	16					1,2	A2.403							Ghép: CDCTMCK47A1	CDCQ 47
6	3CK103 CD	2	Dùng sai lắp ghép và kỹ thuật đo lường(221)_05/CDOTOCK47A1	50	44	LT	Lương Văn Chiến	14/02-05/06/22	16							7,8	A2.106					CDOTOCK47A1	CDCQ 47
7	3CK103 CD	2	Dùng sai lắp ghép và kỹ thuật đo lường(221)_06/CDOTOCK47A2	52	42	LT	Lương Văn Chiến	14/02-05/06/22	16							1,2	A2.504					CDOTOCK47A2	CDCQ 47
8	3CK232 CD	2	Hàn điện hồ quang tay nâng cao(221)_01_TH	15	12	TH		16/05-05/06/22	3	13,14,15,16	A.HAN - GCAL3											CDHANCK47Z (DOC)	CDCQ 47
												13,14,15,16	A.HAN - GCAL3										CDCQ 47
													13,14,15,16	A.HAN - GCAL3									CDCQ 47
																13,14,15,16	A.HAN - GCAL3						CDCQ 47
																		13,14,15,16	A.HAN - GCAL3				CDCQ 47
9	3CK108 CD	3	Kỹ thuật hàn(221)_01/CDHANCK47A1	9	10	LT	Kiều Anh Dũng	14/02-05/06/22	16							3,4,5	A2.403					CDHANCK47A1	CDCQ 47
10	3CK205 CD	2	Phay mặt phẳng(221)_01_TH	18	18	TH		28/03-17/04/22	3	7,8,9,10	X. Phay 3											CDCTMCK47A1	CDCQ 47
												7,8,9,10	X. Phay 3										CDCQ 47
														7,8,9,10	X. Phay 3								CDCQ 47
																7,8,9,10	X. Phay 3						CDCQ 47
																		7,8,9,10	X. Phay 3				CDCQ 47
										7,8,9,10													CDCQ 46
										1,2,3,4													CDCQ 46
												7,8,9,10											CDCQ 46
												1,2,3,4											CDCQ 46

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
11	3CK249 CD	10	Thực tập sản xuất tại doanh nghiệp(221)_01_TH	14	14	TH		14/03-22/05/22	10					1,2,3,4								CDHANCK46A 1	CDCQ 46
														7,8,9,10									CDCQ 46
																1,2,3,4							CDCQ 46
														7,8,9,10									CDCQ 46
																	7,8,9,10						CDCQ 46
																		7,8,9,10					CDCQ 46
																		1,2,3,4					CDCQ 46
12	3CK249 CD	10	Thực tập sản xuất tại doanh nghiệp(221)_02_TH	19	11	TH		14/03-22/05/22	10	7,8,9,10												CDCTMCK46A 1	CDCQ 46
										1,2,3,4													CDCQ 46
												7,8,9,10											CDCQ 46
												1,2,3,4											CDCQ 46
														1,2,3,4									CDCQ 46
														7,8,9,10									CDCQ 46
																1,2,3,4							CDCQ 46
																		7,8,9,10					CDCQ 46
																		1,2,3,4					CDCQ 46
																							CDCQ 46
																							CDCQ 46
13	3CK250	14	Thực tập tốt	14	14	TH		23/05-28/08/22	14	7,8,9,10												CDHANCK46A	CDCQ 46
										1,2,3,4													CDCQ 46
												7,8,9,10											CDCQ 46
												1,2,3,4											CDCQ 46
														1,2,3,4									CDCQ 46
																							CDCQ 46

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV ĐK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
13	CD	14	ngành(221)_01_TH	14	14	TH		23/05-28/08/22	14					7,8,9,10								1	CDCQ 46
																1,2,3,4						CDCQ 46	
															7,8,9,10							CDCQ 46	
																	7,8,9,10					CDCQ 46	
																	1,2,3,4					CDCQ 46	
14	3CK250 CD	14	Thực tập tốt nghiệp(221)_02_TH	19	13	TH		23/05-28/08/22	14	7,8,9,10												CDCTMCK46A 1	CDCQ 46
										1,2,3,4												CDCQ 46	
												7,8,9,10										CDCQ 46	
												1,2,3,4										CDCQ 46	
														1,2,3,4								CDCQ 46	
													7,8,9,10									CDCQ 46	
															1,2,3,4							CDCQ 46	
														7,8,9,10								CDCQ 46	
																	7,8,9,10					CDCQ 46	
																	1,2,3,4					CDCQ 46	
15	3CK102 CD	3	ve ky thua (co kni, o to)(221)_04/CDCTMCK47A	36	38	LT	Nguyễn Chung	14/02-05/06/22	16											1,2,3	A3.510	CDCTMCK47A 1	CDCQ 47
16	3CK102 CD	3	ve ky thua (co kni, o to)(221)_07/CDOTOCK47A	50	44	LT	Lương Văn Chiến	14/02-05/06/22	16	7,8,9	A2.106											CDOTOCK47A 1	CDCQ 47
17	3CK102 CD	3	ve ky thua (co kni, o to)(221)_08/CDOTOCK47A	52	40	LT	Lương Văn Chiến	14/02-05/06/22	16					3,4,5	A2.209							CDOTOCK47A 2	CDCQ 47
1	3CK129 DH	2	CAD/CAM/CNC(221)_01	53	50	LT	Lương Hải Chung	03/01-23/01/22	3							1,2	A2.103					DHCTMCK14A 1	DHCQ 14
							Lương Hải Chung	14/02-15/05/22	13							1,2	A2.103					DHCQ 14	
2	3CK129 DH	2	CAD/CAM/CNC(221)_02	50	53	LT	Lương Hải Chung	03/01-23/01/22	3									7,8	A2.108			DHCTMCK14A	DHCQ 14

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV ĐK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
2	DH	2	CAD/CAM/CNC(221)_02	50	55	LT	Lương Hải Chung	14/02-15/05/22	13									7,8	A2.108			2	DHCQ 14
3	3CK112 DH	2	Cơ lý thuyết(221)_01/DHCTMCK16A2	62	48	LT	Ngô Văn Giang	14/02-05/06/22	16	3,4	A3.510											DHCTMCK16A2	DHCQ 16
4	3CK112 DH	2	Cơ lý thuyết(221)_02/DHCTMCK16A1	62	48	LT	Lê Văn Sinh	14/02-05/06/22	16									9,10	A3.510			DHCTMCK16A1	DHCQ 16
5	3CK112 DH	2	Cơ lý thuyết(221)_03	55	50	LT	Phạm Minh Tâm	14/02-05/06/22	16									7,8	A3.408			DHOTOCK16A1	DHCQ 16
6	3CK112 DH	2	Cơ lý thuyết(221)_04	53	46	LT	Phạm Minh Tâm	14/02-05/06/22	16					3,4	A3.408							DHOTOCK16A10	DHCQ 16
7	3CK112 DH	2	Cơ lý thuyết(221)_05	55	48	LT	Phạm Minh Tâm	14/02-05/06/22	16			3,4	A3.408									DHOTOCK16A2	DHCQ 16
8	3CK112 DH	2	Cơ lý thuyết(221)_06	55	36	LT	Phạm Minh Tâm	14/02-05/06/22	16			7,8	A2.312									DHOTOCK16A3	DHCQ 16
9	3CK112 DH	2	Cơ lý thuyết(221)_07	55	51	LT	Phạm Minh Tâm	14/02-05/06/22	16							3,4	A3.409					DHOTOCK16A4	DHCQ 16
10	3CK112 DH	2	Cơ lý thuyết(221)_08	55	49	LT	Phạm Minh Tâm	14/02-05/06/22	16							9,10	A3.408					DHOTOCK16A5	DHCQ 16
11	3CK112 DH	2	Cơ lý thuyết(221)_09	56	46	LT	Phạm Minh Tâm	14/02-05/06/22	16					1,2	A3.410							DHOTOCK16A6	DHCQ 16
12	3CK112 DH	2	Cơ lý thuyết(221)_10	55	41	LT	Phạm Minh Tâm	14/02-05/06/22	16	9,10	A3.508											DHOTOCK16A7	DHCQ 16
13	3CK112 DH	2	Cơ lý thuyết(221)_11	55	55	LT	Phạm Minh Tâm	14/02-05/06/22	16			1,2	A3.508									DHOTOCK16A8	DHCQ 16
14	3CK112 DH	2	Cơ lý thuyết(221)_12	55	38	LT	Phạm Minh Tâm	14/02-05/06/22	16					7,8	A3.509							DHOTOCK16A9	DHCQ 16
15	3CK124 DH	3	Công nghệ chế tạo máy 2 + Đồ gá(221)_01	53	49	LT	Lê Thái Sơn	03/01-23/01/22	3	1,2,3	A2.401											DHCTMCK14A1	DHCQ 14
							Lê Thái Sơn	14/02-15/05/22	13	1,2,3	A2.403												DHCQ 14
16	3CK124 DH	3	Công nghệ chế tạo máy 2 + Đồ gá(221)_02	50	51	LT	Đậu Phi Hải	03/01-23/01/22	3			7,8,9	A2.106									DHCTMCK14A2	DHCQ 14
							Đậu Phi Hải	14/02-15/05/22	13			7,8,9	A2.106										DHCQ 14
17	3CK115 DH	2	Công nghệ kim loại(221)_01/DHCTMCK16A2	62	47	LT	Ngô Văn Giang	14/02-05/06/22	16									1,2	A3.510			DHCTMCK16A2	DHCQ 16
18	3CK115 DH	2	Công nghệ kim loại(221)_02/DHCTMCK16A1	62	47	LT	Ngô Văn Giang	14/02-05/06/22	16					9,10	A3.510							DHCTMCK16A1	DHCQ 16
19	3CK132	2	Công nghệ tạo mẫu	53	49	LT	Lương Hải Chung	03/01-23/01/22	3					1,2	A2.103							DHCTMCK14A	DHCQ 14

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
19	DH	2	nhanh(221)_01	55	49	LT	Lương Hải Chung	14/02-15/05/22	13					1,2	A2.103							1	DHCQ 14
20	3CK132 DH	2	Công nghệ tạo mẫu nhanh(221)_02	50	51	LT	Lương Hải Chung	03/01-23/01/22	3					7,8	A2.103							DHCTMCK14A	DHCQ 14
							Lương Hải Chung	14/02-15/05/22	13					7,8	A2.103							2	DHCQ 14
21	3CK132 DH	2	Công nghệ tạo mẫu nhanh(221)_03	48	36	LT	Nguyễn Bá Thuận	20/12-23/01/22	5								7,8	A2.101				DHCTMCK15A	DHCQ 15
							Nguyễn Bá Thuận	14/02-01/05/22	11								7,8	A2.101				1	DHCQ 15
22	3CK132 DH	2	Công nghệ tạo mẫu nhanh(221)_04	44	41	LT	Nguyễn Bá Thuận	20/12-23/01/22	5					1,2	A2.101							DHCTMCK15A	DHCQ 15
							Nguyễn Bá Thuận	14/02-01/05/22	11					1,2	A2.101							2	DHCQ 15
23	3CK132 DH	2	Công nghệ tạo mẫu nhanh(221)_05	44	46	LT	Nguyễn Bá Thuận	20/12-23/01/22	5							1,2	A2.106					DHCTMCK15A	DHCQ 15
							Nguyễn Bá Thuận	14/02-01/05/22	11							1,2	A2.106					3	DHCQ 15
24	3CK137 DH	2	Điều khiển thủy khí(221)_01	40	39	LT	Ngô Văn Giang	03/01-23/01/22	3							1,2	A2.310					DHDDTCK14(DCN)	DHCQ 14
							Ngô Văn Giang	14/02-15/05/22	13							1,2	A2.310						DHCQ 14
25	3CK137 DH	2	Điều khiển thủy khí(221)_02	38	38	LT	Ngô Văn Giang	03/01-23/01/22	3					7,8	A2.209							DHDDTCK14(DCN)2	DHCQ 14
							Ngô Văn Giang	14/02-15/05/22	13					7,8	A2.209								DHCQ 14
26	3CK125 DH	1	Đồ án công nghệ chế tạo máy(221)_01	53	52	DA	Lưu Thủy Chung	03/01-23/01/22	3			6	A2.103									DHCTMCK14A	DHCQ 14
							Lưu Thủy Chung	14/02-15/05/22	13			6	A2.103									1	DHCQ 14
27	3CK125 DH	1	Đồ án công nghệ chế tạo máy(221)_01_DA	36	34	DA		21/03-05/06/22	11	6												DHCTMCK13C	DHCQ 13
28	3CK125 DH	1	Đồ án công nghệ chế tạo máy(221)_02	50	47	DA	Lưu Thủy Chung	03/01-23/01/22	3			12	A2.103									DHCTMCK14A	DHCQ 14
							Lưu Thủy Chung	14/02-15/05/22	13			12	A2.103									2	DHCQ 14
29	3CK117 DH	1	Đồ án nguyên lý chi tiết máy(221)_01_DA	36	52	DA		21/03-05/06/22	11					6								DHCTMCK13C	DHCQ 13
30	3CK103 CD	2	Dụng sai lắp ghép và kỹ thuật đo lường(221)_01	43	34	LT	Lương Văn Chiến	14/02-05/06/22	16									3,4	A3.410			DHKCKCK16A	DHCQ 16
										1,2,3,4	X.HAN - GCAL1												DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
31	3CK201 CD	2	Gia công nguội - hàn cơ bản(221)_01_TH	18	18	TH		21/03-10/04/22	3			1,2,3,4	X.HAN - GCAL1									DHCTMCK16A1	DHCQ 16
														1,2,3,4	X.HAN - GCAL1								DHCQ 16
																1,2,3,4	X.HAN - GCAL1						DHCQ 16
																		1,2,3,4	X.HAN - GCAL1				DHCQ 16
32	3CK201 CD	2	Gia công nguội - hàn cơ bản(221)_02_TH	18	18	TH		21/03-10/04/22	3	1,2,3,4	X.HAN - GCAL2											DHCTMCK16A1	DHCQ 16
												1,2,3,4	X.HAN - GCAL2										DHCQ 16
														1,2,3,4	X.HAN - GCAL2								DHCQ 16
																1,2,3,4	X.HAN - GCAL2						DHCQ 16
																		1,2,3,4	X.HAN - GCAL2				DHCQ 16
										7,8,9,10	X.HAN - GCAL2												DHCQ 16
												7,8,9,10	X.HAN - GCAL2										DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
33	3CK201 CD	2	Gia công nguội - hàn cơ bản(221)_03_TH	18	19	TH		21/03-10/04/22	3					7,8,9,10	X.HAN - GCAL2							DHCTMCK16A2	DHCQ16
																7,8,9,10	X.HAN - GCAL2						DHCQ16
																		7,8,9,10	X.HAN - GCAL2				DHCQ16
34	3CK201 CD	2	Gia công nguội - hàn cơ bản(221)_04_TH	18	19	TH		04/04-24/04/22	3	7,8,9,10	X.HAN - GCAL1											DHCTMCK16A2	DHCQ16
												7,8,9,10	X.HAN - GCAL1										DHCQ16
														7,8,9,10	X.HAN - GCAL1								DHCQ16
																7,8,9,10	X.HAN - GCAL1						DHCQ16
35	3CK201 CD	2	Gia công nguội - hàn cơ bản(221)_05_TH	18	20	TH		04/04-24/04/22	3	13,14,15,16	X.HAN - GCAL4											DHCTMCK16A2	DHCQ16
												13,14,15,16	X.HAN - GCAL4										DHCQ16
														13,14,15,16	X.HAN - GCAL4								DHCQ16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
																13,14,15,16	X.HAN - GCAL4						DHCQ 16
																		13,14,15,16	X.HAN - GCAL4				DHCQ 16
36	3DL212 DC	2	Hàn cơ bản(221)_01_TH	17	19	TH		25/04-15/05/22	3	7,8,9,10	X.HAN - GCAL5												DHCQ 16
												7,8,9,10	X.HAN - GCAL5										DHCQ 16
														7,8,9,10	X.HAN - GCAL5								DHCQ 16
																7,8,9,10	X.HAN - GCAL5						DHCQ 16
																7,8,9,10	X.HAN - GCAL5						DHCQ 16
																		7,8,9,10	X.HAN - GCAL5				DHCQ 16
37	3DL212 DC	2	Hàn cơ bản(221)_02_TH	17	18	TH		16/05-05/06/22	3	7,8,9,10	X.HAN - GCAL5												DHCQ 16
												7,8,9,10	X.HAN - GCAL5										DHCQ 16
														7,8,9,10	X.HAN - GCAL5								DHCQ 16
																7,8,9,10	X.HAN - GCAL5						DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
																		7,8,9,10	X.HAN - GCAL5				DHCQ 16
38	3CK130 DH	2	Kỹ thuật đo lường cao(221)_01	53	47	LT	Lưu Thủy Chung	03/01-23/01/22	3									1,2	A2.103			DHCTMCK14A 1	DHCQ 14
							Lưu Thủy Chung	14/02-15/05/22	13									1,2	A2.103				DHCQ 14
39	3CK130 DH	2	Kỹ thuật đo lường cao(221)_02	50	51	LT	Lưu Thủy Chung	03/01-23/01/22	3							9,10	A2.103					DHCTMCK14A 2	DHCQ 14
							Lưu Thủy Chung	14/02-15/05/22	13							9,10	A2.103						DHCQ 14
40	3CK210 CD	3	Lập trình gia công trên máy CNC(221)_01_TH	17	16	TH		21/03-10/04/22	3	7,8,9,10,11	X.CNC											DHCTMCK14A 1	DHCQ 14
												7,8,9,10,11	X.CNC										DHCQ 14
														7,8,9,10,11	X.CNC								DHCQ 14
																7,8,9,10,11	X.CNC						DHCQ 14
																	7,8,9,10,11	X.CNC					DHCQ 14
																		7,8,9,10,11	X.CNC				DHCQ 14
41	3CK210 CD	3	Lập trình gia công trên máy CNC(221)_02_TH	17	18	TH		11/04-01/05/22	3	7,8,9,10,11	X.CNC											DHCTMCK14A 1	DHCQ 14
												7,8,9,10,11	X.CNC										DHCQ 14
														7,8,9,10,11	X.CNC								DHCQ 14
																7,8,9,10,11	X.CNC						DHCQ 14
																	7,8,9,10,11	X.CNC					DHCQ 14
																		7,8,9,10,11	X.CNC				DHCQ 14
42	3CK210 CD	3	Lập trình gia công trên máy CNC(221)_03_TH	17	16	TH		02/05-22/05/22	3	7,8,9,10,11	X.CNC											DHCTMCK14A 1	DHCQ 14
												7,8,9,10,11	X.CNC										DHCQ 14
														7,8,9,10,11	X.CNC								DHCQ 14
																7,8,9,10,11	X.CNC						DHCQ 14

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
																		7,8,9,10,11	X.CNC				DHCQ 14
																				7,8,9,10,11	X.CNC		DHCQ 14
43	3CK210 CD	3	Lập trình gia công trên máy CNC(221)_04_TH	18	0	TH	21/03-10/04/22	3	1,2,3,4,5	X.CNC													DHCQ 14
											1,2,3,4,5	X.CNC											DHCQ 14
													1,2,3,4,5	X.CNC									DHCQ 14
															1,2,3,4,5	X.CNC							DHCQ 14
																1,2,3,4,5	X.CNC						DHCQ 14
																	1,2,3,4,5	X.CNC					DHCQ 14
																		1,2,3,4,5	X.CNC				DHCQ 14
44	3CK210 CD	3	Lập trình gia công trên máy CNC(221)_05_TH	18	24	TH	11/04-01/05/22	3	1,2,3,4,5	X.CNC													DHCQ 14
											1,2,3,4,5	X.CNC											DHCQ 14
													1,2,3,4,5	X.CNC									DHCQ 14
															1,2,3,4,5	X.CNC							DHCQ 14
																1,2,3,4,5	X.CNC						DHCQ 14
																	1,2,3,4,5	X.CNC					DHCQ 14
																		1,2,3,4,5	X.CNC				DHCQ 14
45	3CK210 CD	3	Lập trình gia công trên máy CNC(221)_06_TH	18	24	TH	02/05-22/05/22	3	1,2,3,4,5	X.CNC													DHCQ 14
											1,2,3,4,5	X.CNC											DHCQ 14
													1,2,3,4,5	X.CNC									DHCQ 14
															1,2,3,4,5	X.CNC							DHCQ 14
																1,2,3,4,5	X.CNC						DHCQ 14
																	1,2,3,4,5	X.CNC					DHCQ 14
																		1,2,3,4,5	X.CNC				DHCQ 14
46	3CK122 DH	3	Nguyên lý cắt và dụng cụ cắt(221)_01_144	48	37	LT	Lê VănSinh	20/12-23/01/22	5					7,8,9	A2.101								DHCQ 15
							Lê VănSinh	14/02-01/05/22	11					7,8,9	A2.101								DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
47	3CK122 DH	3	Nguyên lý cắt và dụng cụ cắt(221)_02	44	43	LT	Nguyễn Bá Thuận	20/12-23/01/22	5			1,2,3	A2.101									DHCTMCK15A 2	DHCQ 15
							Nguyễn Bá Thuận	14/02-01/05/22	11			1,2,3	A2.101										DHCQ 15
48	3CK122 DH	3	Nguyên lý cắt và dụng cụ cắt(221)_03	44	45	LT	Lê Văn Sinh	20/12-23/01/22	5								1,2,3	A2.106				DHCTMCK15A 3	DHCQ 15
							Lê Văn Sinh	14/02-01/05/22	11								1,2,3	A2.106					DHCQ 15
49	3CK116 DH	3	Nguyên lý chi tiết máy(221)_01	48	52	LT	Trần Đình Hiếu	20/12-23/01/22	5					7,8,9	A2.108							DHOTOCK15A 1	DHCQ 15
							Trần Đình Hiếu	14/02-01/05/22	11					7,8,9	A2.108								DHCQ 15
50	3CK116 DH	3	Nguyên lý chi tiết máy(221)_01_18E	48	45	LT	Nguyễn Hữu Ngoạn	20/12-23/01/22	5	7,8,9	A2.101											DHCTMCK15A 1	DHCQ 15
							Nguyễn Hữu Ngoạn	14/02-01/05/22	11	7,8,9	A2.101												DHCQ 15
51	3CK116 DH	3	Nguyên lý chi tiết máy(221)_02	44	44	LT	Nguyễn Hữu Ngoạn	20/12-23/01/22	5							1,2,3	A2.101					DHCTMCK15A 2	DHCQ 15
							Nguyễn Hữu Ngoạn	14/02-01/05/22	11							1,2,3	A2.101						DHCQ 15
52	3CK116 DH	3	Nguyên lý chi tiết máy(221)_03	44	44	LT	Nguyễn Hữu Ngoạn	20/12-23/01/22	5	1,2,3	A2.106											DHCTMCK15A 3	DHCQ 15
							Nguyễn Hữu Ngoạn	14/02-01/05/22	11	1,2,3	A2.106												DHCQ 15
53	3CK116 DH	3	Nguyên lý chi tiết máy(221)_04	48	53	LT		20/12-23/01/22	5					10,11,1 2	A2.102							DHOTOCK15A 2	DHCQ 15
								14/02-01/05/22	11					10,11,1 2	A2.102								DHCQ 15
54	3CK116 DH	3	Nguyên lý chi tiết máy(221)_05	48	30	LT	Trần Đình Hiếu	20/12-23/01/22	5					1,2,3	A2.108							DHOTOCK15A 3	DHCQ 15
							Trần Đình Hiếu	14/02-01/05/22	11					1,2,3	A2.108								DHCQ 15
55	3CK116 DH	3	Nguyên lý chi tiết máy(221)_06	48	46	LT	Trần Đình Hiếu	20/12-23/01/22	5	1,2,3	A2.209											DHOTOCK15A 4	DHCQ 15
							Trần Đình Hiếu	14/02-01/05/22	11	1,2,3	A2.209												DHCQ 15
56	3CK116 DH	3	Nguyên lý chi tiết máy(221)_07	48	40	LT	Trần Đình Hiếu	20/12-23/01/22	5								1,2,3	A2.204				DHOTOCK15A 5	DHCQ 15
							Trần Đình Hiếu	14/02-01/05/22	11								1,2,3	A2.204					DHCQ 15
57	3CK116 DH	3	Nguyên lý chi tiết máy(221)_08	48	37	LT	Trần Đình Hiếu	20/12-23/01/22	5			9,10,11	A2.209									DHOTOCK15A 6	DHCQ 15
							Trần Đình Hiếu	14/02-01/05/22	11			9,10,11	A2.209										DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
58	3CK116 DH	3	Nguyên lý chi tiết máy(221)_09	48	29	LT	Trần Đình Hiếu	20/12-23/01/22	5							1,2,3	A2.204					DHOTOCK15A 7	DHCQ 15
							Trần Đình Hiếu	14/02-01/05/22	11							1,2,3	A2.204						DHCQ 15
59	3CK116 DH	3	Nguyên lý chi tiết máy(221)_10	48	44	LT	Trần Đình Hiếu	20/12-23/01/22	5							7,8,9	A2.211					DHOTOCK15A 8	DHCQ 15
							Trần Đình Hiếu	14/02-01/05/22	11							7,8,9	A2.211						DHCQ 15
60	3CK206 CD	3	Phay rãnh, bậc, rãnh then, rãnh đuôi én, xọc rãnh then(221)_01_TH	20	18	TH		21/03-10/04/22	3	1,2,3,4, 5	X.PHA Y1											DHCTMCK15A 1	DHCQ 15
												1,2,3,4, 5	X.PHA Y1										DHCQ 15
														1,2,3,4, 5	X.PHA Y1								DHCQ 15
																1,2,3,4, 5	X.PHA Y1						DHCQ 15
																		1,2,3,4, 5	X.PHA Y1				DHCQ 15
																				1,2,3, 4,5	X.PHA Y1		DHCQ 15
61	3CK206 CD	3	Phay rãnh, bậc, rãnh then, rãnh đuôi én, xọc rãnh then(221)_02_TH	20	17	TH		11/04-01/05/22	3	1,2,3,4, 5	X.PHA Y1											DHCTMCK15A 1	DHCQ 15
												1,2,3,4, 5	X.PHA Y1										DHCQ 15
														1,2,3,4, 5	X.PHA Y1								DHCQ 15
																1,2,3,4, 5	X.PHA Y1						DHCQ 15
																		1,2,3,4, 5	X.PHA Y1				DHCQ 15
																				1,2,3, 4,5	X.PHA Y1		DHCQ 15
62	3CK206 CD	3	Phay rãnh, bậc, rãnh then, rãnh đuôi én, xọc rãnh then(221)_03_TH	19	14	TH		28/03-24/04/22	4	13,14,1 5,16	X.PHA Y1											DHCTMCK15A 2	DHCQ 15
												13,14,1 5,16	X.PHA Y1										DHCQ 15
														13,14,1 5,16	X.PHA Y1								DHCQ 15
																13,14,1 5,16	X.PHA Y1						DHCQ 15
																		13,14,1 5,16	X.PHA Y1				DHCQ 15
										13,14,1 5,16	X.PHA Y1												DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
								25/04-01/05/22	1			13,14,15,16	X.PHA Y1										DHCQ 15
														13,14	X.PHA Y1								DHCQ 15
63	3CK206 CD	3	Phay rãnh, bậc, rãnh then, rãnh đuôi én, xọc rãnh then(221)_04_TH	19	19	TH		21/03-10/04/22	3	7,8,9,10,11	X.PHA Y2												DHCQ 15
												7,8,9,10,11	X.PHA Y2										DHCQ 15
														7,8,9,10,11	X.PHA Y2								DHCQ 15
																7,8,9,10,11	X.PHA Y2						DHCQ 15
																		7,8,9,10,11	X.PHA Y2				DHCQ 15
																				7,8,9,10,11	X.PHA Y2		DHCQ 15
																							DHCQ 15
64	3CK206 CD	3	Phay rãnh, bậc, rãnh then, rãnh đuôi én, xọc rãnh then(221)_05_TH	19	19	TH		21/03-10/04/22	3	7,8,9,10,11	X.PHA Y1												DHCQ 15
												7,8,9,10,11	X.PHA Y1										DHCQ 15
														7,8,9,10,11	X.PHA Y1								DHCQ 15
																7,8,9,10,11	X.PHA Y1						DHCQ 15
																		7,8,9,10,11	X.PHA Y1				DHCQ 15
																				7,8,9,10,11	X.PHA Y1		DHCQ 15
																							DHCQ 15
65	3CK206 CD	3	Phay rãnh, bậc, rãnh then, rãnh đuôi én, xọc rãnh then(221)_06_TH	18	18	TH		11/04-01/05/22	3	7,8,9,10,11	X.PHA Y1												DHCQ 15
												7,8,9,10,11	X.PHA Y1										DHCQ 15
														7,8,9,10,11	X.PHA Y1								DHCQ 15
																7,8,9,10,11	X.PHA Y1						DHCQ 15
																		7,8,9,10,11	X.PHA Y1				DHCQ 15
																				7,8,9,10,11	X.PHA Y1		DHCQ 15
																							DHCQ 15
										7,8,9,10,11	X.PHA Y2												DHCQ 15
												7,8,9,10,11	X.PHA Y2										DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
66	3CK206 CD	3	Phay rãnh, bậc, rãnh then, rãnh đuôi én, xọc rãnh then(221)_07_TH	18	15	TH		11/04-01/05/22	3					7,8,9,10,11	X.PHA Y2							DHCTMCK15A3	DHCQ15
																7,8,9,10,11	X.PHA Y2						DHCQ15
																		7,8,9,10,11	X.PHA Y2				DHCQ15
																				7,8,9,10,11	X.PHA Y2		DHCQ15
67	3CK113 DH	3	Sức bền vật liệu (+Thí nghiệm)(221)_01/DHKCKC K15A1	32	41	LT	Lê VănSinh	20/12-23/01/22	5					1,2,3	A2.309							DHKCKCK15A1	DHCQ15
							Lê VănSinh	14/02-01/05/22	11					1,2,3	A2.309								DHCQ15
68	3CK113 DH	3	Sức bền vật liệu (+Thí nghiệm)(221)_02/DHKCKC K15A2	35	37	LT	Nguyễn Chung	20/12-23/01/22	5					7,8,9	A2.404							DHKCKCK15A2	DHCQ15
							Nguyễn Chung	14/02-01/05/22	11					7,8,9	A2.404								DHCQ15
69	3CK118 DH	1	Thí nghiệm vật liệu cơ khí(221)_01_TH	25	25	TH		16/05-22/05/22	1	7,8,9,10	TN.SU CBEN											DHCTMCK16A2	DHCQ16
												7,8,9,10	TN.SU CBEN										DHCQ16
														7,8,9,10	TN.SU CBEN								DHCQ16
																7,8,9,10	TN.SU CBEN						DHCQ16
								23/05-29/05/22	1														DHCQ16
										7,8,9,10	TN.SU CBEN												DHCQ16
												7,8,9,10	TN.SU CBEN										DHCQ16
														7,8	TN.SU CBEN								DHCQ16
70	3CK118 DH	1	Thí nghiệm vật liệu cơ khí(221)_01_TN	25	24	TN		16/05-22/05/22	1	1,2,3,4	TN.SU CBEN											DHCTMCK16A1	DHCQ16
												1,2,3,4	TN.SU CBEN										DHCQ16
														1,2,3,4	TN.SU CBEN								DHCQ16
																1,2,3,4	TN.SU CBEN						DHCQ16
																	1,2,3,4	TN.SU CBEN					DHCQ16
										1,2,3,4	TN.SU CBEN												DHCQ16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
								23/05-29/05/22	1			1,2,3,4	TN.SU CBEN										DHCQ 16
														1,2	TN.SU CBEN								DHCQ 16
								23/05-29/05/22	1					9,10	TN.SU CBEN								DHCQ 16
																7,8,9,1 0	TN.SU CBEN						DHCQ 16
																		7,8,9,1 0	TN.SU CBEN				DHCQ 16
71	3CK118 DH	1	Thí nghiệm vật liệu cơ khí(221)_02_TH	25	25	TH				7,8,9,1 0	TN.SU CBEN											DHCTMCK16A 2	DHCQ 16
												7,8,9,1 0	TN.SU CBEN										DHCQ 16
								30/05-05/06/22	1					7,8,9,1 0	TN.SU CBEN								DHCQ 16
																7,8,9,1 0	TN.SU CBEN						DHCQ 16
																		7,8,9,1 0	TN.SU CBEN				DHCQ 16
								23/05-29/05/22	1					3,4	TN.SU CBEN								DHCQ 16
																1,2,3,4	TN.SU CBEN						DHCQ 16
																		1,2,3,4	TN.SU CBEN				DHCQ 16
72	3CK118 DH	1	Thí nghiệm vật liệu cơ khí(221)_02_TN	25	25	TN				1,2,3,4	TN.SU CBEN											DHCTMCK16A 1	DHCQ 16
												1,2,3,4	TN.SU CBEN										DHCQ 16
								30/05-05/06/22	1					1,2,3,4	TN.SU CBEN								DHCQ 16
																1,2,3,4	TN.SU CBEN						DHCQ 16
																		1,2,3,4	TN.SU CBEN				DHCQ 16
										1,2,3,4													DHCQ 13
										7,8,9,1 0													DHCQ 13
												1,2,3,4											DHCQ 13
												7,8,9,1 0											DHCQ 13

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa			
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học					
73	3CK256 DH	9	Thực tập sản xuất tại doanh nghiệp(221)_01_TH/DHCT MCK13A	48	36	TH		13/12-30/01/22	7					7,8,9,10								DHCTMCK13A	DHCQ 13			
													1,2,3,4												DHCQ 13	
															7,8,9,10										DHCQ 13	
															1,2,3,4										DHCQ 13	
																			1,2,3,4						DHCQ 13	
																			7,8,9,10						DHCQ 13	
																									DHCQ 13	
								14/02-27/02/22	2	1,2,3,4																DHCQ 13
							7,8,9,10																	DHCQ 13		
											1,2,3,4													DHCQ 13		
											7,8,9,10													DHCQ 13		
													7,8,9,10											DHCQ 13		
													1,2,3,4											DHCQ 13		
															7,8,9,10										DHCQ 13	
										7,8,9,10						DHCQ 13										
													1,2,3,4				DHCQ 13									
													7,8,9,10				DHCQ 13									
								03/01-30/01/22	4	7,8,9,10												DHCQ 13				
							1,2,3,4															DHCQ 13				
											7,8,9,10											DHCQ 13				
											1,2,3,4											DHCQ 13				
													1,2,3,4									DHCQ 13				
													7,8,9,10									DHCQ 13				
																						DHCQ 13				

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
74	3CK256 DH	9	Thực tập sản xuất tại doanh nghiệp(221)_02_TH/DHCT MCK13B	48	48	TH										1,2,3,4						DHCTMCK13B	DHCQ 13
																7,8,9,10							DHCQ 13
																	7,8,9,10						DHCQ 13
																	1,2,3,4						DHCQ 13
								14/02-20/03/22	5	7,8,9,10													DHCQ 13
										1,2,3,4													DHCQ 13
												7,8,9,10											DHCQ 13
												1,2,3,4											DHCQ 13
														1,2,3,4									DHCQ 13
														7,8,9,10									DHCQ 13
																1,2,3,4							DHCQ 13
																7,8,9,10							DHCQ 13
																	7,8,9,10						DHCQ 13
																	1,2,3,4						DHCQ 13
								03/01-30/01/22	4	7,8,9,10													DHCQ 13
										1,2,3,4													DHCQ 13
												7,8,9,10											DHCQ 13
												1,2,3,4											DHCQ 13
														1,2,3,4									DHCQ 13
														7,8,9,10									DHCQ 13
																1,2,3,4							DHCQ 13
																							DHCQ 13
																1,2,3,4							DHCQ 13
																7,8,9,10							DHCQ 13

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
75	3CK256 DH	9	Thực tập sản xuất tại doanh nghiệp(221)_03_TH/DHCT MCK13C	41	40	TH												7,8,9,10				DHCTMCK13C	DHCQ 13
																		1,2,3,4					DHCQ 13
								14/02-20/03/22	5	7,8,9,10													DHCQ 13
										1,2,3,4													DHCQ 13
												7,8,9,10											DHCQ 13
												1,2,3,4											DHCQ 13
														1,2,3,4									DHCQ 13
														7,8,9,10									DHCQ 13
																1,2,3,4							DHCQ 13
																7,8,9,10							DHCQ 13
																		7,8,9,10					DHCQ 13
																		1,2,3,4					DHCQ 13
																							DHCQ 13
																							DHCQ 13
76	3CK257 DH	9	Thực tập tốt nghiệp(221)_01_TH/DHCT MCK13A	48	35	TH		28/02-01/05/22	9	1,2,3,4												DHCTMCK13A	DHCQ 13
										7,8,9,10													DHCQ 13
												1,2,3,4											DHCQ 13
												7,8,9,10											DHCQ 13
														7,8,9,10									DHCQ 13
														1,2,3,4									DHCQ 13
																7,8,9,10							DHCQ 13
																		1,2,3,4					DHCQ 13
																							DHCQ 13
																		1,2,3,4					DHCQ 13
																		7,8,9,10					DHCQ 13
																							DHCQ 13

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
77	3CK257 DH	9	Thực tập tốt nghiệp(221)_02_TH/DHCT MCK13B	48	48	TH		21/03-22/05/22	9	7,8,9,10												DHCTMCK13B	DHCQ 13
										1,2,3,4													DHCQ 13
												7,8,9,10											DHCQ 13
												1,2,3,4											DHCQ 13
														1,2,3,4									DHCQ 13
														7,8,9,10									DHCQ 13
																							DHCQ 13
														7,8,9,10									DHCQ 13
																1,2,3,4							DHCQ 13
																		7,8,9,10					DHCQ 13
																		1,2,3,4					DHCQ 13
78	3CK257 DH	9	Thực tập tốt nghiệp(221)_03_TH/DHCT MCK13C	41	41	TH		21/03-22/05/22	9	1,2,3,4												DHCTMCK13C	DHCQ 13
										7,8,9,10													DHCQ 13
												7,8,9,10											DHCQ 13
												1,2,3,4											DHCQ 13
														1,2,3,4									DHCQ 13
														7,8,9,10									DHCQ 13
																							DHCQ 13
																1,2,3,4							DHCQ 13
																		7,8,9,10					DHCQ 13
																		1,2,3,4					DHCQ 13
																							DHCQ 13
																							DHCQ 13
										1,2,3,4	X.TIE N2												DHCQ 16
												1,2,3,4	X.TIE N2										DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
79	3CK204 CD	2	Tiện lữ, tiện côn(221)_01_TH	18	19	TH		25/04-15/05/22	3					1,2,3,4	X.TIE N2							DHCTMCK16A 1	DHCQ 16
																1,2,3,4	X.TIE N2						DHCQ 16
																		1,2,3,4	X.TIE N2				DHCQ 16
80	3CK204 CD	2	Tiện lữ, tiện côn(221)_02_TH	18	20	TH		25/04-15/05/22	3	1,2,3,4	X.TIE N1											DHCTMCK16A 1	DHCQ 16
												1,2,3,4	X.TIE N1										DHCQ 16
														1,2,3,4	X.TIE N1								DHCQ 16
																1,2,3,4	X.TIE N1						DHCQ 16
																		1,2,3,4	X.TIE N1				DHCQ 16
81	3CK204 CD	2	Tiện lữ, tiện côn(221)_03_TH	18	20	TH		25/04-15/05/22	3	7,8,9,10	X.TIE N2											DHCTMCK16A 2	DHCQ 16
												7,8,9,10	X.TIE N2										DHCQ 16
														7,8,9,10	X.TIE N2								DHCQ 16
																7,8,9,10	X.TIE N2						DHCQ 16
																		7,8,9,10	X.TIE N2				DHCQ 16
82	3CK204 CD	2	Tiện lữ, tiện côn(221)_04_TH	18	20	TH		25/04-15/05/22	3	7,8,9,10	X.TIE N1											DHCTMCK16A 2	DHCQ 16
												7,8,9,10	X.TIE N1										DHCQ 16
														7,8,9,10	X.TIE N1								DHCQ 16
																7,8,9,10	X.TIE N1						DHCQ 16
																		7,8,9,10	X.TIE N1				DHCQ 16
83	3CK204 CD	2	Tiện lữ, tiện côn(221)_05_TH	18	20	TH		25/04-15/05/22	3	13,14,15,16	X.TIE N1											DHCTMCK16A 2	DHCQ 16
												13,14,15,16	X.TIE N1										DHCQ 16
														13,14,15,16	X.TIE N1								DHCQ 16
																13,14,15,16	X.TIE N1						DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
																		13,14,15,16	X.TIE N1				DHCQ 16
84	3CK127 DH	2	Tự động hóa quá trình sản xuất(221)_01	53	51	LT	Lương Hải Chung	03/01-23/01/22	3			3,4	A2.404									DHCTMCK14A 1	DHCQ 14
							Lương Hải Chung	14/02-15/05/22	13			3,4	A2.404										DHCQ 14
85	3CK127 DH	2	Tự động hóa quá trình sản xuất(221)_02	50	54	LT	Lương Hải Chung	03/01-23/01/22	3							7,8	A2.103					DHCTMCK14A 2	DHCQ 14
							Lương Hải Chung	14/02-15/05/22	13							7,8	A2.103						DHCQ 14
86	3CK101 CD	2	Vật liệu cơ khí(221)_01	55	46	LT	Phạm Huy Bằng	14/02-05/06/22	16			7,8	A3.408									DHOTOCK16A 1	DHCQ 16
87	3CK101 CD	2	Vật liệu cơ khí(221)_01/DHCTMCK16 A2	52	30	LT	Kiều Anh Dũng	14/02-05/06/22	16			1,2	A3.510									Ghép: DHCTMCK16A 2 + DHKCKCK16A 1	DHCQ 16
88	3CK101 CD	2	Vật liệu cơ khí(221)_02	53	50	LT	Phạm Huy Bằng	14/02-05/06/22	16									3,4	A3.408			DHOTOCK16A 10	DHCQ 16
89	3CK101 CD	2	Vật liệu cơ khí(221)_03	55	50	LT	Phạm Huy Bằng	14/02-05/06/22	16							1,2	A3.408					DHOTOCK16A 2	DHCQ 16
90	3CK101 CD	2	Vật liệu cơ khí(221)_04	55	39	LT	Phạm Huy Bằng	14/02-05/06/22	16							7,8	A3.408					DHOTOCK16A 3	DHCQ 16
91	3CK101 CD	2	Vật liệu cơ khí(221)_05	55	45	LT		14/02-05/06/22	16			1,2	A2.310									DHOTOCK16A 4	DHCQ 16
92	3CK101 CD	2	Vật liệu cơ khí(221)_06	55	49	LT	Phạm Huy Bằng	14/02-05/06/22	16			9,10	A3.410									DHOTOCK16A 5	DHCQ 16
93	3CK101 CD	2	Vật liệu cơ khí(221)_07	56	50	LT	Phạm Huy Bằng	14/02-05/06/22	16			3,4	A3.411									DHOTOCK16A 6	DHCQ 16
94	3CK101 CD	2	Vật liệu cơ khí(221)_08	55	39	LT	Phạm Huy Bằng	14/02-05/06/22	16									7,8	A3.508			DHOTOCK16A 7	DHCQ 16
95	3CK101 CD	2	Vật liệu cơ khí(221)_09	55	51	LT	Phạm Huy Bằng	14/02-05/06/22	16					1,2	A3.508							DHOTOCK16A 8	DHCQ 16
96	3CK101 CD	2	Vật liệu cơ khí(221)_10	55	34	LT	Phạm Huy Bằng	14/02-05/06/22	16	9,10	A3.509											DHOTOCK16A 9	DHCQ 16
97	3CK168 DH	2	Vật liệu phi kim loại(221)_01_199	48	38	LT	La Ngọc Tuấn	20/12-23/01/22	5							7,8,9	A2.101					DHCTMCK15A 1	DHCQ 15
							La Ngọc Tuấn	14/02-01/05/22	11							7,8,9	A2.101						DHCQ 15
98	3CK168 DH	2	Vật liệu phi kim loại(221)_02	44	44	LT	La Ngọc Tuấn	20/12-23/01/22	5									1,2,3	A2.101			DHCTMCK15A 2	DHCQ 15
							La Ngọc Tuấn	14/02-01/05/22	11									1,2,3	A2.101				DHCQ 15
99	3CK168 DH	2	Vật liệu phi kim	44	45	LT	La Ngọc Tuấn	20/12-23/01/22	5			1,2,3	A2.106									DHCTMCK15A	DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
	DH	2	loại(221)_03	44	45	LT	La Ngọc Tuấn	14/02-01/05/22	11			1,2,3	A2.106									3	DHCQ 15
100	3CK102 CD	3	Vẽ kỹ thuật (cơ khí, ô tô)(221)_01/DHCTMCK16 A2	62	45	LT	Ngô Văn Giang	14/02-05/06/22	16									3,4,5	A3.510			DHCTMCK16A 2	DHCQ 16
101	3CK102 CD	3	Vẽ kỹ thuật (cơ khí, ô tô)(221)_02/DHCTMCK16 A1	62	47	LT	Lê Văn Sinh	14/02-05/06/22	16							7,8,9	A3.510					DHCTMCK16A 1	DHCQ 16
102	3CK102 CD	3	Vẽ kỹ thuật (cơ khí, ô tô)(221)_03	43	39	LT	Lương Văn Chiến	14/02-05/06/22	16			3,4,5	A3.410									DHKCKCK16A 1	DHCQ 16
1	4TQ002 DC	2	Giáo dục thể chất(221)_01_TH/CDCTMC K47A1	36	33	TH	Nguyễn Xuân Trường	14/02-05/06/22	16	1,2	SVD4											Ghép: CDCTMCK47A 1 +	CDCQ 47
							Nguyễn Xuân Trường										1,2	SVD4				CDHANCK47A 1 +	CDCQ 47
2	4TQ002 DC	2	Giáo dục thể chất(221)_04_TH/CDOTOC K47A1	50	44	TH	Nguyễn Đình Tuấn	14/02-05/06/22	16			10,11	SVD5									CDOTOCK47A 1	CDCQ 47
							Nguyễn Đình Tuấn												9,10	SVD5			CDCQ 47
3	4TQ002 DC	2	Giáo dục thể chất(221)_05_TH/CDOTOC K47A2	52	45	TH	Phan Văn Thám	14/02-05/06/22	16			1,2	SVD4									CDOTOCK47A 2	CDCQ 47
							Phan Văn Thám												1,2	SVD4			CDCQ 47
4	4TQ002 DC	2	Giáo dục thể chất(221)_06_TH/CDTDHC K47A1	37	33	TH	Hoàng Công Minh	14/02-05/06/22	16			1,2	SVD3									Ghép: CDTDHC K47A 1 +	CDCQ 47
							Hoàng Công Minh										1,2	SVD3				CDDDTCK47A 1	CDCQ 47
5	4TQ002 DC	2	Giáo dục thể chất(221)_08_TH/CDDCNC K47A1	44	39	TH	Lê Anh Thơ	14/02-05/06/22	16	10,11	SVD4											CDDCNC K47A 1	CDCQ 47
							Lê Anh Thơ									10,11	SVD4						CDCQ 47
6	4TQ002 DC	2	Giáo dục thể chất(221)_09_TH/CDMDK CK47A1	57	51	TH	Nguyễn Văn Luyện	14/02-05/06/22	16	10,11	SVD1											CDMDKCK47 A1	CDCQ 47
							Nguyễn Văn Luyện									10,11	SVD1						CDCQ 47
1	3TQ007 DC	2	Giáo dục thể chất 1 (thể dục + điền kinh)(221)_01/DHDDTCK1 6A2	55	36	LT	Nguyễn Văn Luyện	14/02-05/06/22	16			9,10,11	SVD1									DHDDTCK16A 2	DHCQ 16
2	3TQ007 DC	2	Giáo dục thể chất 1 (thể dục + điền kinh)(221)_01_TH/DHCTM CK16A2	62	60	TH	Hoàng Công Minh	14/02-05/06/22	16											1,2,3	SVD6	DHCTMCK16A 2	DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
3	3TQ007 DC	2	Giáo dục thể chất 1 (thể dục + điền kinh)(221)_02_TH	62	49	TH	Nguyễn Xuân Trường	14/02-05/06/22	16	9,10,11	SVD6											DHCTMCK16A1	DHCQ16
4	3TQ007 DC	2	Giáo dục thể chất 1 (thể dục + điền kinh)(221)_03_TH/DHCTTCK16A1	62	49	TH	Nguyễn Đình Tuấn	14/02-05/06/22	16			1,2,3	SVD6									DHCTTCK16A1	DHCQ16
5	3TQ007 DC	2	Giáo dục thể chất 1 (thể dục + điền kinh)(221)_04_TH/DHCTTCK16A2	54	49	TH	Nguyễn Đình Tuấn	14/02-05/06/22	16					9,10,11	SVD6							DHCTTCK16A2	DHCQ16
6	3TQ007 DC	2	Giáo dục thể chất 1 (thể dục + điền kinh)(221)_05_TH/DHDDTCK16A1	56	48	TH	Lê Anh Thơ	14/02-05/06/22	16			1,2,3	SVĐ1									DHDDTCK16A1	DHCQ16
7	3TQ007 DC	2	Giáo dục thể chất 1 (thể dục + điền kinh)(221)_06_TH/DHDDTCK16A3	54	51	TH	Lê Anh Thơ	14/02-05/06/22	16					1,2,3	SVĐ1							DHDDTCK16A3	DHCQ16
8	3TQ007 DC	2	Giáo dục thể chất 1 (thể dục + điền kinh)(221)_07_TH/DHDDTCK16A4	53	33	TH	Nguyễn Văn Luyện	14/02-05/06/22	16					9,10,11	SVĐ1							DHDDTCK16A4	DHCQ16
9	3TQ007 DC	2	Giáo dục thể chất 1 (thể dục + điền kinh)(221)_08_TH	62	44	TH	Hoàng Công Minh	14/02-05/06/22	16							9,10,11	SVĐ2					DHOTOCK16A1	DHCQ16
10	3TQ007 DC	2	Giáo dục thể chất 1 (thể dục + điền kinh)(221)_09_TH	55	46	TH	Nguyễn Xuân Trường	14/02-05/06/22	16							1,2,3	SVD6					DHOTOCK16A10	DHCQ16
11	3TQ007 DC	2	Giáo dục thể chất 1 (thể dục + điền kinh)(221)_10_TH	55	47	TH	Phan Văn Thám	14/02-05/06/22	16									1,2,3				DHOTOCK16A2	DHCQ16
12	3TQ007 DC	2	Giáo dục thể chất 1 (thể dục + điền kinh)(221)_11_TH	55	32	TH	Lê Anh Thơ	14/02-05/06/22	16					9,10,11	SVĐ2							DHOTOCK16A3	DHCQ16
13	3TQ007 DC	2	Giáo dục thể chất 1 (thể dục + điền kinh)(221)_12_TH	55	50	TH	Nguyễn Xuân Trường	14/02-05/06/22	16					1,2,3	SVĐ2							DHOTOCK16A4	DHCQ16
14	3TQ007 DC	2	Giáo dục thể chất 1 (thể dục + điền kinh)(221)_13_TH	55	53	TH	Phan Văn Thám	14/02-05/06/22	16	9,10,11	SVĐ3											DHOTOCK16A5	DHCQ16
15	3TQ007 DC	2	Giáo dục thể chất 1 (thể dục + điền kinh)(221)_14_TH	56	46	TH	Nguyễn Đình Tuấn	14/02-05/06/22	16	1,2,3	SVĐ3											DHOTOCK16A6	DHCQ16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
16	3TQ007 DC	2	Giáo dục thể chất 1 (thể dục + điền kinh)(221)_15_TH	55	40	TH	Nguyễn Xuân Trường	14/02-05/06/22	16			9,10,11	SVĐ3									DHOTOCK16A7	DHCQ16
17	3TQ007 DC	2	Giáo dục thể chất 1 (thể dục + điền kinh)(221)_16_TH	55	55	TH	Lê Anh Thơ	14/02-05/06/22	16	1,2,3	SVĐ2											DHOTOCK16A8	DHCQ16
18	3TQ007 DC	2	Giáo dục thể chất 1 (thể dục + điền kinh)(221)_17_TH	55	32	TH	Nguyễn Đình Tuấn	14/02-05/06/22	16							9,10,11	SVĐ3					DHOTOCK16A9	DHCQ16
19	3TQ007 DC	2	Giáo dục thể chất 1 (thể dục + điền kinh)(221)_18_TH/DHTDHCK16A1	58	56	TH	Lê Anh Thơ	14/02-05/06/22	16									1,2,3	SVD6			DHTDHCK16A1	DHCQ16
20	3TQ007 DC	2	Giáo dục thể chất 1 (thể dục + điền kinh)(221)_19_TH/DHTDHCK16A2	55	46	TH	Nguyễn Văn Luyện	14/02-05/06/22	16									9,10,11	SVĐ5			DHTDHCK16A2	DHCQ16
21	3TQ007 DC	2	Giáo dục thể chất 1 (thể dục + điền kinh)(221)_20_TH/DHTDHCK16A3	50	48	TH	Nguyễn Đình Tuấn	14/02-05/06/22	16							1,2,3	SVĐ2					DHTDHCK16A3	DHCQ16
22	3TQ007 DC	2	Giáo dục thể chất 1 (thể dục + điền kinh)(221)_21_TH/DHTDHCK16A4	55	25	TH	Phan Văn Thám	14/02-05/06/22	16			9,10,11	SVĐ2									DHTDHCK16A4	DHCQ16
23	3TQ007 DC	2	Giáo dục thể chất 1 (thể dục + điền kinh)(221)_22_TH/DHDTVCK16A1	64	44	TH	Phan Văn Thám	14/02-05/06/22	16							1,2,3	SVĐ1					Ghép: DHDTVCK16A1 + DHKTMCK16A1 + DHQTKCK16A1 + DHKTOCK16A1	DHCQ16
24	3TQ007 DC	2	Giáo dục thể chất 1 (thể dục + điền kinh)(221)_23_TH	50	32	TH	Hoàng Công Minh	14/02-05/06/22	16	1,2,3	SVĐ1											DHKCKCK16A1	DHCQ16
25	2TQ005 DC	1	Giáo dục thể chất I (TD+ĐK) 2(221)_1	50	14	LT		14/02-24/04/22	10											2,3,4			DHCQ12
26	2TQ006 DC	1	Giáo dục thể chất I (TD+ĐK) 3(221)_1	50	28	LT		14/02-24/04/22	10											2,3,4			DHCQ12
27	2TQ007 DH	1	Giáo dục thể chất II (Bóng chuyền) 1(221)_1	50	7	LT		14/02-24/04/22	10											9,10,11			DHCQ12
28	2TQ008 DH	1	Giáo dục thể chất II (Bóng chuyền) 2(221)_1	50	11	LT		14/02-24/04/22	10											9,10,11			DHCQ12

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		

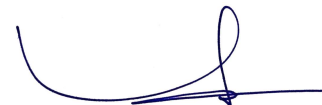
Nghệ An, ngày 17 tháng 1 năm 2021

Người lập TKB



Trần Ngọc Trường

Phó phòng Đào tạo



Phạm Văn Thông